



Báo cáo kết quả khảo sát TIẾNG NÓI TRẺ EM VIỆT NAM





Địa bàn khảo sát của dự án

Báo cáo kết quả khảo sát TIẾNG NÓI TRẺ EM VIỆT NAM



LỜI NÓI ĐẦU

Quý độc giả thân mến,

Khảo sát “Tiếng nói Trẻ em” (Young Voices) do Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Thụy Điển (Save the Children Sweden) phát triển và thực hiện lần đầu tiên vào năm 2014 và chia sẻ công cụ khảo sát tới các nước khác từ năm 2016. Sau đó, khảo sát được nhân rộng và thực hiện tại các nước như Kosovo, Lithuania, Mông Cổ, Armenia, Peru, Albania, Paraguay, và Uruguay. Khảo sát được thực hiện nhằm tạo cơ hội cho trẻ em và thanh thiếu niên trên toàn thế giới có thể lên tiếng, phản ánh những vấn đề liên quan đến trẻ em. Khảo sát Tiếng nói Trẻ em là một công cụ truyền thông và vận động chính sách dựa trên bằng chứng của Tổ chức Cứu trợ Trẻ em tại các nước cũng như các tổ chức, cơ quan đối tác.

Khảo sát “Tiếng nói Trẻ em Việt Nam” do Viện Nghiên cứu Quản lý và Phát triển bền vững (MSD) và Tổ chức Cứu trợ Trẻ em tại Việt Nam (SCI) thực hiện dựa trên khung hướng dẫn khảo sát “Young Voices” của Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Thụy Điển kết hợp với các nhu cầu và bối cảnh của việc thực hiện Công ước Quốc tế về Quyền Trẻ em và Luật trẻ em 2016 tại Việt Nam. Khảo sát được thực hiện với sự tham gia của 1.740 trẻ em Việt Nam từ 11 đến 16 tuổi ở 7 tỉnh/ thành phố thuộc ba miền Bắc, Trung, Nam. Khảo sát bao gồm sự tham gia của trẻ em ở nông thôn và thành thị; nhóm trẻ em ở trong nhà trường và nhóm trẻ em ngoài nhà trường; trẻ em người dân tộc Kinh và trẻ em người dân tộc thiểu số. Khảo sát sử dụng phương pháp thu thập thông tin qua bảng hỏi, kết hợp với thảo luận nhóm tập trung ở các địa phương để trẻ em bày tỏ quan điểm cá nhân về những kết quả ban đầu của khảo sát nhằm thu thập thêm các dẫn chứng, tiếng nói cũng như giải pháp cho các vấn đề mà các em quan tâm.

Mục tiêu tổng thể của khảo sát này là thu thập ý kiến và suy nghĩ của trẻ em về những vấn đề liên quan tới trẻ, từ đó mang tới một góc nhìn về thực trạng thực thi quyền trẻ em tại Việt Nam thông qua lăng kính của chính trẻ em. Những phát hiện của báo cáo cũng được dùng để cung cấp thông tin cho các cơ quan thực thi Quyền Trẻ em và là dẫn chứng cho báo cáo bổ sung gửi đến Ủy Ban Quyền Trẻ em của Liên Hợp Quốc vào năm 2020.

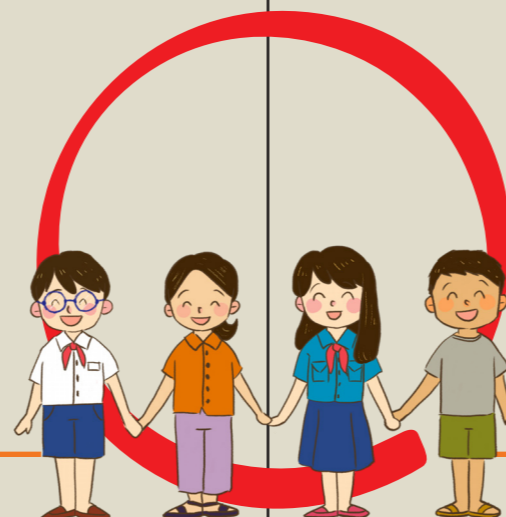
Để bảo vệ và thúc đẩy Quyền Trẻ em một cách toàn diện, Tiếng nói của trẻ em phải được lắng nghe và thấu hiểu. Chúng tôi tin tưởng rằng việc lắng nghe, ghi nhận tiếng nói trẻ em – chủ thể của quyền trẻ em - cùng với những hành động thiết thực sẽ giúp thực hiện một cách hiệu quả hơn các chương trình hỗ trợ và bảo vệ trẻ em cũng như việc thực hiện quyền trẻ em của những bên có trách nhiệm thực thi quyền. Hy vọng báo cáo khảo sát này sẽ thúc đẩy hành động thực tế của các bên liên quan – các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức xã hội trong nước và quốc tế, các cơ quan truyền thông, các doanh nghiệp, nhà trường, phụ huynh và cộng đồng nói chung - trong việc đảm bảo quyền của trẻ em.

Thay mặt MSD, tôi xin gửi lời trân trọng cảm ơn tới Tổ chức Cứu trợ Trẻ em tại Việt Nam (SCI) và Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Thụy Điển (SCS) đã hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho khảo sát này, đặc biệt là bà Barbara Voors, ông Henk Van Beers, bà Titta Lassila từ SCS và bà Hoàng Thị Tây Ninh, bà Nguyễn Thị Tú Nga và bà Nguyễn Thị Minh An từ SCI đã trực tiếp tham gia bình luận, hiệu chỉnh để đảm bảo chất lượng báo cáo. Xin cảm ơn nhóm nghiên cứu Ts. Lưu Thị Lịch và Ts. Phạm Thị Hồng Phương, cảm ơn các thành viên nhóm điều phối và nhóm khảo sát đã tích cực hỗ trợ thực hiện cuộc khảo sát, cảm ơn Ts. Bùi Hải Thiêm đã cùng tôi hiệu đính báo cáo khảo sát tóm tắt. Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn tới Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban giám hiệu của 19 trường học và các tổ chức xã hội đã hỗ trợ tiếp cận trẻ em tại 7 tỉnh, thành phố và lời cảm ơn đặc biệt tới 1.740 trẻ em đã tham gia khảo sát này.

Rất mong nhận được phản hồi tích cực của Quý độc giả.

Trân trọng,

Ths. Nguyễn Phương Linh – Viện trưởng MSD



CÁC TỪ VIẾT TẮT

BĐKH	Biên đổi khí hậu
CLB	Câu lạc bộ
CRD	Trung tâm Phát triển Nông thôn miền Trung
LHQ	Liên Hợp Quốc
MSD	Viện Nghiên cứu Quản lý Phát triển Bền vững
PCBLXH	Phòng chống bạo lực, xâm hại
QTE	Quyền Trẻ em
SCI	Tổ chức Cứu trợ Trẻ em
TENNT	Trẻ em ngoài nhà trường
YV	Young Voices – Tiếng nói Trẻ em
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
Công ước	Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền trẻ em

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	4
CÁC TỪ VIẾT TẮT	6
DANH MỤC BẢNG BIỂU	8
15 PHÁT HIỆN NỔI BẬT	10
5 KHUYẾN NGHỊ HÀNH ĐỘNG CHÍNH	13
GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	14
TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT	15
1. Mục tiêu của khảo sát	15
2. Địa bàn khảo sát	15
3. Phương pháp khảo sát	15
4. Mẫu khảo sát	17
5. Hạn chế của khảo sát	19
CÁC KẾT QUẢ CHÍNH	
KHẢO SÁT THÚC ĐẨY TIẾNG NÓI CỦA TRẺ EM	20
1. Hiểu biết của trẻ em về Quyền Trẻ em và Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em	20
2. Tôn trọng các ý kiến của trẻ	24
3. Trẻ em lớn lên trong các hoàn cảnh khác nhau	31
4. Trường học và giáo dục	35
5. Sống an toàn, khỏe mạnh	40
6. Biên đổi khí hậu	49
7. Tương lai	51
KHUYẾN NGHỊ HÀNH ĐỘNG	54
TÀI LIỆU THAM KHẢO	57
PHỤ LỤC – SỐ LIỆU BẢNG HỎI KHẢO SÁT	58



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu đồ 1. Số trẻ em theo đặc điểm khu vực sinh sống và độ tuổi	18
Biểu đồ 2. Hiểu biết của trẻ em trong nhà trường về Công ước của LHQ về QTE và QTE	20
Biểu đồ 3. Tỷ lệ trẻ tiếp cận Công ước của LHQ về QTE và QTE tại trường học 12 tháng qua	21
Biểu đồ 4. Tỷ lệ trẻ tiếp cận về QTE qua các nguồn thông tin	22
Biểu đồ 5. Nguồn tiếp cận thông tin về QTE của nhóm trẻ trong nhà trường và nhóm trẻ ngoài nhà trường	23
Biểu đồ 6. Tỷ lệ trẻ có cơ hội bày tỏ ý kiến của mình với người có thẩm quyền ra quyết định	25
Biểu đồ 7. Tỷ lệ trẻ em có cơ hội đưa ra ý kiến của mình ở các môi trường khác nhau	25
Biểu đồ 8. Tỷ lệ các hình thức bày tỏ ý kiến của trẻ em	27
Biểu đồ 9. Các hình thức trẻ bày tỏ ý kiến theo giới tính	27
Biểu đồ 10. Các vấn đề trẻ mong muốn được bày tỏ ý kiến	28
Biểu đồ 11. So sánh các vấn đề trẻ quan tâm theo giới tính	29
Biểu đồ 12. Tỷ lệ mục đích sử dụng mạng Internet	32
Biểu đồ 13. Tỷ lệ trẻ nam và trẻ nữ không được tham gia các hoạt động giải trí	34
Biểu đồ 14. Tỷ lệ trẻ được học về PCBLXH qua các nguồn khác nhau	36
Biểu đồ 15. Tỷ lệ trẻ được tham gia vào kế hoạch PCBLXH	36
Biểu đồ 16. Tỷ lệ trẻ được học An toàn mạng theo giới tính, khu vực, độ tuổi và loại trường học	37
Biểu đồ 17. Tỷ lệ trẻ lo lắng về các vấn đề khác nhau theo giới tính	41
Biểu đồ 18. Các địa điểm trẻ cảm thấy an toàn và ít an toàn	43
Biểu đồ 19. Tần suất cảm thấy an toàn khi sử dụng mạng	44
Biểu đồ 20. Trẻ đánh giá nguy cơ gặp phải khi sử dụng mạng	44

Biểu đồ 21. Tỷ lệ trẻ đánh giá nguy cơ cao nhất có thể gặp phải trên mạng internet theo giới tính	44
Biểu đồ 22. Tỷ lệ trẻ nhận định về lí do trẻ em bị bắt nạt	45
Biểu đồ 23. Các hình thức trừng phạt người lớn áp dụng với trẻ em	45
Biểu đồ 24. Tỷ lệ trẻ chứng kiến các hình thức xử phạt theo khu vực	46
Biểu đồ 25. Tỷ lệ trẻ tìm kiếm các nguồn trợ giúp khác nhau	47
Biểu đồ 26. Tỷ lệ trẻ em lựa chọn sử dụng Tổng đài 111 khi cần trợ giúp	48
Biểu đồ 27. Tỷ lệ trẻ em không biết tìm các nguồn trợ giúp	49
Biểu đồ 28. Số trẻ em không thể đến trường do ảnh hưởng của môi trường ở các địa phương	50
Biểu đồ 29. Tỷ lệ trẻ suy nghĩ tích cực về tương lai	52
Biểu đồ 30. Tỷ lệ trẻ nhận định về khả năng tìm được việc làm sau khi ra trường theo giới tính.	52
Biểu đồ 31. Tỷ lệ trẻ nhận định về khả năng tìm được việc làm sau khi ra trường theo khu vực và nhóm tuổi	53
Bảng 1. Bản đồ các địa bàn triển khai nghiên cứu	19
Bảng 2. Tỷ lệ trẻ tiếp cận các nguồn thông tin về QTE theo khu vực	23
Bảng 3. Xếp loại mức độ quan trọng của các vấn đề Việt Nam cần hành động	30
Bảng 4. Chủ đề phổ biến về An toàn Internet trẻ được học	38
Bảng 5. Vấn đề lo lắng của trẻ trong 12 tháng qua	40
Bảng 6. Tỷ lệ trẻ trong nhà trường và ngoài nhà trường lo lắng về các vấn đề khác nhau	42
Bảng 7. Thứ tự các vấn đề môi trường trẻ em lo lắng	50



15 PHÁT HIỆN NỔI BẬT

1. Cứ mỗi 2 trẻ em thì có 1 trẻ nói “chưa từng nghe nói đến” Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em. Cứ mỗi 7 trẻ em trong nhà trường và 3 trẻ em ngoài nhà trường thì có 1 trẻ “chưa từng nghe nói đến” khái niệm Quyền Trẻ em.
2. Trẻ em tiếp cận thông tin về Quyền Trẻ em chủ yếu thông qua mạng xã hội (61,3%); qua báo, đài, tivi (58,8%) và qua các tổ chức hỗ trợ trẻ em (26,1%). Tỷ lệ trẻ em tiếp cận thông tin về Quyền Trẻ em thông qua chính quyền địa phương rất thấp (11,6%).
“Bố mẹ em không đề cập đến Quyền Trẻ em, bố mẹ em không biết cái đây, bố mẹ em còn vi phạm Quyền Trẻ em.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Hà Nội
3. Cứ 10 trẻ em thì có 9 trẻ cho rằng mình không có hoặc có ít cơ hội để bày tỏ ý kiến của mình với người có thẩm quyền ra quyết định. Trong khi đó, gần 90% trẻ em nói rằng việc người lớn lắng nghe tiếng nói trẻ em là rất quan trọng.



“Ở địa phương thì người lớn không nghe theo ý kiến của mình và nói trẻ con không biết gì.”

- Trẻ nam, 16 tuổi, Lào Cai

“Người lớn cũng có ý kiến sai, thế nên trẻ em có thể chia sẻ ý kiến với người lớn để người lớn có quyết định đúng hơn.”

- Thảo luận nhóm trẻ em tại Tiền Giang

4. Trong 12 tháng qua, đa số trẻ em được bày tỏ ý kiến của mình ở nhà (74%) hoặc ở trường (59,7%), trẻ em chưa có nhiều cơ hội được tham gia ý kiến tại nơi trẻ sinh sống (7,6%) và với chính quyền địa phương (2,2%).
5. Trong các vấn đề trẻ em muốn bày tỏ ý kiến, việc học tập và trường học là hai nội dung trẻ quan tâm nhất (61,3%), tiếp đến là quyền bình đẳng giới (44,3%), sự an toàn của trẻ tại không gian trẻ sinh sống, học tập (43,4%) và các hoạt động vui chơi cho trẻ em (43,2%).
6. Cứ 5 trẻ em thì có 3 trẻ cảm thấy an toàn khi sử dụng Internet. 60% trẻ em tự học về kiến thức an toàn khi sử dụng Internet, 56% trẻ em được cha mẹ, người thân trong gia đình hướng dẫn và 53% trẻ em được thầy cô giáo dạy về an toàn Internet.

7. 95% trẻ trong nhà trường được học hoặc nghe nói đến phòng chống bạo lực, xâm hại. 24% trẻ không biết phải tìm sự trợ giúp từ đâu khi gặp phải các vấn đề trong gia đình. Cứ 2 trẻ em thì có 1 trẻ sẽ tìm đến sự trợ giúp của công an nếu chứng kiến trẻ khác bị xâm hại. Cứ 10 trẻ em thì có 7 trẻ tìm đến cha mẹ khi bị xâm hại và cứ 10 trẻ thì có 4 trẻ tìm đến sự giúp đỡ của bạn bè khi gặp phải các vấn đề trong gia đình.
8. Hơn 80% trẻ đã từng trực tiếp chứng kiến các bạn và/hoặc anh, chị, em của mình bị người lớn xử phạt khi mắc lỗi. Trong đó, 73,6% trẻ nói đã chứng kiến việc này xảy ra tại gia đình của mình.
9. Cứ 5 trẻ em thì có 1 em chứng kiến trẻ khác bị người lớn trừng phạt ở địa điểm công cộng. Tương tự, cứ 5 trẻ em thì có 1 trẻ đã từng chứng kiến các hình thức trừng phạt thể chất và tinh thần tại trường học.

“Em muốn nói rằng bố mẹ thường xuyên sử dụng trừng phạt bạo lực khi em phạm lỗi.” - Trẻ nữ, 13 tuổi, Hà Nội

“Con sẽ hành động giống người lớn, ví dụ con đánh em của con, để bố mẹ thấy việc mình đánh con là sai.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Hải Phòng

“Mẹ con giảng, con đã bảo con không hiểu rồi nhưng mẹ con cố đầu con và bảo “Sao mà ngu thế.” “Bố mẹ hay so sánh “Con nhà người ta toàn được điểm 10 kìa”, nhưng khi con được 10 điểm Lịch sử, bố mẹ lại bảo “Bao nhiêu người cũng được 10 kìa”.

- Thảo luận nhóm trẻ em tại Hà Nội

10. 85% trẻ em trong nhà trường cảm thấy hài lòng về việc giảng dạy của thầy, cô giáo.
11. Cứ 3 trẻ em thì có 2 em có ít nhất một nỗi lo lắng. Cứ 5 trẻ em thì có 1 trẻ không đủ điều kiện tài chính để tham gia các hoạt động ngoại khóa và vui chơi, giải trí nơi trẻ sinh sống. Cứ 10 trẻ thì có 4 trẻ thỉnh thoảng cảm thấy buồn bã, căng thẳng vì không có cơ hội tham gia vào hoạt động vui chơi, giải trí.
12. Hơn 50% trẻ em ngoài nhà trường đang phải lao động để giúp gia đình có thêm thu nhập. Các em thường phải lao động từ 8 - 10 tiếng/ngày để phụ giúp gia đình.



13. Hơn một nửa số trẻ em được hỏi có suy nghĩ tích cực về tương lai. 57% trẻ em lo lắng về cơ hội có việc làm trong tương lai.

“Em muốn có một công việc phù hợp và ổn định.” - Trẻ nam, 16 tuổi, Lào Cai

“Em mong ước một tương lai tốt đẹp, có công việc ổn định, môi trường không bị ô nhiễm.” (Trẻ nữ, 15 tuổi, Thừa Thiên Huế)



“Em muốn cuộc sống bình thường, đủ điều kiện để trang trải cuộc sống, hàng ngày ăn cơm vui vẻ cùng gia đình và có công việc ổn định.”
- Trẻ nữ, 13 tuổi, Đắk Lắk

14. Cứ 8 trong số 10 trẻ em được hỏi cảm thấy lo lắng về biến đổi khí hậu và các vấn đề về môi trường. Trong 12 tháng qua, cứ 3 trẻ em thì có 1 trẻ không thể đến trường và tham gia các hoạt động vui chơi ngoài trời vì biến đổi khí hậu và các vấn đề môi trường. 50% trẻ em nói rằng cuộc sống của các em trong tương lai sẽ khác với hiện tại do tác động của biến đổi khí hậu.

“Môi trường ô nhiễm có thể khiến trẻ em bị bệnh, ảnh hưởng không tốt tới việc học tập và sức khỏe của trẻ.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Lào Cai

“Hít phải không khí ô nhiễm sẽ khiến cho chúng ta bị bệnh và gây ra bệnh ung thư.” - Trẻ nam, 14 tuổi, Thừa Thiên Huế

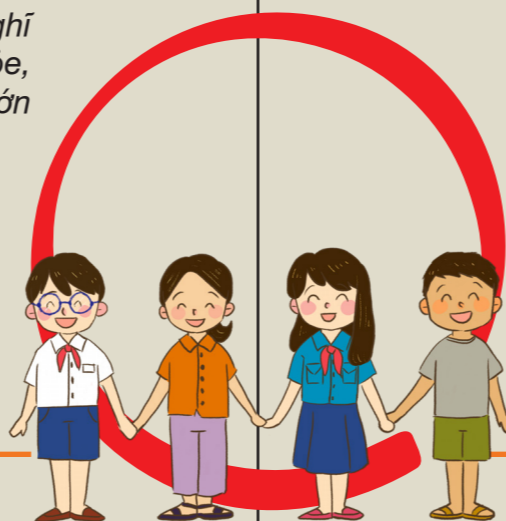
15. 3 vấn đề ưu tiên mà trẻ em Việt Nam muốn hành động nhiều hơn để giải quyết và cải thiện là: (1) Xâm hại trẻ em, (2) Bắt nạt qua mạng, (3) Trùng phạt thể chất và tinh thần đối với trẻ em.

Hiện tại có quá nhiều trẻ em bị xâm hại.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Hải Phòng

“Khi người lớn trừng phạt trẻ em có thể khiến cho các em có những suy nghĩ tiêu cực, gây ra hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng về mặt tâm lý, sức khỏe, kinh tế, ảnh hưởng đến tình cảm, cảm xúc của mối quan hệ giữa người lớn và trẻ em.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Tiền Giang

5 KHUYẾN NGHỊ HÀNH ĐỘNG CHÍNH

1. **Các cơ quan quản lý nhà nước** cần chú ý tới các giải pháp thực hiện chính sách, có các cơ chế thân thiện với trẻ em để bảo đảm trẻ em được tham gia, được bày tỏ ý kiến, được lắng nghe và các ý kiến của trẻ cần được lưu ý trong tất cả các vấn đề có liên quan tới trẻ em.
2. **Chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội** cần đặc biệt lưu ý và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho các nhóm trẻ dễ bị tổn thương như trẻ khuyết tật, trẻ ngoài nhà trường, trẻ ở các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc thiểu số, trẻ có giới tính khác... để đảm bảo trẻ em có hiểu biết tốt hơn về quyền của mình và có khả năng tiếp cận các dịch vụ sẵn có và thân thiện với trẻ em.
3. **Các cơ quan quản lý nhà nước** cần ban hành các chính sách và hướng dẫn nhằm ngăn chặn tất cả các hành vi trừng phạt trẻ ở nhà trường và trong cộng đồng, đặc biệt là trong gia đình.
4. **Các cơ quan quản lý nhà nước** cần tăng cường các hoạt động phổ biến Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em và Luật Trẻ em 2016, các dịch vụ hỗ trợ trẻ em, Tổng đài Quốc gia về Bảo vệ trẻ em 111 cho trẻ em, cha mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ và cộng đồng. Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở Giáo dục và Đào tạo cấp tỉnh, thành phố cần cải tiến chương trình giáo dục về Quyền Trẻ em và Công ước Liên hợp quốc về Quyền Trẻ em trong hệ thống giáo dục.
5. **Các cơ quan quản lý nhà nước** cần thúc đẩy sự hợp tác chặt chẽ giữa chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội, gia đình và nhà trường trong việc bảo vệ Quyền Trẻ em.



GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Trẻ em là mọi người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn (theo điều 1 của Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em, sau đây gọi tắt là Công ước).

Trẻ em trong nhà trường tham gia khảo sát này là trẻ đang đi học tại các trường Trung học cơ sở hoặc Trung học phổ thông, các trường học này có thể là trường công lập hoặc dân lập, tư thục.

Trẻ em ngoài nhà trường là trẻ em tại thời điểm tham gia khảo sát không đi học tại các trường học theo chương trình phổ thông. Trước đó, trẻ có thể chưa từng đi học bao giờ hoặc đã từng đi học nhưng bỏ học. Hiện tại, trẻ có thể đang theo học tại lớp học tình thương hoặc học nghề, đi làm.

Quyền Trẻ em được hiểu là những quyền con người được áp dụng riêng cho trẻ em. Quyền Trẻ em nhằm đảm bảo lợi ích tốt nhất cho trẻ, bảo vệ để trẻ em được sống trong môi trường an toàn và trẻ được phát triển, tham gia đầy đủ. Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở Châu Á và quốc gia thứ hai trên Thế giới phê chuẩn Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em vào ngày 20/02/1990. Quyền Trẻ em hiện nay cũng được quy định trong Luật Trẻ em được Quốc hội thông qua ngày 05/04/2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/06/2017. Theo đó, có 25 quyền và 5 nghĩa vụ của trẻ em đã được quy định trong Luật này.

TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT

1. MỤC TIÊU CỦA KHẢO SÁT

Mục tiêu chung của khảo sát là thu thập ý kiến, suy nghĩ của trẻ em về những vấn đề liên quan trực tiếp tới trẻ em, từ đó, xem xét thực trạng thực thi Quyền Trẻ em (QTE) tại Việt Nam dưới góc nhìn của trẻ. Những kết quả của khảo sát này được sử dụng để cung cấp thông tin cho các cơ quan thực thi QTE ở Việt Nam cũng như cung cấp thông tin cho báo cáo bổ sung gửi cho Ủy ban về Quyền Trẻ em của Liên Hợp Quốc (LHQ). Kết quả khảo sát cũng sẽ được sử dụng như là bằng chứng cho việc thực hiện quyền trẻ em và xây dựng chương trình và can thiệp hỗ trợ trẻ em.

2. ĐỊA BÀN VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN KHẢO SÁT

Khảo sát bằng hỏi được thực hiện tại 11 Trường Trung học cơ sở (THCS) và 5 trường Trung học phổ thông (THPT), 3 trường Liên cấp (trong đó có 1 trường liên cấp quốc tế). Trong số các trường được khảo sát có: 18 trường công lập và 1 trường liên cấp quốc tế ngoài công lập. Khảo sát được thực hiện ở 16 xã/phường thuộc 16 quận/huyện của 7 tỉnh/thành phố bao gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Lào Cai (đại diện cho khu vực phía Bắc), Thừa Thiên Huế (đại diện khu vực miền Trung), Đắk Lắk (đại diện cho khu vực Tây Nguyên), Tiền Giang (đại diện cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long), thành phố Hồ Chí Minh (đại diện cho khu vực miền Nam). Đây cũng là các tỉnh, thành phố được đánh giá có bối cảnh thực thi QTE khác nhau. Theo xếp hạng của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, thứ tự các tỉnh/thành phố thực hiện Quyền Trẻ em năm 2017 có kết quả như sau: Hà Nội là địa phương đứng thứ 1 trong bảng xếp hạng, tiếp đến là Lào Cai (thứ 3), thành phố Hồ Chí Minh (thứ 11), Hải Phòng (thứ 16), Huế (thứ 17), Tiền Giang (thứ 38) và Đắk Lắk (thứ 40)¹. Do đó, các tỉnh, thành phố được chọn giúp báo cáo phản ánh được những bối cảnh khác nhau về thực trạng thực thi Quyền Trẻ em trên toàn quốc.

Kế hoạch thực hiện báo cáo Tiếng nói Trẻ em Việt Nam được bắt đầu từ tháng 8 năm 2019 và công việc thu thập dữ liệu diễn ra vào tháng 9 và tháng 10 năm 2019 tại 7 tỉnh/ thành phố. Bản báo cáo khảo sát đầy đủ được viết và hoàn thiện trong tháng 5 năm 2020.

3. PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT

3.1. PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU

Mẫu khảo sát này được chọn theo phương pháp chọn mẫu định ngạch. Trong hoàn cảnh nguồn lực còn hạn chế, phương pháp này lựa chọn mẫu một cách thuận tiện, có chủ đích dựa vào khả năng tiếp cận với trẻ em nhưng vẫn đảm bảo tính đa dạng của mẫu bao gồm: địa bàn sinh sống của trẻ ở cả ba miền (Miền Bắc, miền Trung và miền Nam), giới tính của trẻ (nam, nữ và giới tính khác), độ tuổi của trẻ (từ 11 - 16 tuổi), trình độ văn hóa của trẻ (lớp 6 - 8 - 10), trẻ trong nhà trường và ngoài nhà trường, trẻ ở khu vực thành thị và nông thôn. Học sinh tham gia khảo sát được giáo viên và ban giám hiệu nhà trường lựa chọn

¹ Quyết định số 1513/QĐ-LĐTĐ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về kết quả xếp hạng các tỉnh, thành phố về thực hiện quyền trẻ em năm 2016-2017



phù hợp với thời gian biểu của nhà trường. Trẻ em ngoài nhà trường được lựa chọn một cách ngẫu nhiên bởi các tổ chức xã hội tham gia hỗ trợ khảo sát. Các em là trẻ em sống ở cơ sở bảo trợ xã hội, trẻ em tham gia lớp học tình thương và trẻ em sống ở các xã/phường tại Lào Cai, Thừa Thiên Huế và thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

3.2.1. Nghiên cứu tài liệu thứ cấp

Báo cáo sử dụng một số văn bản về chính sách liên quan đến trẻ em như Luật trẻ em, Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em để làm rõ một số thuật ngữ sử dụng trong báo cáo và khung phân tích của báo cáo.

Khảo sát cũng sử dụng một số báo cáo của Việt Nam về việc thực thi QTE, báo cáo phân tích tình hình trẻ em Việt Nam, báo cáo tóm tắt Tiếng nói Trẻ em của một số nước trên thế giới những năm gần đây.

3.2.2. Bảng hỏi

Bảng hỏi do MSD và SCI xây dựng dựa trên bộ câu hỏi đã được Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Thụy Điển thiết kế cho khảo sát Young Voices năm 2014 cho nhóm trẻ trong nhà trường và bổ sung thêm một số thông tin được quan tâm tại Việt Nam như vấn đề môi trường, vấn đề trừng phạt thể chất và tinh thần đối với trẻ. Ngoài ra, khảo sát Tiếng nói Trẻ em tại Việt Nam còn tiếp cận với nhóm trẻ ngoài nhà trường nên bảng hỏi trong khảo sát này được thiết kế riêng cho 02 nhóm trẻ trong nhà trường và nhóm trẻ ngoài nhà trường. Nội dung của bảng hỏi bao gồm 7² phần với 57 câu hỏi dành cho trẻ trong nhà trường và 06 phần với 49 câu hỏi dành cho trẻ ngoài nhà trường. Bộ câu hỏi dành nhóm trẻ ngoài nhà trường đã được điều chỉnh một số nội dung phù hợp với môi trường sống của nhóm trẻ này, cụ thể: loại bỏ một số câu hỏi về trường học và các nội dung liên quan đến giáo dục không phù hợp với nhóm trẻ ngoài nhà trường. Các trẻ tham gia khảo sát được phát phiếu hỏi để tự điền tại lớp học với sự giám sát và hướng dẫn của nhóm nghiên cứu. Trước khi trả lời bảng hỏi, trẻ em được giới thiệu về mục tiêu, bảng hỏi khảo sát, và trẻ em có thể đưa ra những câu hỏi để người thực hiện khảo sát làm rõ nội dung hơn trước và trong quá trình khảo sát. Không có sự ảnh hưởng hay can thiệp từ người lớn tới quá trình điền thông tin bảng hỏi của trẻ em.

3.2.3. Thảo luận nhóm tập trung

Thảo luận nhóm được tiến hành sau khi các dữ liệu định lượng đã được xử lý, phân tích và các kết quả sơ bộ ban đầu đã được hình thành. Thảo luận nhóm nhằm thu thập thêm thông tin và làm rõ các vấn đề đã phát hiện từ nghiên cứu định lượng và thu thập các ý kiến phản hồi trực tiếp, các giải pháp và kiến nghị của trẻ em. Ở mỗi tỉnh, thành phố, 10 trẻ đã tham gia đợt khảo sát định lượng trước đó đã được mời một cách ngẫu nhiên tham gia vào thảo luận nhóm tập trung, bao gồm cả trẻ em nam và trẻ em nữ trong khoảng thời gian 120 phút. Tổng số 70 trẻ tham gia vào 7 cuộc thảo luận nhóm tại 7 tỉnh/thành phố, trong đó có 10 trẻ ở ngoài nhà trường được tập hợp thành 1 nhóm thảo luận riêng và 60 trẻ trong nhà trường được lập thành 6 nhóm thảo luận.

² 7 phần bao gồm: Phần 1: Thông tin chung; Phần 2: Hiểu biết về quyền trẻ em; Phần 3: Quyền được lắng nghe, bày tỏ ý kiến của trẻ em; Phần 4: Hoàn cảnh sống của trẻ em; Phần 5: Trường học và các vấn đề giáo dục trẻ em; Phần 6: Quyền được sống khỏe mạnh, an toàn của trẻ; Phần 7: Tương lai.

Nội dung thảo luận nhóm gồm 2 phần chính:

- i) Chia sẻ kết quả nghiên cứu: Kết quả nghiên cứu được trình bày trên poster với ngôn ngữ, hình ảnh thân thiện với trẻ.
- ii) Tìm hiểu quan điểm của trẻ về các kết quả đã được chia sẻ từ nghiên cứu định lượng thông qua việc đặt cho trẻ các câu hỏi gợi mở về kết quả nghiên cứu và để trẻ bày tỏ ý kiến về các kết quả nghiên cứu đó cũng như đề xuất các giải pháp cho những vấn đề được nêu ra theo cách hiểu và suy nghĩ của trẻ.

3.3. PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ SỐ LIỆU

3.3.1. Số liệu định lượng

Tất cả các bảng hỏi khi thu về đều được làm sạch để loại bỏ các phiếu trả lời không đảm bảo chất lượng (cụ thể là loại bỏ các phiếu bỏ trống quá nhiều thông tin).

Số liệu thu được từ điều tra bảng hỏi được mã hóa, nhập liệu bằng phần mềm CsPro và được xử lý phân tích, đánh giá bằng các phép thống kê mô tả thông qua phần mềm SPSS phiên bản 22.0.

3.3.2. Thông tin định tính từ thảo luận nhóm

Thiết kế khảo sát đã có kế hoạch thực hiện một số cuộc thảo luận nhóm nhằm sử dụng ý kiến trẻ em để xác nhận kết quả nghiên cứu định lượng. Nội dung các cuộc thảo luận nhóm được một người ghi chép lại trung thực các ý kiến của trẻ. Những thông tin này được lựa chọn để đưa vào trong các trích dẫn ở từng phần nội dung để làm nổi bật, làm rõ hơn các quan điểm của trẻ.

4. MẪU KHẢO SÁT

Tổng số trẻ được mời tham gia vào khảo sát là 1.740 trẻ, có phân bố số lượng từng nhóm trẻ tương ứng với dân số của các địa bàn được lựa chọn. Trong đó, có 7 trẻ không trả lời phiếu khảo sát, 41 phiếu khảo sát không đảm bảo yêu cầu thông tin (12 trẻ vượt quá số tuổi hoặc ít tuổi hơn quy định trong khảo sát, 29 phiếu không đảm bảo chất lượng do thiếu thông tin quá nhiều) nên được loại ra khỏi mẫu phân tích. Do vậy, tổng số mẫu phù hợp được phân tích trong báo cáo này là 1.692 trẻ, đảm bảo cân bằng về giới tính nam (820 trẻ, trong đó có 28 trẻ em ngoài nhà trường), nữ (852 trẻ, trong đó có 41 trẻ em ngoài nhà trường) và có 20 trẻ giới tính khác (tất cả các em này là trẻ em trong nhà trường). Khảo sát cũng mời 70 trẻ đã trả lời bảng hỏi tham gia vào các cuộc thảo luận nhóm ở 7 tỉnh/thành phố (Mỗi tỉnh/ thành phố tổ chức 1 cuộc thảo luận nhóm với 10 trẻ).

Về đặc điểm dân tộc: Có 1.530 trẻ (tương ứng với 90,4% trẻ được hỏi) là người dân tộc Kinh. Số trẻ thuộc các dân tộc thiểu số khác (Dao, H'Mông, Nùng, Hoa...) rất thấp, chỉ chiếm 9,6% tổng số trẻ tham gia vào nghiên cứu. Việt Nam có 54 dân tộc, trẻ em thuộc dân tộc thiểu số tham gia cuộc khảo sát chủ yếu tập trung tại tỉnh Lào Cai thuộc khu vực miền núi phía Bắc (36 trẻ người H'mong, 53 trẻ người Dao); do vậy, mẫu nghiên cứu này cũng chưa mang tính đại diện cho tiếng nói của nhóm trẻ ở vùng dân tộc thiểu số trong cả nước³.

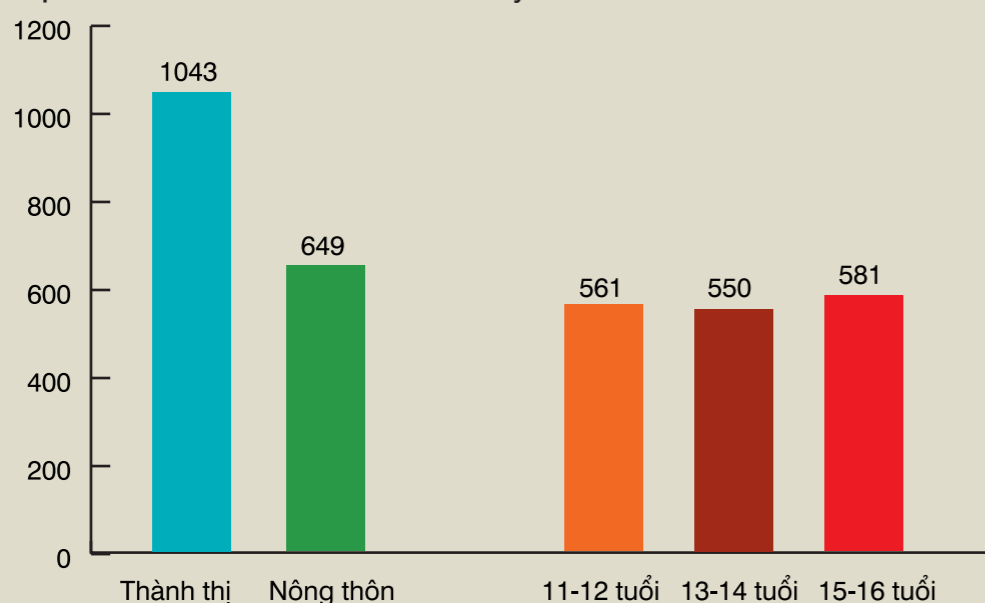
Về tình trạng khuyết tật: Tỷ lệ trẻ khuyết tật tham gia khảo sát chiếm 1,5% tổng số trẻ tham gia, trong đó có 9 trẻ khuyết tật về vận động, 8 trẻ khuyết tật về nghe, nói, 7 trẻ khuyết tật về nhìn, 1 trẻ có dạng khuyết tật khác.

³ Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê, có 14,7% dân số là người không thuộc dân tộc Kinh. Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=382&ItemID=19440>



Số trẻ ngoài nhà trường chiếm 4,1% (69 trẻ) thuộc 3 tỉnh Lào Cai, Thừa Thiên Huế và TP Hồ Chí Minh, số trẻ trong nhà trường chiếm 95,9% (1.623 trẻ). Do đó, những phân tích về trẻ em ngoài nhà trường trong khảo sát này chỉ mang tính so sánh với nhóm trẻ đang đi học và cũng không phản ánh hết các đặc điểm của nhóm trẻ ngoài nhà trường ở Việt Nam⁴. Hầu hết trẻ em ngoài nhà trường đã từng đi học (94,2%). Thời gian nghỉ học của nhóm trẻ này là từ 1 đến 9 năm; lí do nghỉ học chủ yếu là do hoàn cảnh gia đình khó khăn, trẻ phải nghỉ học để lao động phụ giúp gia đình, một số trường hợp là do chán học, không thi đỗ cấp 3 (THPT), cá biệt có trường hợp do chuyển đến ở cùng cha mẹ nhưng không có giấy khai sinh nên không tiếp tục theo học. Hiện nay, số trẻ này đang được đi học tại cơ sở bảo trợ xã hội (21,7%), hoặc đang theo học tại lớp học tình thương (62,3%), hay đang ở cùng gia đình và không tiếp tục đi học (16%).

Đặc điểm về độ tuổi, khu vực sinh sống của mẫu khảo sát phân bố khá đồng đều được mô tả như ở biểu đồ 1 dưới đây:



Biểu đồ 1. Số trẻ em theo đặc điểm khu vực sinh sống và độ tuổi (n = 1.692)

Nhóm trẻ trong nhà trường gồm các em học sinh lớp 6 (33,7%), lớp 8 (32,6%) và lớp 10 (33,7%), trong đó có 32,4% trẻ đang là cán bộ của lớp và/hoặc cán bộ của trường - những trẻ em có lợi thế về tiếp cận thông tin về quyền trẻ em và có cơ hội chia sẻ ý kiến thay mặt lớp. Loại hình trường của trẻ theo học chủ yếu là trường công lập (90%), trường tư thục (10%), trong đó có 01 trường Quốc tế.

⁴ Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê, có 8,3% trẻ em trong độ tuổi đi học phổ thông nhưng không đến trường. Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=382&ItemID=19440>

Tỉnh/thành	Số lượng trẻ em tham gia khảo sát	Tỷ lệ %
Hà Nội	243	14,4
Hải Phòng	254	15,0
Lào Cai	194	11,5
Thừa Thiên Huế	252	14,9
Đắk Lắk	234	13,8
TP. Hồ Chí Minh	268	15,8
Tiền Giang	247	14,6

Bảng 1. Tổng hợp các địa bàn triển khai nghiên cứu

5. HẠN CHẾ CỦA KHẢO SÁT

Khảo sát này được thực hiện chủ yếu với phương pháp định lượng (bảng hỏi), kết hợp với phương pháp định tính thông qua thảo luận nhóm, không thực hiện phỏng vấn sâu. Việc hạn chế về thời gian, phương pháp nghiên cứu trong quá trình thu thập thông tin có ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng thông tin thu được.

Khảo sát được thực hiện theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện với tỷ lệ khá cao trẻ em có thể được lựa chọn theo kết quả học tập và rèn luyện tốt (32,4% là cán bộ lớp) nên mẫu nghiên cứu không mang tính đại diện cho toàn bộ trẻ em Việt Nam mà tập trung vào nhóm trẻ nam và trẻ nữ từ 11 đến 16 tuổi. Ngoài ra, khảo sát có sự tham gia của trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ khuyết tật, trẻ ngoài nhà trường để đảm bảo tính bao gồm (inclusion) với hầu hết các nhóm trẻ, số lượng trẻ của các nhóm này trong báo cáo chưa đủ lớn để đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ các nhóm trẻ này tại Việt Nam.



CÁC KẾT QUẢ CHÍNH

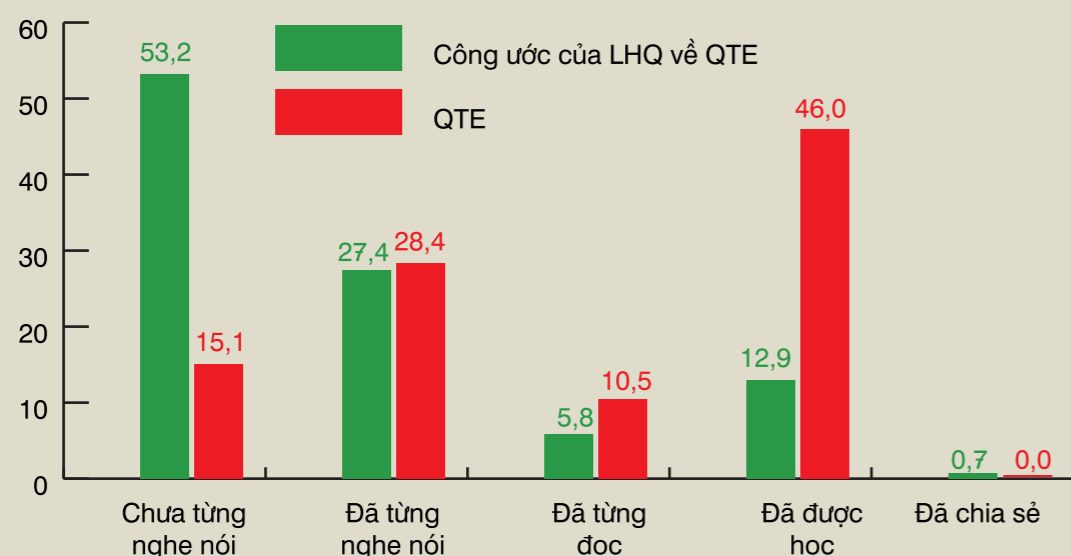
KHẢO SÁT TIẾNG NÓI TRẺ EM

1. HIỂU BIẾT CỦA TRẺ EM VỀ QUYỀN TRẺ EM VÀ CÔNG ƯỚC CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ QUYỀN TRẺ EM

Hiểu biết của trẻ về Quyền Trẻ em sẽ giúp trẻ thực hiện quyền và kêu gọi các bên liên quan thực hiện Quyền Trẻ em hiệu quả hơn. Khảo sát tìm hiểu mức độ hiểu biết của trẻ em về Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em và Quyền Trẻ em theo Luật pháp Việt Nam, và cách thức trẻ học tập và tiếp cận thông tin giáo dục về Quyền Trẻ em.

Trẻ em biết về Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em (Công ước QTE) và Quyền Trẻ em như thế nào?

Khảo sát cho thấy có **53,2% trẻ trong nhà trường nói rằng "Chưa từng nghe nói đến" Công ước và 15,1% trẻ em trong nhà trường chưa từng nghe tới đến QTE**. Trong số 69 trẻ ngoài nhà trường có 38 trẻ (55,1%) chưa từng nghe nói đến Công ước và 23 trẻ (33,3%) chưa từng nghe nói đến QTE.



Biểu đồ 2. Hiểu biết của trẻ em trong nhà trường về Công ước của LHQ về QTE và QTE (n = 1.623)

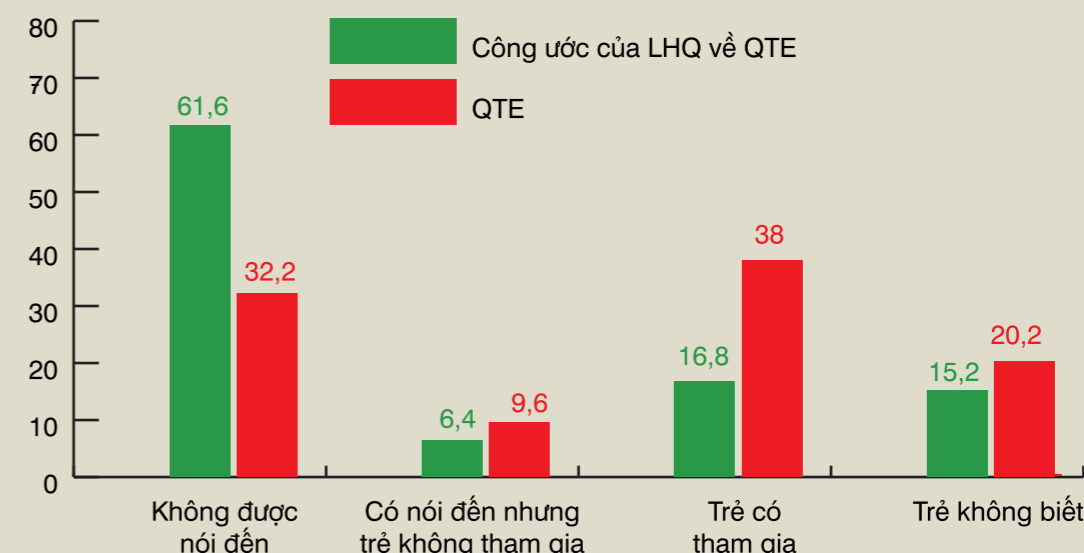
Khảo sát cho thấy trẻ em tham gia khảo sát biết về QTE nhiều hơn biết về Công ước của LHQ về QTE. Tỷ lệ trẻ em nam và tỷ lệ trẻ em nữ chưa từng nghe nói về Công ước QTE không có sự chênh lệch đáng kể (53,3% đối với nam và 53,9% đối với nữ). Tỷ lệ trẻ em nữ chưa từng nghe nói về QTE (19,6%) nhiều hơn trẻ em nam (12,2%).

Có 69% trẻ em ở nông thôn chưa từng nghe nói đến Công ước QTE so với 43,5% trẻ em khu vực thành thị. Tương tự như vậy với tình trạng trẻ nông thôn và thành thị chưa từng biết về QTE, tương ứng với 22% và 12%.

Số trẻ được học về QTE chiếm gần ½ trẻ tham gia khảo sát (46%) tập trung phần lớn ở trẻ học lớp 8 (66,4%). Không có sự chênh lệch quá khác biệt ở khu vực nông thôn – thành thị hay theo giới tính về số trẻ được học về QTE.

Tại Việt Nam, Công ước của LHQ về QTE và một số quyền cơ bản như quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; Quyền được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục đã được đưa vào nội dung giảng dạy ở môn Giáo dục công dân lớp 6⁵ và lớp 7⁶ trong trường trung học cơ sở (THCS) theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với trẻ lớp 6 tham gia khảo sát, thời điểm khảo sát thực hiện là vào học kỳ I trong khi bài học về Công ước theo chương trình là học kỳ II nên việc trẻ chưa được nghe đến Công ước là có thể hiểu được. Tuy nhiên, tỷ lệ 42% trẻ lớp 8 và 45,9% trẻ lớp 10 nói rằng các em chưa từng nghe đến Công ước là một điểm rất đáng lưu ý.

Biểu đồ sau đây thể hiện tỷ lệ trẻ được khảo sát được tiếp cận bài học về Công ước và Quyền Trẻ em tại trường học trong 12 tháng qua:



Biểu đồ 3. Tỷ lệ trẻ tiếp cận Công ước của LHQ về QTE và QTE tại trường học 12 tháng qua (n=1.623)

Trong 12 tháng qua, có 61,6% trẻ trong trường học nói rằng Công ước của LHQ về QTE không được nói đến ở trong trường học. Tỷ lệ trẻ trong nhà trường được nghe và thảo luận về QTE là 38%, chủ yếu là trẻ lớp 8 và lớp 10. Ngoài ra, gần 10% trẻ em trong nhà trường nói rằng “trường học có tổ chức các hoạt động liên quan tới Công ước nhưng trẻ không tham gia”. Các phát hiện của khảo sát cho thấy trẻ em quen thuộc với Quyền Trẻ em hơn là Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em. Việc giáo dục về Công ước QTE và QTE tuy đã được đưa vào chương trình đào tạo trong nhà trường nhưng số trẻ cho rằng các em đã từng được tiếp cận với Công ước khá thấp. Kết quả này gợi ý rằng việc giảng dạy về Công ước của LHQ về QTE theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong nhà trường hiện nay chưa thực sự hiệu quả, cần được cải thiện phù hợp với thực tế nhằm đảm bảo trẻ biết về Quyền Trẻ em và cách thức bảo vệ quyền của mình.

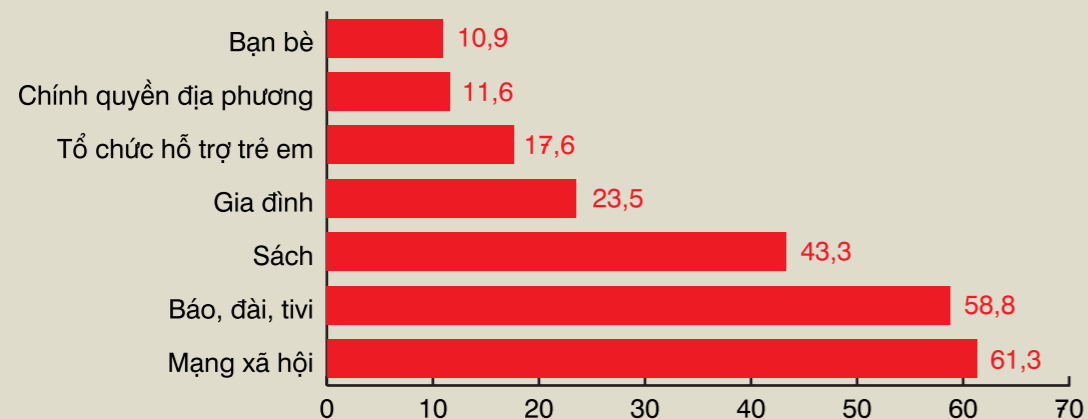
5 Sách GDCC lớp 6, Bài 12, 15, 16, 17, 18

6 Sách GDCC lớp 7, Bài 12, 16



Trẻ tiếp cận về QTE từ những nguồn thông tin nào?

Do sự thiếu hụt thông tin từ kênh giáo dục của nhà trường, trẻ em tiếp cận thông tin về QTE chủ yếu qua mạng xã hội và các nguồn khác. Trẻ em tiếp cận với QTE nhiều nhất là qua mạng xã hội (61,3%); qua các phương tiện truyền thông như báo, đài, tivi (58,8%); qua các tổ chức hỗ trợ trẻ em (17,6%). Tỷ lệ trẻ được tiếp cận với QTE từ chính quyền địa phương rất thấp (11,6%). Điều đáng chú ý là cứ 10 trẻ thì có 1 trẻ học về quyền trẻ em thông qua bạn bè.



Biểu đồ 4. Tỷ lệ trẻ tiếp cận về QTE qua các nguồn thông tin (n=1.692)

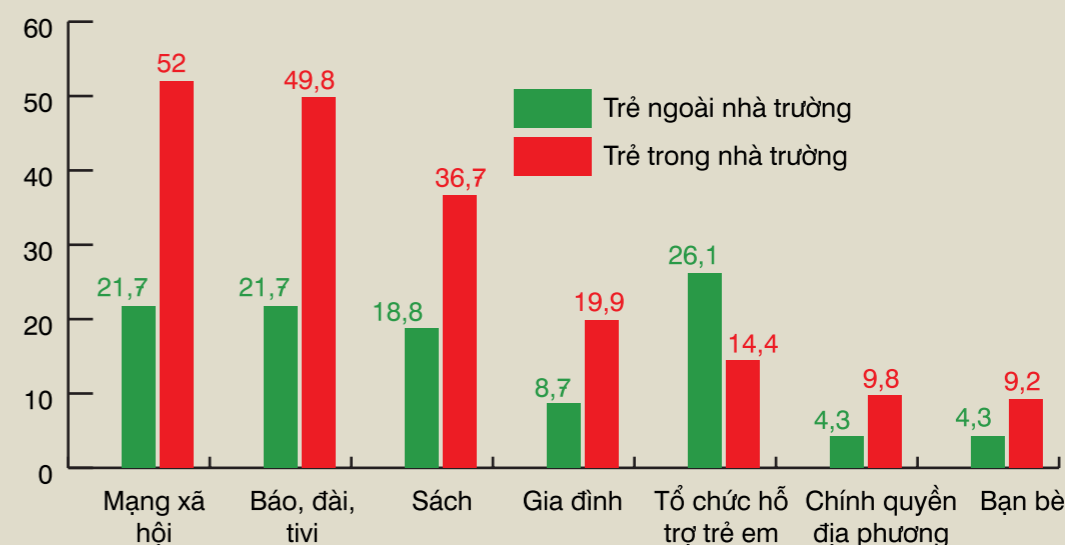
Sự tiếp cận thông tin của trẻ em có sự khác biệt nhất định theo giới và khu vực địa lý như được trình bày trong bảng 2. Ví dụ, trong nhóm trẻ em tiếp cận thông tin về QTE từ sách tại nông thôn, số trẻ em nam (gần 60%) nhiều hơn trẻ em nữ (khoảng 40%). Tương tự, trong nhóm trẻ em tiếp cận QTE thông qua gia đình tại nông thôn, trẻ em nam chiếm hơn 60% và trẻ em nữ chỉ chiếm gần 40%. Nhưng Tỷ lệ trẻ em nữ tiếp cận thông tin về QTE qua chính quyền địa phương ở thành thị lại cao hơn nam (lần lượt là khoảng 60% và 40%).



“
Bố mẹ em không đề cập đến Quyền Trẻ em, bố mẹ em không biết cái đấy, bố mẹ em còn vi phạm Quyền Trẻ em
- Thảo luận nhóm trẻ em tại Hà Nội

STT	Nguồn tiếp cận thông tin về QTE	Thành thị		Nông thôn	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ
1	Báo/ đài/ tivi	48,8	51,2	50,2	49,8
2	Mạng xã hội	53,8	46,2	52,7	47,3
3	Sách	52,8	47,2	59,7	40,3
4	Các tổ chức hỗ trợ trẻ em	53,2	45,6	52,8	47,2
5	Gia đình	56	44	61,4	38,6
6	Chính quyền địa phương	40,4	59,6	54,8	45,2
7	Bạn bè	50,5	49,5	45,0	55,0

Bảng 2. Tỷ lệ % trẻ tiếp cận các nguồn thông tin về QTE theo khu vực và giới tính



Biểu đồ 5. Nguồn tiếp cận thông tin về QTE của nhóm trẻ trong nhà trường và nhóm trẻ ngoài nhà trường (n=1.692)

Đối với TENNT, trẻ được tiếp cận với QTE nhiều nhất qua các tổ chức hỗ trợ trẻ em (26,1%). TENNT tiếp cận với QTE từ gia đình và chính quyền địa phương, bạn bè cũng rất hạn chế (dưới 10% hoặc dưới 5%).

Một số giải pháp để trẻ em biết về Công ước và QTE nhiều hơn từ quan điểm của trẻ

Trong 7 cuộc thảo luận nhóm ở 7 tỉnh/thành phố, tất cả các nhóm đều ghi nhận ý kiến của trẻ là “cần phổ biến về QTE nhiều hơn”. Một số biện pháp giúp trẻ em biết về QTE được trẻ nêu lên tập trung vào ba nhóm chính:



- Tuyên truyền thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng:

“Theo em, mình cần giáo dục về Quyền Trẻ em trong chương trình giáo dục nhiều hơn, tuyên truyền qua tạp chí, báo, và có thêm những buổi tổ chức về Quyền Trẻ em đi đến vùng sâu, vùng xa.” - Trẻ nữ, 13 tuổi, thành phố Hồ Chí Minh

“Giúp các bạn biết đến bằng tivi, đài, mạng xã hội.” - Trẻ nam, 13 tuổi, Đắk Lắk

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền đa dạng về hình thức như tổ chức các buổi thảo luận, có thêm các hoạt động tương tác để khuyến khích sự tham gia và chú ý của trẻ em là gợi ý từ các trẻ tham gia nghiên cứu.

“Em thấy là những buổi trò chuyện đầu tuần không hiệu quả vì không tập trung được, nên thảo luận ở trong lớp học mọi người dễ hiểu và biết hơn. Mỗi lớp mỗi giáo viên sẽ cùng nói chuyện và sẽ phát những phần quà để thu hút sự chú ý của các em để các em thảo luận tích cực hơn.” - Trẻ nữ, 13 tuổi, thành phố Hồ Chí Minh

- Triển khai các hoạt động, chương trình dự án về QTE tại địa phương.

“Kêu mấy trẻ em trong xóm ra nhà văn hóa và làm các hoạt động như thế này (hoạt động tuyên truyền của dự án) cho biết về Quyền Trẻ em”. - Trẻ nam ngoài nhà trường, 15 tuổi, Thừa Thiên Huế

“Mở lớp tình thương cho trẻ em được đi học.” - Trẻ nữ, 16 tuổi, Thừa Thiên Huế

“Trích quỹ để hỗ trợ các trẻ em nghèo có điều kiện được đi học, tích cực hỗ trợ các trẻ em bị các tật: mù, điếc...biết được Quyền Trẻ em và bảo vệ lợi ích cho các bạn ấy”. - Thảo luận nhóm trẻ em tại Tiền Giang



“Thúc đẩy hỗ trợ Quyền Trẻ em, đưa các Quyền Trẻ em vào công việc giáo dục, mở các cuộc khảo sát ở các trường học, thôn xã, vùng sâu vùng xa”, “Tổ chức các nhóm đi tuyên truyền một cách rộng rãi về Quyền Trẻ em thông qua báo, đài, TV, mạng internet... và quan trọng là tuyên truyền tại các thôn xã, dân tộc thiểu số”.

- Thảo luận nhóm trẻ em tại Tiền Giang



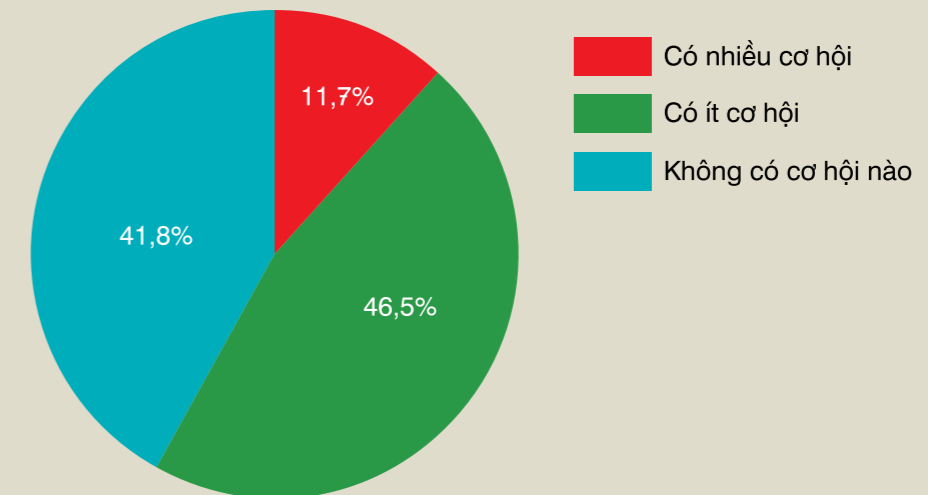
Thực tế cho thấy, với nhóm trẻ không đi học ở các trường phổ thông thì bên cạnh việc đẩy mạnh tuyên truyền qua các kênh thông tin phổ biến như mạng xã hội, phát thanh, truyền hình thì các hoạt động tại địa phương thông qua các tổ chức xã hội, chính quyền đoàn thể là rất có ý nghĩa. Nhóm giải pháp này giúp trẻ có nhiều cơ hội nâng cao nhận thức cũng như tham gia vào các quá trình thực thi QTE tại cộng đồng.

2. TÔN TRỌNG CÁC Ý KIẾN CỦA TRẺ

Tôn trọng ý kiến của trẻ là nguyên tắc giúp đảm bảo chất lượng cũng như hiệu quả đối với sự tham gia của trẻ. Khảo sát phân tích các vấn đề, cơ hội và phương pháp mà trẻ muốn nêu ra ý kiến của mình.

Trẻ nói về cơ hội được bày tỏ ý kiến của trẻ như thế nào?

86,6% trẻ em cho rằng người có thẩm quyền ra quyết định (lãnh đạo cấp cao ở Trung ương, tỉnh, huyện, phường/xã, tổ dân phố, hiệu trưởng nhà trường, thầy/cô giáo, bố mẹ ...) lắng nghe ý kiến của trẻ em là rất quan trọng. Tuy nhiên, có đến 88,3% trẻ em tham gia khảo sát cho rằng mình có ít cơ hội hoặc không có cơ hội nào để bày tỏ ý kiến của mình với người có thẩm quyền ra quyết định.



Biểu đồ 6. Tỷ lệ trẻ có cơ hội bày tỏ ý kiến của mình với người có thẩm quyền ra quyết định (n=1.692)

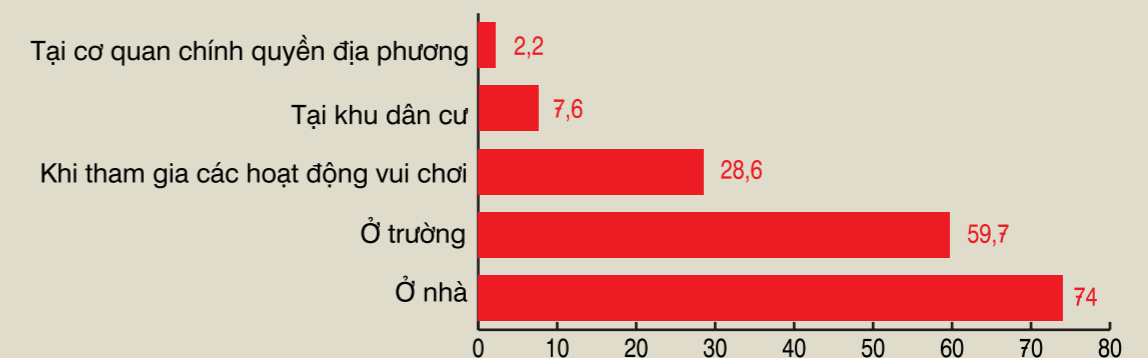
Không có sự khác biệt về cơ hội bày tỏ ý kiến của trẻ theo các yếu tố về giới tính, vùng miền và nhóm tuổi.

“Ở địa phương thì người lớn không nghe theo ý kiến mình và nói trẻ con không biết gì.” - Trẻ nam, 16 tuổi, Lào Cai

“Em ngại bày tỏ nhất ở khu dân cư vì họ bảo mình nói linh tinh, họ bảo trẻ con.” - Trẻ nam, 16 tuổi, Lào Cai

Trẻ được nói lên ý kiến của mình ở đâu?

Trong 12 tháng qua, trẻ em được đưa ra ý kiến của mình nhiều nhất là ở nhà (74%) và ở trường (59,7%). Trẻ em ít có cơ hội bày tỏ ý kiến của mình ở khu dân cư (7,6%) và với các cơ quan chính quyền địa phương (2,2%).



Biểu đồ 7. Tỷ lệ trẻ em có cơ hội đưa ra ý kiến của mình ở các môi trường khác nhau (n=1.692)

Trẻ em đang đi học chủ yếu được thể hiện ý kiến ở các buổi sinh hoạt lớp, hay các hoạt động chung của lớp như trang trí lớp học... Tuy nhiên, trẻ cũng có rất ít



Cơ hội để trình bày ý kiến ở trường về các vấn đề liên quan đến trẻ như bữa ăn ở trường học, giờ giải lao, bài tập hoặc các vấn đề khác, chỉ có 15% trẻ cho rằng mình thường xuyên và luôn có cơ hội nói về các vấn đề này.

Theo Điều 12 của Công Ước Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em, trẻ em có quyền được lắng nghe và bày tỏ ý kiến với các vấn đề ảnh hưởng tới trẻ em. Trong các cuộc thảo luận nhóm, trẻ ý thức rất rõ ràng trẻ có quyền được lắng nghe, bày tỏ ý kiến. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền này trên thực tế còn khá hạn chế do trẻ chưa được người lớn tạo cơ hội hoặc trẻ còn cảm thấy ngần ngại khi thực hiện quyền của mình.

“Trẻ em có quyền được đưa ra ý kiến của mình về các hoạt động ở nhà như ý kiến về bữa ăn, các vấn đề bức xúc cần thiết trong gia đình, hoạt động học tập, điểm số, giao lưu bạn bè nhưng vẫn có một số hoạt động trẻ em không được đưa ra ý kiến.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Đắk Lắk

“Hiện tại ở địa phương, em chưa được tham gia lập kế hoạch hay quyết định ở thôn, xã.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Lào Cai

“Nhiều bạn nghĩ là cha mẹ la mắng là tốt cho mình nên các bạn không có sự phản kháng, hoặc không muốn phản kháng và không biết mình có quyền được tham gia.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại TP HCM

Nghiên cứu về tình hình trẻ em Việt Nam năm 2016⁷ chỉ ra rằng “Bối cảnh chính trị và văn hóa - xã hội vẫn có tác động lên sự hiểu biết, phạm vi và việc thực hiện quyền tham gia của trẻ em trong những tổ chức xã hội khác nhau của Việt Nam. Tư duy truyền thống cho rằng “trẻ em chỉ cần được nhìn thấy, không cần được lắng nghe” làm cản trở sự tham gia của trẻ em ở khía cạnh nuôi dạy các em với tín điều rằng tôn trọng người lớn có nghĩa là không thể hiện quan điểm của mình ra, đặc biệt là các quan điểm đối nghịch”. Khảo sát này cho thấy trẻ bày tỏ mong muốn được người lớn lắng nghe ý kiến của mình “Trẻ em cần được làm theo ước mơ, thể mạnh của mình” (Trẻ nữ, 16 tuổi, Tiền Giang), được tôn trọng “Trẻ em cần được tôn trọng những ý kiến của mình” (Trẻ nam, 16 tuổi, Lào Cai), trẻ cũng muốn người lớn hiểu trẻ em hơn, chia sẻ với trẻ tâm tư, nguyện vọng của trẻ hay đơn giản chỉ là để trẻ được “lựa chọn trường học, nghề mà mình thích” (Trẻ nam, 16 tuổi, Lào Cai).



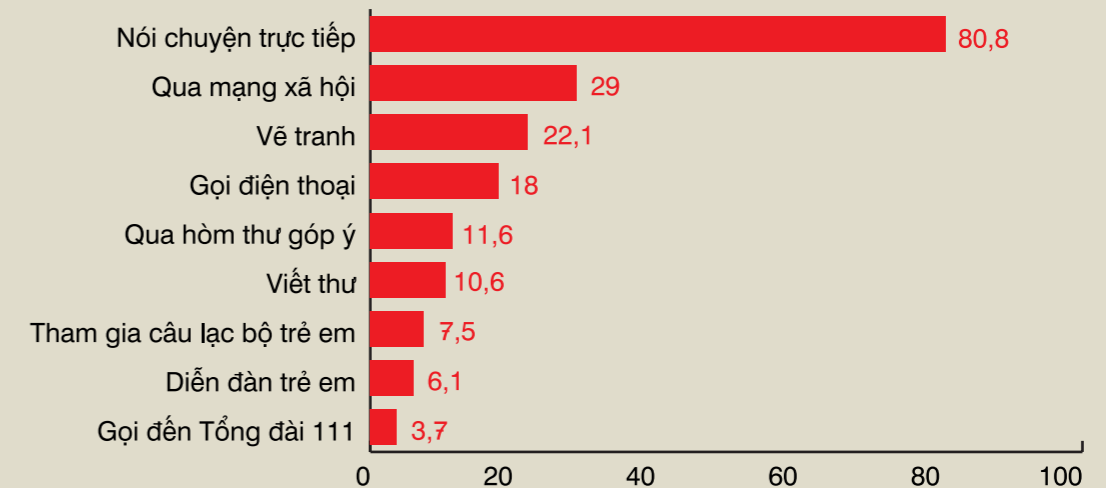
“Người lớn cần lắng nghe, quan tâm đến ý kiến của trẻ em. Trẻ em cần được tham gia, góp ý, lập kế hoạch, được quyết định các vấn đề liên quan đến trẻ.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Lào Cai

“Trẻ em nên tham gia vào lập kế hoạch, ra quyết định vì trẻ em và người lớn đều bình đẳng, cần được nói lên ý kiến của mình, không có đúng sai về ai cả”.
- Trẻ nữ, 16 tuổi, Tiền Giang

7 Báo cáo phân tích tình hình trẻ em Việt Nam 2016, Bộ LĐTBXH và UNICEF

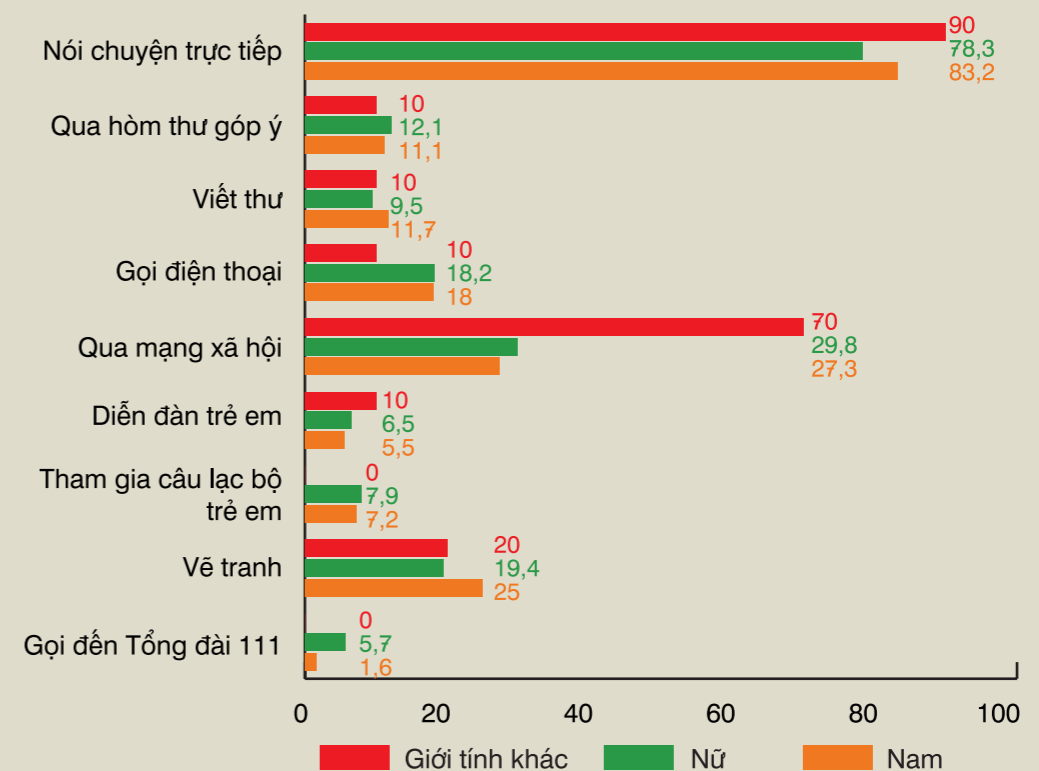
Trẻ nói lên ý kiến của mình bằng cách nào?

Cách mà trẻ bày tỏ ý kiến của mình phổ biến nhất là nói chuyện trực tiếp với người cần bày tỏ ý kiến (80,8%). Chỉ có 6,1% trẻ em có cơ hội được bày tỏ ý kiến tại các diễn đàn dành cho trẻ em; 3,7% trẻ bày tỏ ý kiến của mình qua “Gọi điện đến Tổng đài Quốc gia Bảo vệ trẻ em 111”.



Biểu đồ 8. Tỷ lệ các hình thức bày tỏ ý kiến của trẻ em (n=1.692)

Kết quả cho thấy trẻ thuộc nhóm giới tính khác (20 em) sử dụng mạng xã hội để bày tỏ quan điểm, chia sẻ vấn đề của mình là khá phổ biến (70%). Không có trẻ nào thuộc nhóm giới tính khác gọi đến tổng đài 111 và không có trẻ nào tham gia câu lạc bộ trẻ em.

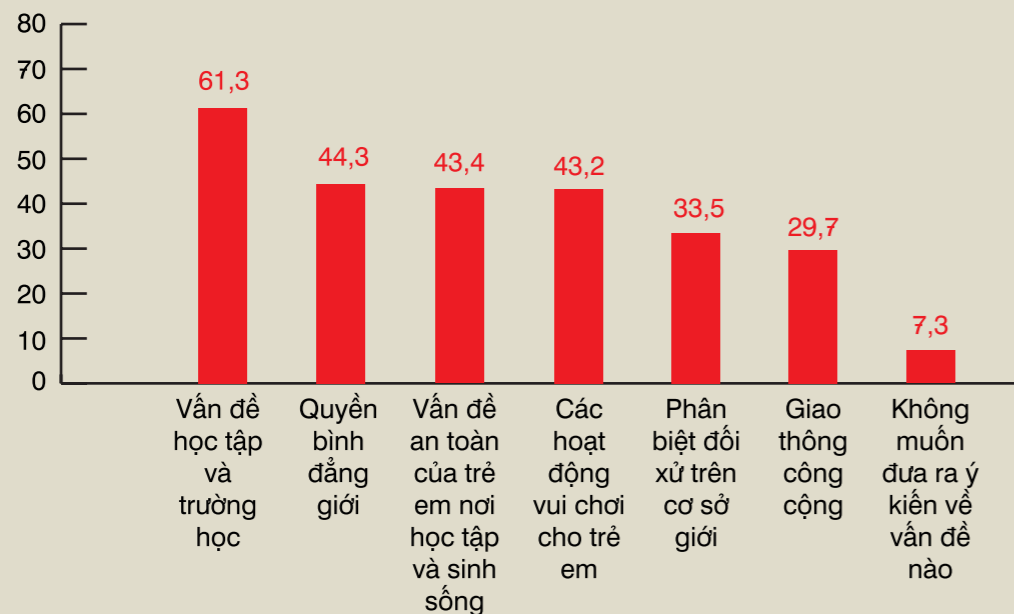


Biểu đồ 9. Các hình thức trẻ bày tỏ ý kiến theo giới tính (n=1.692)



Các vấn đề mà trẻ muốn được bày tỏ ý kiến

Trong các vấn đề trẻ em muốn bày tỏ ý kiến và được lắng nghe, việc học tập và trường học là hai nội dung trẻ quan tâm nhất (61,3%), tiếp đến là quyền bình đẳng giới (44,3%), sự an toàn của trẻ em nơi trẻ sinh sống - học tập (43,4%) và các hoạt động vui chơi cho trẻ em (43,2%).



Biểu đồ 10. Các vấn đề trẻ mong muốn được bày tỏ ý kiến (n=1.692)

Ngoài những vấn đề được đưa ra ở trên, trẻ còn quan tâm và muốn được đưa ra ý kiến về các vấn đề như: an toàn khi sử dụng Internet, áp lực học tập, áp lực trong cuộc sống của trẻ, vấn đề bạo lực gia đình, bạo lực học đường, các vấn đề môi trường, quyền riêng tư của trẻ và cách giáo dục của phụ huynh dành cho con em, phân biệt đối xử với người khuyết tật, vấn đề xâm hại tình dục trẻ em.

Các ý kiến chia sẻ của trẻ nữ:

“Em muốn có ý kiến về việc bố mẹ thường dùng bạo lực khi em mắc lỗi.” - Trẻ 13 tuổi, Hà Nội

“Em phải học thêm nhiều, đến trường sớm.” - Trẻ 14 tuổi, Tiền Giang



“**Tổ chức họp cho mọi người biết người lớn không nên đánh đập vì gây tổn thất về tinh thần của trẻ.**”
- Trẻ 15 tuổi, Thừa Thiên Huế

Các ý kiến chia sẻ của trẻ nam:

“Em muốn nói về quyền được đi học và vui chơi của em.” - Trẻ 12 tuổi, Hà Nội

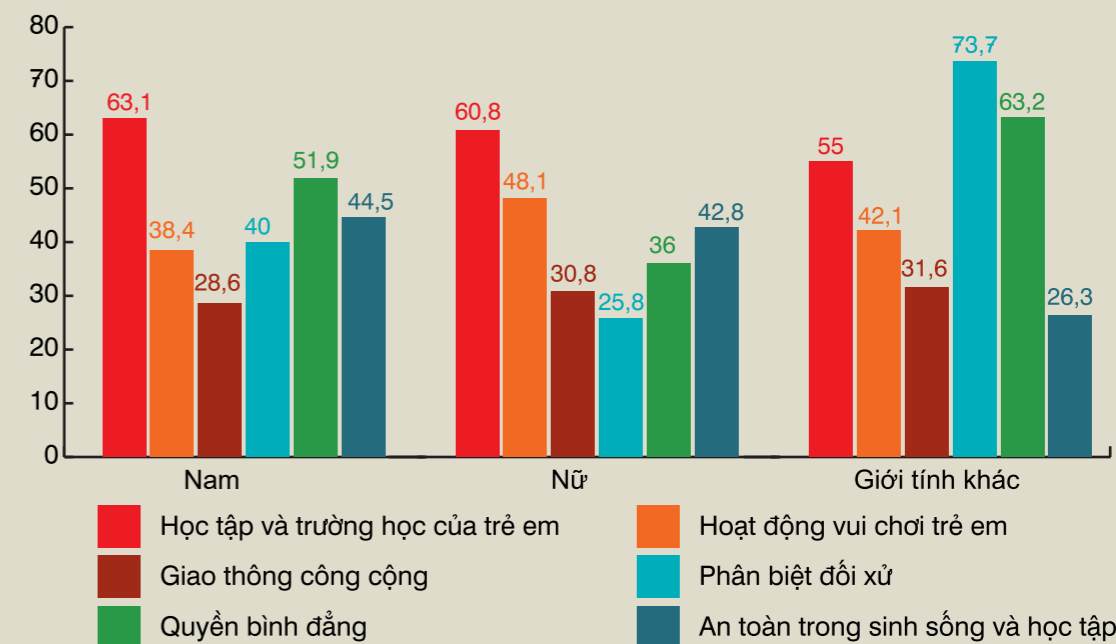
“Em muốn có ý kiến về việc mọi người không lắng nghe, không hiểu ý của em.”
- Trẻ 12 tuổi, Hà Nội



“**Cho trẻ em quyền riêng tư.**”
- Trẻ 14 tuổi, Tiền Giang



Kết quả khảo sát cũng cho thấy có sự khác nhau về mong muốn bày tỏ ý kiến của mình về các vấn đề giữa các nhóm trẻ khác nhau về giới tính.



Biểu đồ 11. So sánh các vấn đề trẻ quan tâm theo giới tính (n=1.692)

Kết quả ở biểu đồ 11 thể hiện rằng, ngoại trừ việc học tập và trường lớp được cả ba nhóm giới tính quan tâm khá tương đương nhau thì giữa trẻ nam (820 em), trẻ nữ (852 em) và trẻ giới tính khác (20 em) cũng có những mối quan tâm khác nhau. Trẻ em nam muốn bày tỏ ý kiến về quyền bình đẳng cho nam và nữ và những người đồng giới/song giới/chuyển giới (51,9%), Trong khi đó, trẻ em nữ muốn nói về các vấn đề về hoạt động vui chơi cho trẻ em ở nơi sinh sống (48,1%). Trẻ giới tính khác quan tâm đặc biệt đến vấn đề phân biệt đối xử (73,7%) và quyền bình đẳng giới (63,2%).

Từ góc nhìn của trẻ, những vấn đề nào Việt Nam cần có nhiều hành động hơn để cải thiện và thay đổi?

Trong nhận thức của các em, ba vấn đề trẻ cho rằng Việt Nam cần hành động nhiều hơn để cải thiện, giải quyết nhất là: (1) xâm hại trẻ em, (2) bắt nạt trên mạng, (3) trừng phạt thể chất, tinh thần đối với trẻ em.



VẤN ĐỀ TRẺ EM MONG MUỐN VIỆT NAM CẦN HÀNH ĐỘNG NHIỀU HƠN	Điểm trung bình	Xếp loại
Bảo vệ trẻ em khỏi các hình thức xâm hại (thể chất, tinh thần, tình dục,...)	4,78	1
Chấm dứt vấn đề bị bắt nạt/bắt nạt trên mạng ở trẻ em	4,53	2
Chấm dứt tình trạng người lớn sử dụng các hình phạt gây tổn thương về thể chất, tinh thần của trẻ em khi các em mắc lỗi	4,49	3
Giúp đỡ cho những trẻ em cần hỗ trợ về tâm lý	4,49	4
Giúp đỡ trẻ em nghèo	4,42	5
Cải thiện tình trạng của trẻ em khuyết tật	4,29	6
Giúp đỡ trẻ em và thanh thiếu niên có hành vi tự hủy hoại bản thân	4,26	7
Ngăn chặn vấn đề phân biệt đối xử và bất bình đẳng giới	4,15	8
Chống lại biến đổi khí hậu và thúc đẩy sự phát triển bền vững	4,04	9
Bảo đảm trẻ em, vị thành niên, thanh niên có thể gặp được chuyên gia hỗ trợ tâm lý ngay khi có vấn đề cần hỗ trợ	3,90	10
Bảo đảm có một cán bộ phụ trách về trẻ em tại chính quyền địa phương	3,68	11

Bảng 3. Xếp loại mức độ quan trọng về các vấn đề Việt Nam cần hành động

Trong các cuộc thảo luận nhóm, trẻ được hỏi lí do vì sao các em cho rằng 3 vấn đề đầu tiên ở trong bảng xếp hạng trên là quan trọng. Một số lí do được các em đưa ra như sau:

- Thực trạng báo động về việc trẻ là nhóm dễ bị tổn thương nhất và có nguy cơ cao với các rủi ro.

“Hiện tại có quá nhiều trẻ em bị xâm hại.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Hải Phòng

“Vì tâm lý trẻ em khác với người lớn, trẻ em dễ bị tổn thương nếu bị cô lập, khi bị tâm lý.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Hải Phòng

“Trẻ em chưa đủ sức mạnh bảo vệ bản thân. Nếu bị xâm hại sẽ gây ra tổn thương cho trẻ về mặt tinh thần và thể chất”, “Trẻ em có nhận thức chưa cao nên dễ dàng bị xâm hại.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Tiền Giang

- Nhìn nhận về vai trò của trẻ em đối với sự phát triển của xã hội và đất nước
“Vi trẻ em là mầm non là tương lai của đất nước nên cần phải bảo vệ trẻ em để trẻ phát triển toàn diện thì đất nước mới phát triển theo chiều hướng tốt đẹp.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Tiền Giang

“Trẻ em không bị xâm hại, người lớn không đánh đập trẻ em giúp trẻ em có cuộc sống tốt đẹp hơn.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Đắk Lắk

- Nhận thức về hậu quả có thể xảy ra nếu như trẻ em không được bảo vệ khỏi các hình thức xâm hại, bạo hành.

“Nếu để tiếp diễn thì rất nhiều trẻ bị tổn thương, tổn hại thể chất, tinh thần và nhiều người không dám nói ra, không dám tố cáo. Hậu quả là trầm cảm, ngày càng nhút nhát, tự tử, chết.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Hải Phòng

“Nếu bị đánh sẽ ảnh hưởng tâm lý, trẻ em sẽ quậy phá hơn.” - Trẻ nam, 14 tuổi, Thừa Thiên Huế

“Khi người lớn trừng phạt trẻ em có thể khiến cho các em có những suy nghĩ tiêu cực, gây ra hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng về mặt tâm lý, sức khỏe, kinh tế, ảnh hưởng đến tình cảm, cảm xúc của mối quan hệ giữa người lớn và trẻ em.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Tiền Giang

Bên cạnh những diễn giải để làm rõ kết quả của khảo sát qua bảng hỏi, trẻ em cũng đưa ra một số giải pháp để giải quyết các vấn đề này. Trẻ em hoàn toàn ý thức được rằng trẻ em có quyền không bị đánh đập và quát mắng. Do đó, trẻ em có phản ứng mạnh và cảm thấy tuyệt vọng khi phải chịu hoặc chứng kiến các hình thức trừng phạt thể chất, tinh thần đối với trẻ em.

“Tổ chức họp cho mọi người biết người lớn không nên đánh đập vì gây tổn thất về tinh thần của trẻ.” - Trẻ nữ, 14 tuổi, Thừa Thiên Huế

3. TRẺ EM LỚN LÊN TRONG CÁC HOÀN CẢNH KHÁC NHAU

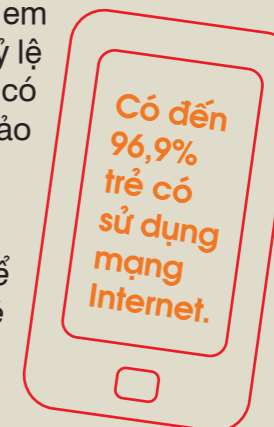
Báo cáo có thực hiện khảo sát các hoàn cảnh khác nhau của trẻ để xác định nhận thức và thái độ của trẻ cũng như thực trạng các vấn đề liên quan đến QTE, trong đó có vấn đề phòng ở riêng của trẻ, việc tiếp cận Internet của trẻ, và yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường. Một số câu hỏi về phòng ở riêng của trẻ, việc sử dụng Internet của trẻ và việc kiểm soát của bố mẹ được đưa ra nhằm tìm hiểu về quyền riêng tư của trẻ em.

Vấn đề phòng ở riêng của trẻ

Kết quả khảo sát cho thấy hơn một nửa số trẻ em (66,5%) có phòng ngủ riêng. Tỷ lệ trẻ em ở nông thôn có phòng ngủ riêng nhiều hơn trẻ em thành thị. Tỷ lệ trẻ em nam có phòng ngủ riêng nhiều hơn Tỷ lệ trẻ em nữ. Hà Nội, Lào Cai và Đắk Lắk là ba tỉnh mà trẻ em có phòng ngủ riêng nhiều hơn những tỉnh còn lại tham gia khảo sát.

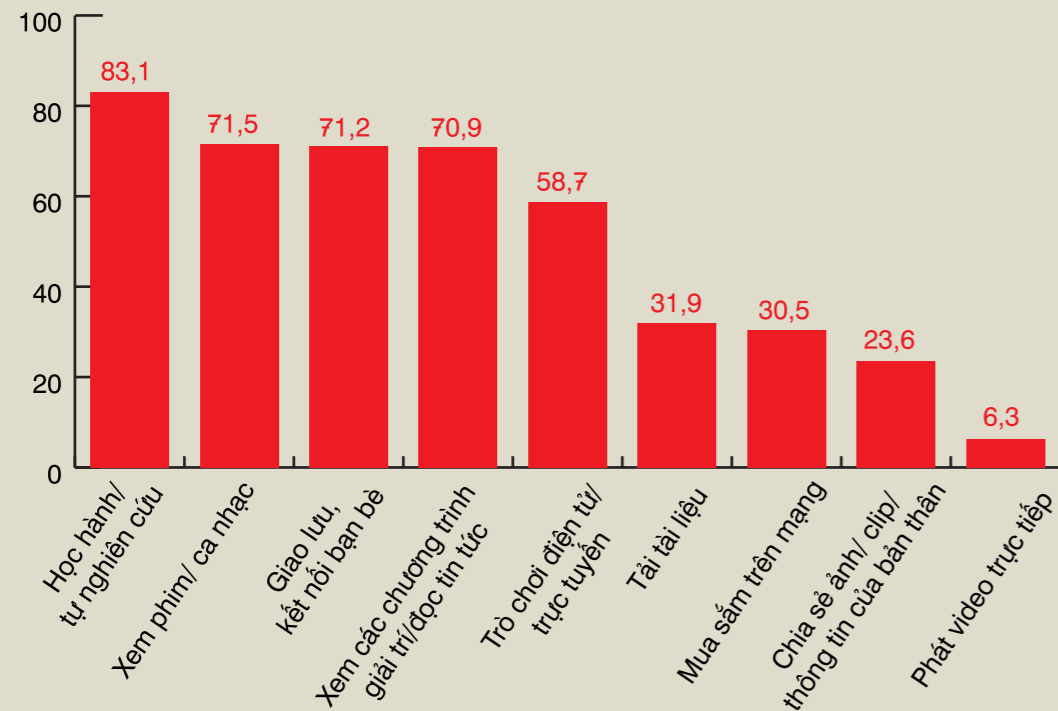
Vấn đề tiếp cận Internet của trẻ

Việc tiếp cận Internet của trẻ là một cách thức quan trọng để hiểu về việc thực hiện QTE, bao gồm các phương tiện mà trẻ thường sử dụng để tiếp cận thông tin. Cứ 3 trẻ em thì có 2 trẻ có thiết bị kết nối Internet (điện thoại di động, máy tính,



máy tính bảng...). Trẻ ở thành thị có thiết bị kết nối Internet riêng nhiều hơn trẻ ở nông thôn. Trẻ lớn hơn có các thiết bị kết nối Internet nhiều hơn so với trẻ ít tuổi hơn. Trẻ em tiếp cận Internet bằng nhiều phương tiện khác nhau như qua điện thoại thông minh cá nhân (57,8%), máy tính ở nhà (45,9%), điện thoại di động của người thân (45,3%), ngoài quán Internet (13,5%). Riêng nhóm học sinh trong nhà trường có thể tiếp cận Internet qua máy tính ở trường học (23,6%).

Trẻ em sử dụng Internet cho nhiều mục đích khác nhau như học hành/ nghiên cứu (83,1%), xem phim/ca nhạc (71,5%), xem các chương trình giải trí/ đọc tin tức (70,9%), giao lưu, kết nối bạn bè (71,2%) và chơi trò chơi điện tử/ trực tuyến (58,7%).



Biểu đồ 12. Tỷ lệ mục đích sử dụng mạng Internet (n=1.692)

Cứ 10 trẻ em thì có 7 trẻ tham gia khảo sát sử dụng Internet hơn một tiếng/ngày. 43,4% trẻ em tham gia khảo sát sử dụng Internet từ 1-3 tiếng/ngày.

80,8% trẻ em nói rằng cha mẹ hoặc người thân biết trẻ sử dụng Internet, 50,4% trẻ em chia sẻ việc tiếp cận internet với bố mẹ/người thân và 30,4% bố mẹ/người thân chủ động kiểm soát việc sử dụng Internet của trẻ. Có 4% trẻ giấu không cho bố mẹ/người thân biết mình có sử dụng Internet. Đặc biệt, trẻ ở lứa tuổi lớn hơn

thì giấu không cho bố mẹ/người thân biết về các hoạt động trên mạng internet của mình nhiều hơn nhóm trẻ ở lứa tuổi nhỏ (7.6% so với 1.3%). Một nửa số trẻ em tham gia khảo sát cảm thấy thoải mái khi bố mẹ/người thân biết hoạt động trên mạng Internet của mình. Các

“Nên kiểm soát ở những dòng tin nhắn lệch lạc sai trái, bố mẹ có thể khuyến khích.” - Trẻ nam, 16 tuổi, Tiền Giang



em tham gia thảo luận nhóm cho biết các em cảm thấy thoải mái vì “người lớn sẽ hiểu trẻ hơn hoặc có thể giúp đỡ trẻ khi cần”.

“Nếu bị một ai đó dụ dỗ, bố mẹ sẽ phát hiện và ngăn chặn được.” - Thảo luận nhóm trẻ tại Lào Cai

“Kiểm soát dòng tâm trạng đăng trên mạng để hiểu tâm lý của các con.” - Trẻ nữ, 16 tuổi, Tiền Giang

“Kiểm tra mình vào những gì, có thể có người xấu hại, bị lừa.” - Trẻ nữ, 12 tuổi, Hải Phòng

Tuy nhiên, cũng có một tỷ lệ không nhỏ trẻ em (26,5%) không thấy thoải mái khi cha mẹ/ người thân biết mình sử dụng Internet. Các trẻ tham gia thảo luận nhóm cho rằng trẻ không cảm thấy thoải mái là vì “việc kiểm soát đó là vi phạm quyền riêng tư”.

“Theo chúng em, bố mẹ có nên kiểm soát việc sử dụng Internet của con nhưng chỉ được kiểm soát ở một số phần như không cho các em vào các trang mạng xấu, không lành mạnh vì nếu vào các trang mạng xấu sẽ làm ảnh hưởng đến chúng em làm thành tích học tập giảm sút và có các hành động xấu chứ không được kiểm soát hết tất cả vì các em cũng có quyền riêng tư và Quyền Trẻ em.” - Thảo luận nhóm trẻ tại Đắk Lắk

*“Mình sẽ rất buồn và khó chịu khi bị xâm phạm quyền riêng tư.”
- Trẻ nữ, 13 tuổi, TP. Hồ Chí Minh*

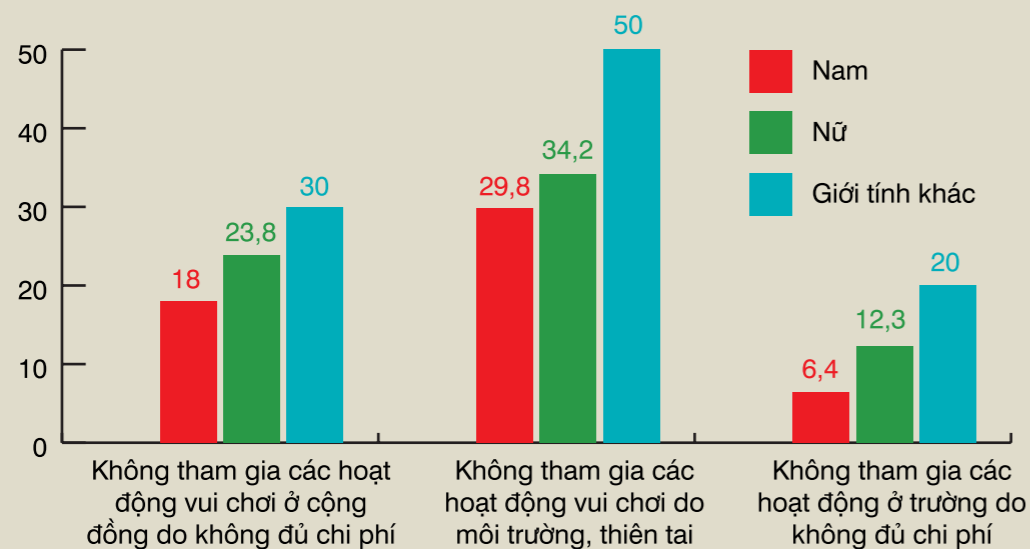


Yếu tố kinh tế

Trong 12 tháng qua, cứ 5 trẻ em trong nhà trường thì có 1 trẻ (cứ 4 trẻ nữ thì có 1 trẻ và cứ 5 trẻ nam thì có 1 trẻ) không thể tham gia hoạt động vui chơi ở bên ngoài nhà trường hoặc không thể tham gia hoạt động vui chơi ở cộng đồng nơi trẻ sinh sống vì không có đủ tiền để trả các loại chi phí, ví dụ như chi phí đi lại, chi phí mua đồ dùng cần thiết như giày thể thao, dụng cụ thể thao, đồ bơi... Tỷ lệ trẻ em không tiếp cận được các dịch vụ đó tập trung nhiều hơn ở 3 tỉnh/thành phố là Lào Cai (36,1%), Đắk Lắk (25,6%) và Thừa Thiên Huế (24,6%).

Xét trên khía cạnh giới, trẻ nam có xu hướng ít bị ảnh hưởng bởi yếu tố kinh tế hơn so với trẻ nữ và nhóm trẻ có giới tính khác. Trong số nhóm trẻ phải nghỉ học để lao động giúp gia đình có thêm thu nhập, số trẻ em nữ nhiều hơn trẻ em nam (60,9% so với 39,1%). Về địa bàn, trẻ em nông thôn nhiều hơn trẻ em thành thị (51 trẻ ở nông thôn chiếm Tỷ lệ 55,4% và 41 trẻ ở thành thị chiếm Tỷ lệ 44,6%). Đối với nhóm TENNT, số lượng trẻ không thể tham gia các hoạt động vui chơi cộng đồng lên tới 58%.





Biểu đồ 13. Tỷ lệ trẻ nam và trẻ nữ không được tham gia các hoạt động giải trí (n=1.692)

Trẻ em nghỉ một số buổi học phụ giúp gia đình nhiều nhất ở Lào Cai (48%), Thừa Thiên Huế (22%) và TP. HCM (31%). Đây cũng là ba tỉnh khảo sát có tiếp cận với nhóm trẻ ngoài nhà trường và trẻ em ở vùng nông thôn, miền núi. Tỷ lệ trẻ phải nghỉ học thuộc nhóm dân tộc thiểu số cũng cao hơn so với Tỷ lệ trẻ ở nhóm dân tộc Kinh. Trong số 92 trẻ phải nghỉ học để giúp việc gia đình, có tới 44 trẻ là người dân tộc thiểu số (chiếm Tỷ lệ 27,1% trong tổng số trẻ nhóm dân tộc thiểu số tham gia vào khảo sát), trong đó có 17 trẻ em là người dân tộc H'Mong (chiếm Tỷ lệ 37,8% số trẻ người H'Mong tham gia vào khảo sát).

Ở khu vực nông thôn, công việc trẻ giúp gia đình chủ yếu là gặt lúa, bẻ ngô, chăn trâu, lấy củi, tưới nước cho cây cà phê... Thời gian nghỉ học khoảng 1 đến 2 ngày vào dịp mùa vụ, chỉ có 1 trường hợp trẻ phải nghỉ học cả 1 năm lớp 8 sau đó mới quay trở lại đi học.

Các công việc mà nhóm ở thành thị đang làm là bán hàng, bán vé số, hoặc phụ việc các cơ sở làm tóc, làm móng hoặc học nghề may, nghề cơ khí có được trả công. Hơn 50% TENNT (38/69 em) đang phải lao động. Thời gian làm việc của đa số các em là từ 8 - 10 tiếng/ngày, cũng có trường hợp cá biệt làm đến 16 tiếng/ ngày. Trẻ em là người dân tộc Kinh ở nhóm này chiếm đa số (79%) và sinh sống tại Thừa Thiên Huế, TP. HCM. 21% TENNT phải lao động trong khảo sát là ở Lào Cai và các em đều là trẻ người dân tộc thiểu số (Nùng và H'Mong).

Đa số trẻ em trong nhà trường không ủng hộ việc trẻ em làm thêm để giúp gia đình có thêm thu nhập vì cho rằng việc đi làm sẽ ảnh hưởng đến học tập, sức khỏe của trẻ em. Một số trẻ cũng nhận thức được ở tuổi của mình các em có quyền được đi học.

"Em không ủng hộ việc trẻ em đi làm vì ảnh hưởng đến học tập, sức khỏe." - Trẻ nam, 16 tuổi, Lào Cai

"Chúng em không ủng hộ việc trẻ em làm việc giúp bố mẹ kiếm tiền vì chúng em còn nhỏ chưa đủ tuổi đi làm, các em còn phải học hành, nếu giúp bố mẹ kiếm tiền sẽ ảnh hưởng đến việc học của chúng em." - Thảo luận nhóm trẻ tại Đắk Lắk

"Mình còn là trẻ em, mình đi làm có thể bị bắt nạt. Nếu ủng hộ chỉ ủng hộ làm việc nhà thôi chứ không ủng hộ làm kiếm tiền." - Thảo luận nhóm trẻ tại Tiền Giang

"Trẻ em có quyền được đi học." Thảo luận nhóm trẻ tại Lào Cai

Có một số ít trẻ đồng tình với việc đi làm thêm vì gia đình có hoàn cảnh khó khăn, muốn giúp cha mẹ

"Làm việc vất vả nhưng gia đình khó khăn, trẻ sẽ giúp bố mẹ kiếm thêm thu nhập." - Trẻ 16 tuổi, Lào Cai

"Đi làm để cho bố mẹ đỡ khổ", "đi làm vào những ngày nghỉ giúp bố mẹ kiếm tiền." - Thảo luận nhóm trẻ em tại Hải Phòng

Trẻ em ngoài nhà trường có quan điểm khác với trẻ em trong nhà trường. TENNT ủng hộ việc các em đi làm kiếm thêm thu nhập để giúp đỡ gia đình bớt khó khăn hơn, có thêm trải nghiệm và trưởng thành hơn.

"Vì gia đình khó khăn, để có tương lai." - Trẻ nam, 14 tuổi, Thừa Thiên Huế

"Ra đời sớm thì rút nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống cho bản thân. Nếu ra đời sớm thì thành công nhanh hơn." - Trẻ nam, 15 tuổi, Thừa Thiên Huế

4. TRƯỜNG HỌC VÀ GIÁO DỤC

Quyền được giáo dục và học tập là một trong những quyền cơ bản của trẻ em. Phần này phân tích các vấn đề liên quan đến trường học như quyền được tiếp cận các kiến thức cơ bản về phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em, an toàn sử dụng mạng Internet, quyền được hỗ trợ trong học tập và một số vấn đề khác trong trường học của nhóm trẻ trong nhà trường ở thời điểm khảo sát.

Giáo dục về Phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em

Thực hiện Nghị định số 80 của Chính phủ⁸ và Quyết định số 5886 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo⁹ và gần đây nhất là Chỉ thị số 993/CT-BGDĐT¹⁰, các cơ sở giáo dục trong cả nước đã chú trọng đến việc đưa nội dung phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em vào nội dung giảng dạy thông qua tích hợp các môn học và các hoạt động trải nghiệm. Chính vì thế, hầu hết (95,5%) trẻ trong nhà trường tham gia trong khảo sát nói rằng các em đã được học hoặc nghe nói đến vấn đề PCBLXH. Chỉ có khoảng một phần tư (27,5%) TENNT nói các em đã từng được học hoặc nghe nói về PCBLXH trẻ em khi các em còn đi học trong nhà trường.

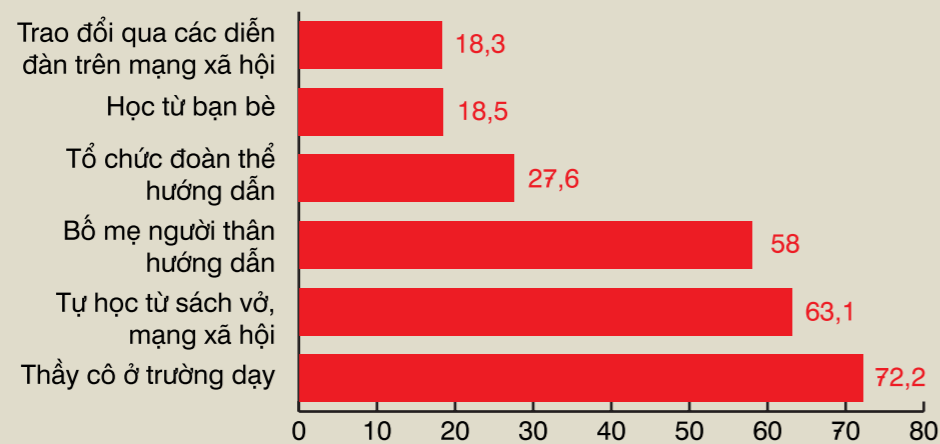
Ba nguồn thông tin chính giúp trẻ tiếp cận với các thông tin về PCBLXH là thầy cô (72,2%), tự học qua sách vở, mạng xã hội (63,1%) và bố mẹ, người thân (58%). Không có nhiều sự khác nhau trong cơ hội tiếp cận thông tin giữa trẻ em nông thôn và thành thị và các giới tính. Điều này cho thấy ngoài kênh giáo dục truyền thống là gia đình và nhà trường, các kênh tự học và qua mạng xã hội của trẻ cũng đóng vai trò rất quan trọng giúp trẻ tiếp cận các thông tin về PCBLXH trẻ em. Ngoài ra, các tổ chức đoàn thể chưa phát huy nhiều vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn PCBLXH cho trẻ tương xứng với các quy định trong Luật Trẻ em 2016 và Chỉ thị số 18/CT-TTg ban hành ngày 16/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em.

⁸ Nghị định 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường

⁹ Quyết định 5886/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình hành động phòng, chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên giai đoạn 2017-2021

¹⁰ Chỉ thị số: 993/CT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực học đường trong cơ sở giáo dục



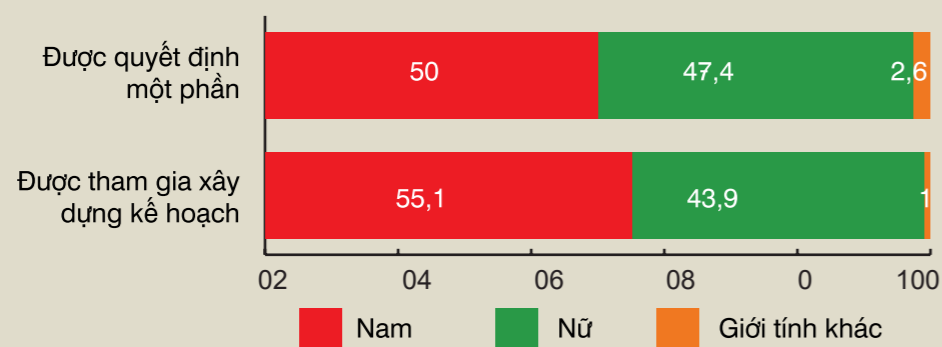


Biểu đồ 14. Tỷ lệ trẻ được học về PCBLXH qua các nguồn khác nhau

Trẻ tham gia vào việc xây dựng và quyết định kế hoạch PCBLXH

Hơn 1/3 trẻ tham gia khảo sát này nói rằng các em được thông báo hoặc nghe nói đến chương trình/ kế hoạch về PCBLXH trẻ em. Có ít trẻ em được tham gia xây dựng kế hoạch (12,1%) hoặc quyết định một phần (2,2%) về kế hoạch phòng chống xâm hại, bạo lực trẻ em của nhà trường và địa phương nơi trẻ sống. Có 25,3% trẻ nói rằng các em không biết đến kế hoạch PCBLXH của nhà trường hoặc của địa phương nơi trẻ sống.

Trong số 205 trẻ được tham gia xây dựng kế hoạch về PCBLXH, số trẻ nam cao hơn số trẻ nữ (14% so với 10,6%) và 10% là trẻ có giới tính khác. Trong số 38 trẻ được ra quyết định một phần trong kế hoạch PCBLXH của nhà trường hoặc địa phương nơi trẻ sống, tỷ lệ trẻ nam và nữ bằng nhau (2%) và 5% là trẻ thuộc nhóm giới tính khác.



Biểu đồ 15. Tỷ lệ trẻ được tham gia vào kế hoạch PCBLXH

Nguyên nhân về số lượng và chất lượng trẻ tham gia vào xây dựng kế hoạch PCBLXH tại trường học và địa phương còn rất hạn chế là do trẻ thường chỉ được người lớn thông báo về các kế hoạch nhưng chưa quan tâm đến ý kiến của trẻ.

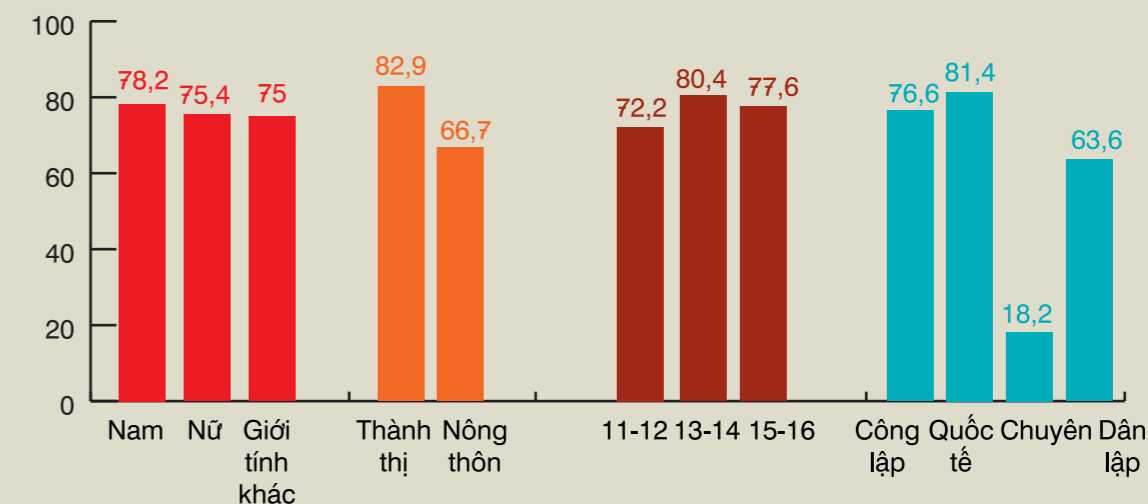
Giải pháp trẻ em đưa ra để trẻ được tham gia hoặc quyết định một phần về kế hoạch, chương trình PCBLXH trẻ ở trường học hay địa phương là người lớn quan tâm, lắng nghe và tạo cơ hội để trẻ em thể hiện ý kiến nhiều hơn.

“**Các vị lãnh đạo, các anh chị trong địa phương cần:
Chịu lắng nghe ý kiến của trẻ, cho các em ý kiến chứ không bác bỏ.
Tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh cho các em để các em
thoải mái trong việc bày tỏ ý kiến của mình**”
- Thảo luận nhóm trẻ em tại Đắk Lắk



Giáo dục về An toàn Internet

76,7% trẻ tham gia khảo sát đã từng được học về cách sử dụng Internet an toàn. Trong số 1.633 trẻ sử dụng mạng Internet, cứ 10 trẻ thì có khoảng 8 trẻ được học hoặc được tiếp cận với nội dung về an toàn khi sử dụng mạng Internet. Số trẻ em còn lại tham gia khảo sát có sử dụng mạng Internet nhưng chưa được tiếp cận với nội dung về an toàn khi sử dụng mạng Internet. Nhóm trẻ 13 - 14 tuổi có tỷ lệ được học về An toàn internet nhiều hơn hai nhóm tuổi 11 - 12 và 15 - 16. Trẻ em ở khu vực thành thị được tiếp cận với nội dung về an toàn internet nhiều hơn trẻ em ở khu vực nông thôn.



Biểu đồ 16. Tỷ lệ trẻ được học An toàn Internet theo giới tính, khu vực, độ tuổi và môi trường học tập

Tương tự như vấn đề PCBLXH, trẻ em biết về an toàn Internet thông qua ba hình thức “Tự học qua tài liệu, thông tin có sẵn trong sách vở, trên mạng xã hội” là chủ yếu (60%), tiếp đến là “Bố mẹ, người thân trong gia đình hướng dẫn” (56%) và “thầy, cô giáo ở trường dạy” (53,3%). Điều này cho thấy trẻ em có sự chủ động trong việc tìm hiểu các thông tin có sẵn hơn là được người lớn cung cấp thông tin. Việc trẻ tự tìm hiểu và sử dụng mạng Internet có nhiều lợi ích giúp trẻ mở mang kiến thức, tuy nhiên cũng tiềm ẩn những nguy cơ nhất định mà người lớn cần quan tâm và có biện pháp hướng dẫn trẻ phòng ngừa.



Đối với những nội dung về an toàn Internet mà trẻ được học, chủ đề nhiều trẻ được học nhất là phòng tránh lừa đảo trên mạng (73,1%), cài đặt quyền riêng tư (71,1%).

Nội dung học về An toàn Internet	Số lượng trẻ	Tỷ lệ %
Phòng tránh lừa đảo trên mạng internet	945	73,1
Cài đặt quyền riêng tư	919	71,1
Lựa chọn kết bạn trên mạng xã hội	760	58,8
Thiết lập và quản lý tài khoản trực tuyến	741	57,3
Cách thức phòng tránh xâm hại tình dục trẻ em trên mạng	694	53,7
Cách thức phòng tránh virut, hacker	626	48,4

Bảng 4. Chủ đề phổ biến về An toàn Internet trẻ được học

Từ các nội dung được học, trẻ thể hiện đã hiểu được lợi ích của việc sử dụng mạng Internet.



“*Nhờ có Internet mà chúng em có thể tìm hiểu thông tin giúp đỡ việc học tập tốt hơn” và “có thể giải trí sau giờ học mệt, tìm hiểu thông tin, học tập trên mạng, biết về tin tức.”* - Thảo luận nhóm trẻ em tại Hải Phòng

“*Sử dụng mạng xã hội giúp chúng em xả stress, giảm áp lực tinh thần, khuây khỏa nỗi buồn.*” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Hà Nội

Bên cạnh đó, trẻ cũng nhận thức được các nguy cơ khi sử dụng mạng Internet.

“*Người ta có thể có được thông tin của mình để uy hiếp, lừa đảo. Người ta sẽ thông qua cái mạng đấy có thể tìm hiểu mình đang ở đâu, thế nào để người ta xâm hại.*” (Thảo luận nhóm trẻ em tại Hà Nội)

“*Chúng em rất lo lắng và sợ hãi khi bị lộ thông tin trên mạng, sợ bị nghiện Internet, sợ bị quấy rối làm phiền”, “Em rất sợ hãi khi bị lộ thông tin vì người lạ sẽ nhắn tin quấy rối mình, ảnh hưởng đến vấn đề học tập của mình.”* - Thảo luận nhóm trẻ em tại Đắk Lắk

“*Người ta giả mạo mình để lừa đảo.*” - Trẻ nam, 16 tuổi, Tiền Giang

“*Sử dụng thông tin cá nhân của mình để đi vay tiền.*” - Trẻ nữ, 16 tuổi, Tiền Giang

Các em cũng đề xuất một số giải pháp giúp trẻ em có được môi trường mạng Internet an toàn như tuyên truyền phổ biến kiến thức, có các chế tài cụ thể, và hướng dẫn trẻ sử dụng Internet an toàn.

“*Đưa ra những quy định chặt chẽ hơn về luật an ninh mạng”, “Phổ biến Luật an ninh mạng.”* - Thảo luận nhóm trẻ em tại Tiền Giang

“*Tuyên truyền qua Internet, đài, TV, thời sự, trường học, phường, tổ dân phố, các địa điểm để mọi người biết đến như chỗ ăn uống, khu vui chơi, nơi phát động ý kiến.*” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Hải Phòng

“*Khuyến khích người dân tố cáo những kẻ bắt nạt và bắt nạt trên mạng.*” - Nữ, 12 tuổi, Hải Phòng

“*Theo chúng em, giải pháp để học sinh hiểu biết về nguy cơ có thể gặp phải khi sử dụng Internet là nhà trường nên hướng dẫn cho các em sử dụng Internet cho đúng và tuyên truyền bằng các hình thức như tranh, ảnh hoặc qua các giờ học tin, giáo dục công dân.*” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Đắk Lắk

Nguồn hỗ trợ trẻ em tại trường học

Đa số trẻ trong nhà trường (85%) cảm thấy hài lòng và rất hài lòng về việc giảng dạy của thầy/cô, có 44,5% trẻ luôn luôn và thường xuyên nhận được sự giúp đỡ (từ thầy cô, bố mẹ, bạn, anh/chị, gia sư...) để hoàn thành các bài tập ở trường. 71,3% trẻ cũng ghi nhận các thầy cô giáo và các nhân viên khác ở trường đang nỗ lực ngăn chặn vấn đề bắt nạt học đường; 62,1% trẻ khẳng định nhà trường đã thực hiện đủ các hoạt động cần thiết nhằm giúp đỡ trẻ em khuyết tật, những trẻ cần sự trợ giúp đặc biệt.

“*Em thấy vui vì được gặp thầy cô, bạn bè và được mọi người giúp đỡ trong học tập và được mở mang kiến thức”, “được chơi cùng bạn bè, được chia sẻ những điều vui, gặp được những người bạn, người mình yêu quý vì họ làm cho mình hài lòng.”* - Thảo luận nhóm trẻ em tại Lào Cai

“*Nhà trường biết quan tâm, hiểu tâm lý học sinh, thầy cô giáo tận tụy, thầy hiệu trưởng thân thiện, giản dị với học sinh.*” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Hải Phòng

Tuy nhiên, điều làm trẻ thấy không hài lòng thường liên quan đến vấn nạn bắt nạt học đường, cơ sở vật chất hoặc áp lực học tập.

“*Điều em không vui ở trường là khi không nắm được kiến thức, bài tập ở trường cô giáo giao về nhà”, “vấn đề đánh nhau, bắt nạt vì trẻ em đến trường để học tập cần tránh xa các hình thức bắt nạt”, “Thầy cô mắng, áp lực bài tập.”* - Thảo luận nhóm trẻ em tại Lào Cai

“*Cơ sở vật chất thiếu, nhà vệ sinh không được sạch sẽ, khá hôi.*” - Trẻ nữ, 13 tuổi, TP. Hồ Chí Minh

“*Các bạn học sinh đe dọa, đánh nhau. Có nhiều bạn gây mất vệ sinh do xả rác không đúng nơi quy định trong trường. Một số bạn học sinh nói chuyện thô tục, chia phe, không chơi chung.*” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Tiền Giang



5. SỐNG AN TOÀN VÀ KHỎE MẠNH

Khảo sát đã tìm hiểu về các vấn đề lo lắng của trẻ và cảm giác về sự an toàn của trẻ trong gia đình, nhà trường, khu vực công cộng và trên mạng Internet.

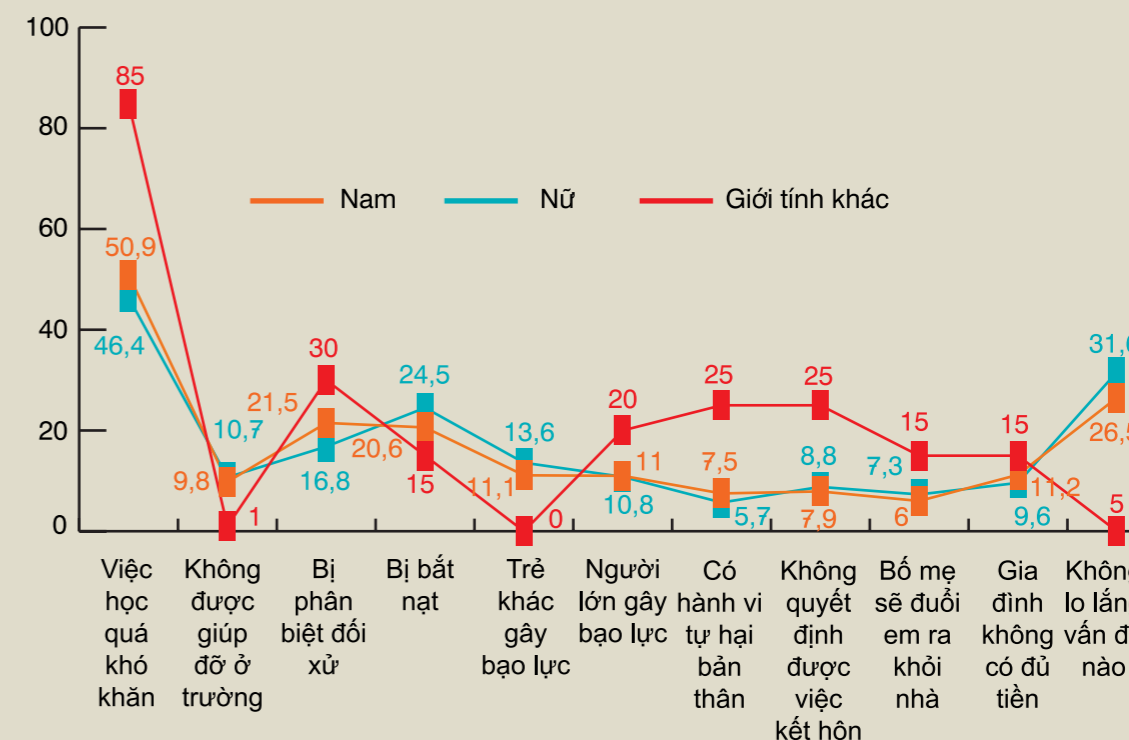
Vấn đề lo lắng của trẻ trong 12 tháng qua

Hơn 70% số trẻ tham gia khảo sát có ít nhất một nỗi lo lắng. Vấn đề trẻ em đang đi học lo lắng nhất là việc học quá khó khăn (49%), tỷ lệ trẻ nam (50,6%) lo lắng cao hơn so với tỷ lệ trẻ nữ (47,2%), đặc biệt hầu hết trẻ em có giới tính khác chia sẻ là các em có nỗi lo lắng này (85%). Vẫn còn có những trẻ lo lắng về vấn đề bị bắt nạt, bị phân biệt đối xử hay các hành vi bạo lực do trẻ khác hay do người lớn gây ra. Có 114 trẻ lo lắng về hành vi tự hại bản thân. Trong số 114 trẻ này, trẻ ở thành thị lo lắng về hành vi tự hại bản thân nhiều hơn trẻ ở nông thôn (có 84 trẻ ở thành thị, 32 trẻ ở nông thôn)

Vấn đề lo lắng của trẻ	Số lượng trẻ	Tỷ lệ %
Việc học quá khó khăn	796	49*
Bị bắt nạt	381	22,5
Bị phân biệt đối xử	325	19,2
Là nạn nhân của các hành vi bạo lực do trẻ khác gây ra	207	12,2
Là nạn nhân của các hành vi bạo lực do người lớn gây ra	187	11,1
Bố mẹ sẽ đuổi em ra khỏi nhà	177	10,4*
Em sẽ không nhận được sự giúp đỡ một cách đầy đủ ở trường	167	10,3
Em sẽ không thể quyết định việc em sẽ chung sống hoặc kết hôn với ai	145	8,6
Gia đình em sẽ không đủ tiền để đáp ứng các nhu cầu của gia đình	116	6,9
Em sẽ có các hành vi tự hại bản thân mình	114	6,7
Không lo lắng về vấn đề nào	488	28,8

Bảng 5. Vấn đề lo lắng của trẻ trong 12 tháng qua

Ghi chú: * Vấn đề chỉ hỏi với nhóm học sinh ở trong trường học



Biểu đồ 17. Tỷ lệ trẻ lo lắng về các vấn đề khác nhau theo giới tính

Xét về khía cạnh giới tính, trẻ em ở tất cả các giới tính thường lo lắng về việc học tập, gia đình không có đủ tiền trang trải cuộc sống, và bị phân biệt đối xử. Bên cạnh đó, trẻ có giới tính khác lo lắng nhiều hơn trẻ nữ và trẻ nam về việc là nạn nhân của các hành vi bạo lực do người lớn hoặc trẻ em khác gây ra, không được quyết định việc hôn nhân (nhiều hơn 2 lần so với trẻ nam hoặc trẻ nữ), có hành vi tự làm hại bản thân (nhiều hơn 4 lần so với tỷ lệ của trẻ nam hoặc trẻ nữ).



“Ở trường điều khiến chúng em vui nhất là học tập và chơi đùa cùng các bạn, điều khiến em chưa hài lòng là các bạn còn đánh nhau, bạo lực học đường cứ hễ có chuyện gì là gây gổ đánh nhau.”
- Thảo luận nhóm trẻ em tại Đắk Lắk

Đối với nhóm trẻ trong nhà trường, cứ 3 trẻ thì có 1 trẻ (34,5%) luôn luôn căng thẳng về việc học tập và 47,5% trẻ bị áp lực về điểm số. Đặc biệt, nhóm trẻ ở lứa tuổi 13 – 14 và lứa tuổi 15 – 16 luôn cảm thấy căng thẳng về việc học tập tương ứng gấp từ 3 đến 4 lần so với nhóm trẻ ở lứa tuổi 11 – 12. Trẻ em trong nhà trường lo lắng về vấn đề trở thành nạn nhân của các hành vi bạo lực do các trẻ khác gây ra nhiều hơn so trẻ ngoài nhà trường (22,4% so với 17,4%). Tỷ lệ trẻ trong nhà trường lo lắng về việc bố mẹ không có đủ tiền để đáp ứng nhu cầu của gia đình cao hơn tỷ lệ ở nhóm trẻ ngoài nhà trường (38,8% so với 27,5%). Ngoài ra, nhóm trẻ ngoài nhà trường còn lo lắng về môi trường học nghề bị chèn ép, bị mắng chửi. Trẻ mong muốn được làm việc ở nơi có điều kiện tốt, tuy vậy, cũng có trẻ bày tỏ thái độ chấp nhận việc có thể bị mắng.



Vấn đề lo lắng	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường
Bị phân biệt đối xử	24,8%	36,2%
Bị bắt nạt	29,8%	30,4%
Là nạn nhân của các hành vi bạo lực do các bạn trẻ khác gây ra	16,1%	17,4%
Là nạn nhân của các hành vi bạo lực do người lớn gây ra	14,7%	14,5
Không có đủ tiền để đáp ứng nhu cầu của gia đình	38,8%	27,5%

Bảng 6. Tỷ lệ trẻ trong nhà trường và ngoài nhà trường lo lắng về các vấn đề khác nhau

Lo lắng của nhóm trẻ trong nhà trường

“Ở trường, khi không hòa đồng với các bạn sẽ gây hậu quả như đánh nhau, mất niềm tin ở nhau.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Lào Cai

“Điều em chưa thực sự hài lòng ở trường đó là những học sinh bạo lực trong học đường, đe dọa đánh nhau vì nếu đánh nhau gây ra hậu quả nghiêm trọng có thể tử vong.”
- Thảo luận nhóm trẻ em tại Lào Cai

Lo lắng của nhóm trẻ ngoài nhà trường

“Có một số cái em không hài lòng ở môi trường đào tạo nghề ví dụ như chèn ép, chửi.” - Trẻ nam, 14 tuổi, Thừa Thiên Huế

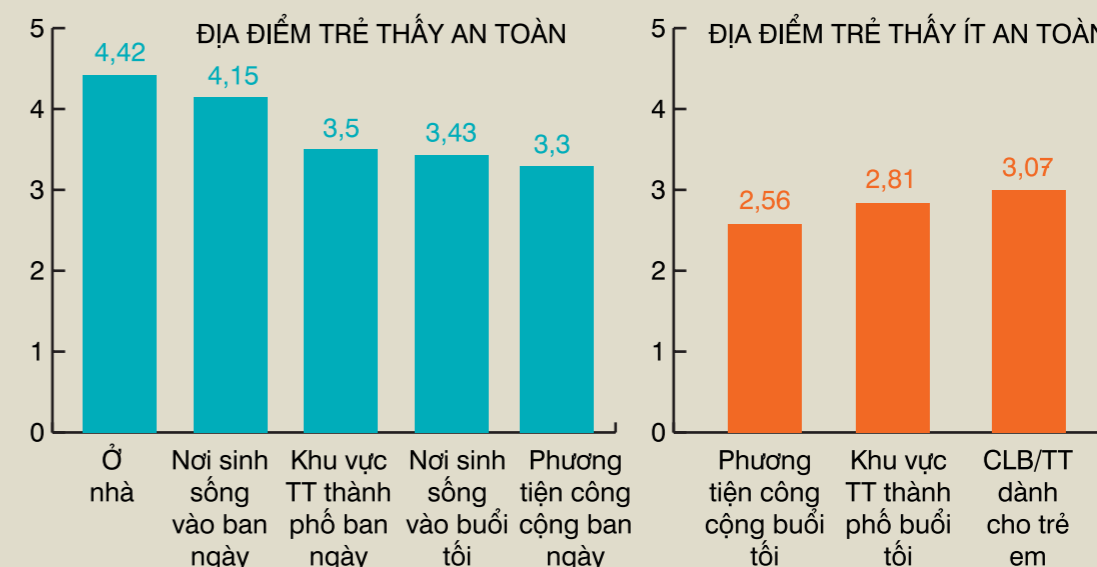
“Em mong muốn được làm việc ở nơi thoải mái không bị chèn ép.” - Trẻ nữ, 14 tuổi, Thừa Thiên Huế

“Môi trường làm việc không bị chèn ép, sạch sẽ, nhưng sai sót thì chửi là bình thường.” - Trẻ nam, 15 tuổi, Thừa Thiên Huế

Cảm nhận an toàn ở nhà và nơi công cộng của trẻ

Mức độ trẻ cảm thấy an toàn như thế nào ở từng địa điểm, thời gian cụ thể được đưa ra với 5 mức độ: không bao giờ, hiếm khi, thỉnh thoảng, thường xuyên, luôn

luôn tương ứng với thang điểm từ 1 đến 5 và được tính theo công thức điểm trung bình (ĐTB), ĐTB càng cao thì mức độ cảm thấy an toàn càng cao. Theo thang đánh giá này, nơi trẻ cảm thấy an toàn nhất là ở nhà và nơi trẻ cảm thấy ít an toàn nhất là phương tiện công cộng vào buổi tối và thậm chí vào ban ngày. Kết quả khảo sát này gợi ý các cơ quan quản lý phương tiện công cộng cần hành động nhiều hơn để khiến phương tiện công cộng an toàn hơn với trẻ em.



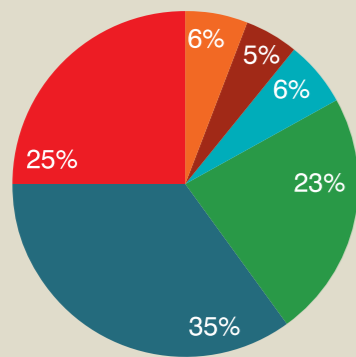
Biểu đồ 18. Các địa điểm trẻ cảm thấy an toàn và ít an toàn

So sánh về mức độ cảm thấy an toàn của trẻ ở các nhóm giới tính khác nhau, cả ba nhóm trẻ theo giới tính đều cảm thấy an toàn nhất khi ở nhà, ở nơi trẻ sống vào ban ngày. Trẻ ở nhóm có giới tính khác cảm thấy ít an toàn nhất khi đi phương tiện công cộng vào buổi tối (ĐTB thấp nhất là 1,85). Về khu vực, trẻ em ở thành thị có cảm giác an toàn hơn so với trẻ em ở nông thôn vào ban ngày và buổi tối. Trẻ càng nhỏ tuổi thì càng cảm thấy ít an toàn ở trung tâm thành phố vào ban đêm. Nhóm trẻ ngoài nhà trường cảm thấy an toàn hơn nhóm trẻ trong nhà trường khi ở khu vui chơi và đi phương tiện công cộng vào buổi tối. Ở các địa điểm còn lại như ở nhà, nơi sinh sống, trung tâm thành phố, nhóm trẻ trong nhà trường cảm thấy an toàn hơn nhóm trẻ ngoài nhà trường.

Cảm nhận an toàn khi sử dụng Internet

Đa số trẻ tham gia khảo sát (60%) trả lời là cảm thấy an toàn khi sử dụng Internet. Tuy nhiên, trẻ em cũng nhận thức được các nguy cơ mất an toàn khi sử dụng Internet, đặc biệt là rủi ro bị lộ thông tin cá nhân (66,6%), tiếp theo là bị nghiện Internet (60,9%). Trẻ em cho rằng ít bị rủi ro hơn trong việc chia sẻ các thông tin không chính xác hay bị bắt nạt trên mạng, bị kết bạn xấu.

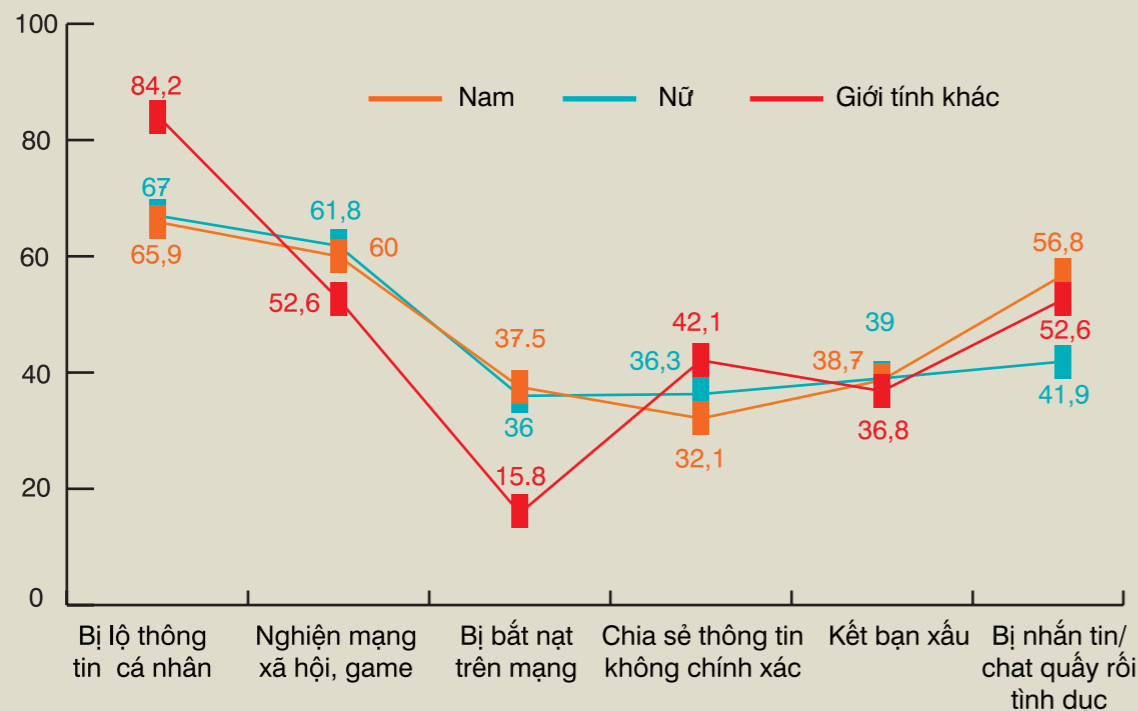




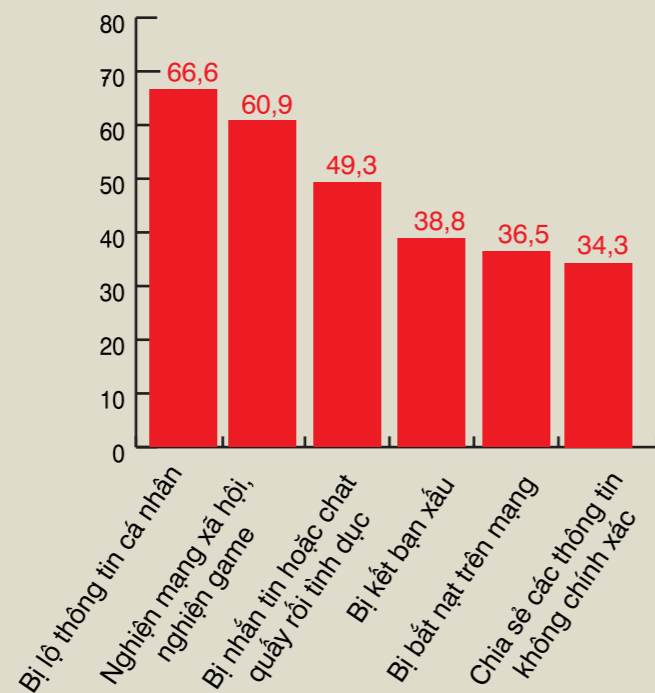
- Không biết
- Không bao giờ
- Hiếm khi
- Thỉnh thoảng
- Thường xuyên
- Luôn luôn

Biểu đồ 19. Tần suất trẻ cảm thấy an toàn khi sử dụng Internet

Có đến 84,2% trẻ thuộc nhóm giới tính khác lựa chọn nguy cơ bị lộ thông tin cá nhân khi sử dụng mạng Internet, điều này thể hiện việc nhóm trẻ này rất quan tâm đến việc bảo mật danh tính cá nhân. Với nhóm trẻ ngoài nhà trường, ngoài hai nguy cơ là bị lộ thông tin cá nhân và nghiện mạng xã hội, nguy cơ mà các em cho rằng mình có thể gặp phải là bị kết bạn xấu (45,9%).



Biểu đồ 21. Tỷ lệ trẻ đánh giá nguy cơ cao nhất có thể gặp phải trên mạng internet theo giới tính

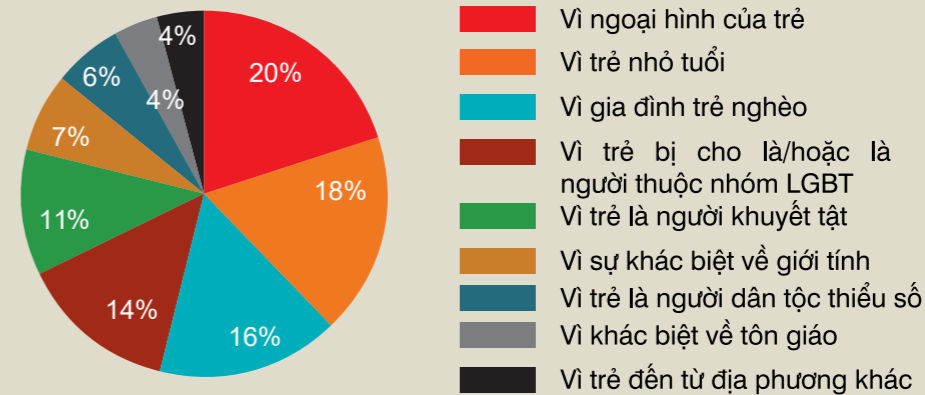


Biểu đồ 20. Đánh giá của trẻ em về các rủi ro khi sử dụng Internet

Tình trạng bị bắt nạt, quấy rối và bạo lực ở trẻ em

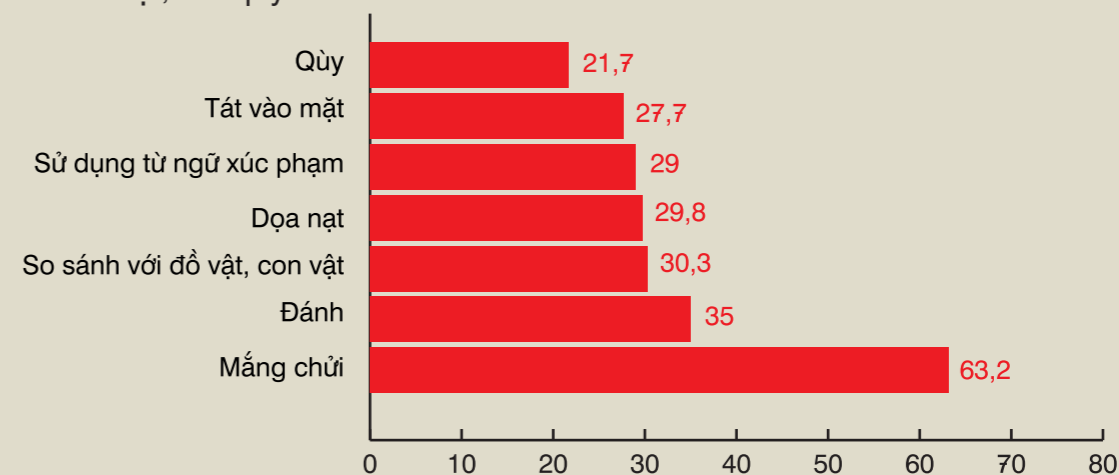
Đối với tình trạng bị bắt nạt, quấy rối và bạo lực ở trẻ em, một nửa số trẻ em tham gia khảo sát (50%) đã từng chứng kiến trực tiếp trẻ khác bị bắt nạt, bị quấy rối ở các mức độ khác nhau. Các lý do khiến trẻ bị bắt nạt, quấy rối, bị bạo lực nhiều nhất là vì ngoại hình của trẻ (18%), vì tuổi nhỏ (16%), vì hoàn cảnh nghèo (14%), các yếu tố khác (như giới tính, tình trạng khuyết tật, hoặc thành phần dân tộc và các lý do khác được nhắc đến) với Tỷ lệ không nhiều (dưới 10%).

“Theo em, việc bắt nạt trẻ em là rất nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến việc vui chơi, học tập của chúng em.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Đắk Lắk



Biểu đồ 22. Tỷ lệ trẻ nhận định về lý do trẻ em bị bắt nạt

Vấn đề trừng phạt trẻ em là một trong những nội dung quan trọng trong các vấn đề mà trẻ em quan tâm. Có đến 82,2% trẻ đã từng trực tiếp chứng kiến các bạn và/ hoặc anh, chị, em của mình bị người lớn xử phạt khi mắc lỗi. Kết quả này cho thấy hiện tượng người lớn xử phạt trẻ khi mắc lỗi là khá phổ biến. Hình thức xử phạt mà nhiều trẻ chứng kiến nhất là mắng chửi (63,2%). Khoảng 30% trẻ nói rằng trẻ đã chứng kiến các hình thức xử phạt như đánh, so sánh với đồ vật, con vật, dọa nạt hay sử dụng các từ ngữ xúc phạm, tát vào mặt, bắt quỳ.



Biểu đồ 23. Các hình thức trừng phạt người lớn áp dụng với trẻ em

Trong các cuộc thảo luận nhóm, trẻ cũng phản ánh một số hành vi xử phạt của bố mẹ với trẻ như sau:

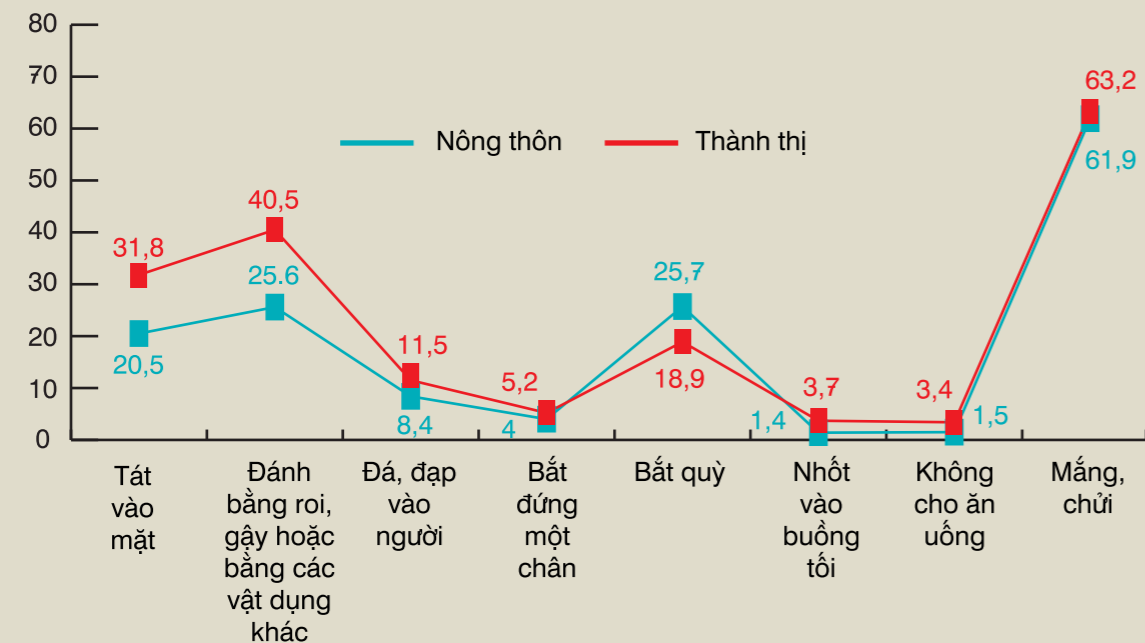
“Bố mẹ con toàn chửi là “Sao mà ngu thế!” “Mẹ con giảng, con đã bảo con



không hiểu rồi nhưng mẹ con cốc đầu con và bảo: “Sao mà ngu thế.” “Bố mẹ hay so sánh “Con nhà người ta toàn được điểm 10 kia”, nhưng khi con được 10 điểm môn Lịch sử thì bố mẹ lại bảo “Bao nhiêu người cũng được 10 kia”.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Hà Nội

Mặc dù trẻ em trả lời rằng cảm thấy an toàn nhất ở gia đình, nhưng nơi xảy ra các hình thức phạt trẻ mà trẻ chứng kiến nhiều nhất là chính trong gia đình (73,6%), hoặc nhà hàng xóm (33,9%). Khu vực công cộng cũng là nơi trẻ chứng kiến trẻ khác bị người lớn xử phạt (22,3%). Ở Việt Nam, Luật Giáo dục năm 2005 nghiêm cấm hành vi trừng phạt thân thể ở trường học nhưng trên thực tế vẫn tồn tại vấn đề này. Theo kết quả khảo sát, cứ 5 trẻ thì có 1 trẻ trong nhà trường đã chứng kiến các hình thức trừng phạt thể chất, tinh thần tại trường.

Không có sự khác biệt về việc chứng kiến các hình thức xử phạt của trẻ ở các đặc điểm về giới tính và nhóm tuổi. Cả trẻ em ở thành thị và nông thôn đều từng trải qua các hình phạt bạo lực, biểu đồ 25 cho thấy trẻ em ở thành thị (40,5%) bị trừng phạt bằng roi và các đồ vật” nhiều hơn trẻ em ở nông thôn (25,6%), trong khi trẻ em nông thôn (25,7%) thường bị “bắt quỳ” nhiều hơn so với trẻ em ở thành thị (18,9%). Quát mắng là hình thức trừng phạt phổ biến nhất ở cả nông thôn và thành thị với hơn 60% trẻ em cho biết “từng bị cha mẹ mắng chửi”. Những người sử dụng hình thức trừng phạt nêu trên thường xuyên nhất là mẹ (68,2%), bố (63,7%), tiếp đến là thầy giáo (16,3%), cô giáo (15,7%), những người thân như cô, dì, chú, bác... (14,7%) và các anh, chị, em trong gia đình (8,2%).



Biểu đồ 24. Tỷ lệ trẻ chứng kiến các hình thức xử phạt theo khu vực (%)

Trẻ cũng đã bày tỏ ý kiến rất sôi nổi về việc bị người lớn xử phạt trong các cuộc thảo luận nhóm:

“Điều làm em chưa hài lòng là thầy cô hay mắng học sinh và áp lực bài tập.”
- Trẻ nam, 16 tuổi, Lào Cai

“Nhiều thầy cô giáo vào lớp chửi mắng học sinh. Các anh chị lớp trên dọa đánh.”
- Thảo luận nhóm trẻ em tại Tiền Giang

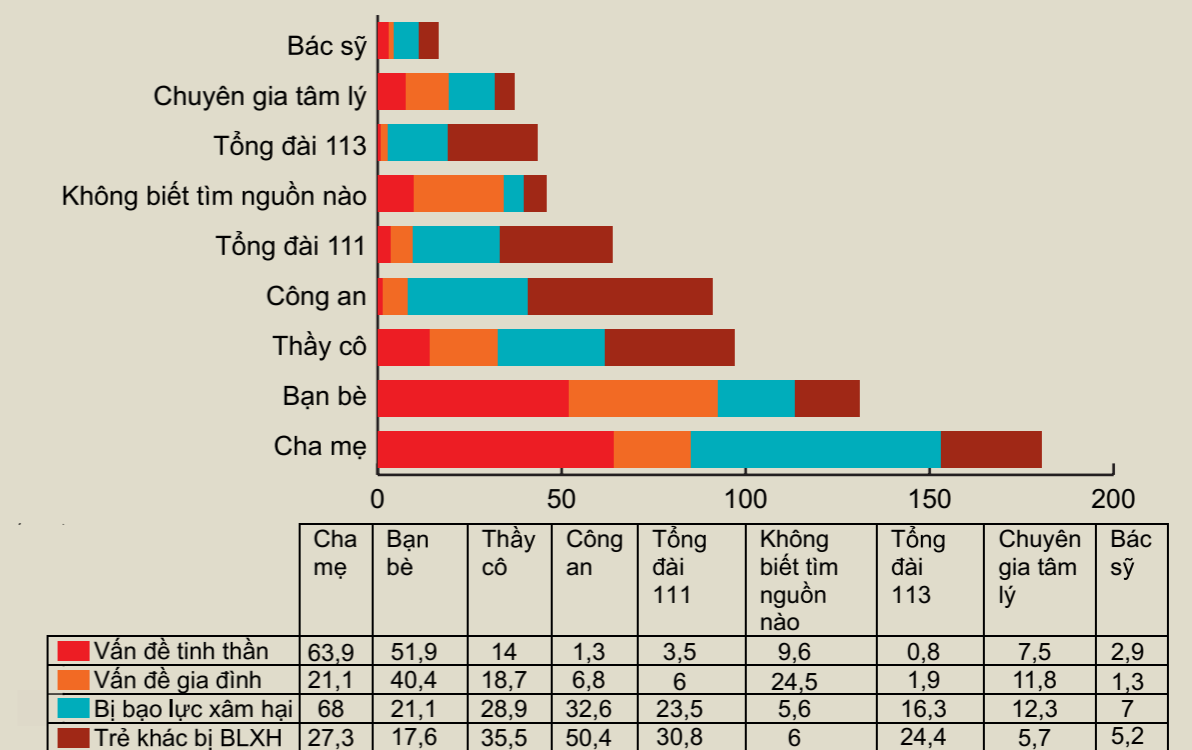
“Bọn em làm sai cái gì là cô quát mắng”, “Giáo viên lôi gà, mèo, chó, lợn ra để chửi.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Hà Nội

“Ở trường, điều làm em chưa hài lòng là thầy cô còn la mắng chúng em khi chúng em chưa học tốt lắm.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Đắk Lắk

Các nguồn trợ giúp mà trẻ em ưu tiên tìm đến

Trong phiếu khảo sát có đưa ra các tình huống giả định cho trẻ và gợi ý các nguồn trợ giúp nhằm tìm hiểu khi xảy ra các tình huống đó trẻ sẽ ưu tiên tìm kiếm các nguồn trợ giúp nào.

Biểu đồ dưới đây thể hiện thứ tự ưu tiên của các nguồn trợ giúp mà khảo sát nêu ra và được trẻ đánh giá, lựa chọn.



Biểu đồ 25. Tỷ lệ trẻ ưu tiên tìm kiếm các nguồn trợ giúp khác nhau (%)

Khảo sát cho thấy, khi gặp các vấn đề về tinh thần, bạo lực hay xâm hại, trẻ có xu hướng tìm đến sự trợ giúp của bố, mẹ. Với vấn đề về gia đình, trẻ sẽ tìm đến sự giúp đỡ của bạn bè. Và khi chứng kiến trẻ khác bị xâm hại, trẻ sẽ tìm đến sự trợ giúp của công an.

Trẻ lựa chọn tìm kiếm sự trợ giúp của công an và tổng đài 111, 113 khi gặp phải vấn đề bạo lực, xâm hại. Tỷ lệ trẻ tìm kiếm sự trợ giúp từ chuyên gia tâm lý cũng khá thấp ngay cả khi trẻ gặp vấn đề về tinh thần.

Theo trẻ em, lý do mà trẻ ít tìm đến các nguồn trợ giúp này là do trẻ ngại, tự ti, không dám thổ lộ, sợ bị lừa đảo, không có cơ hội để gặp và hoặc nếu gặp cũng khó chia sẻ.

“Chúng em thấy ngại, thiếu tự tin.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Lào Cai

“Cảm thấy không đủ tin tưởng để chia sẻ.” - Trẻ nữ, 13 tuổi, TP. Hồ Chí Minh



“Mình không có cơ hội gặp những người đó nên mình không thể chia sẻ được.”
- Trẻ nữ, 13 tuổi, TP. Hồ Chí Minh

“Theo chúng em thì các bạn chưa biết hoặc không biết đến tổng đài hỗ trợ, các chuyên gia tâm lý và cảnh sát, còn nếu có biết thì cảm thấy rất khó nói với họ, chủ yếu là chúng em về nói với gia đình.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Đắk Lắk



“Ít tin tưởng vì sợ mất thời gian của mình, với gọi tổng đài thì đa số sợ bị lừa đảo.” - Trẻ nam, 14 tuổi, Thừa Thiên Huế

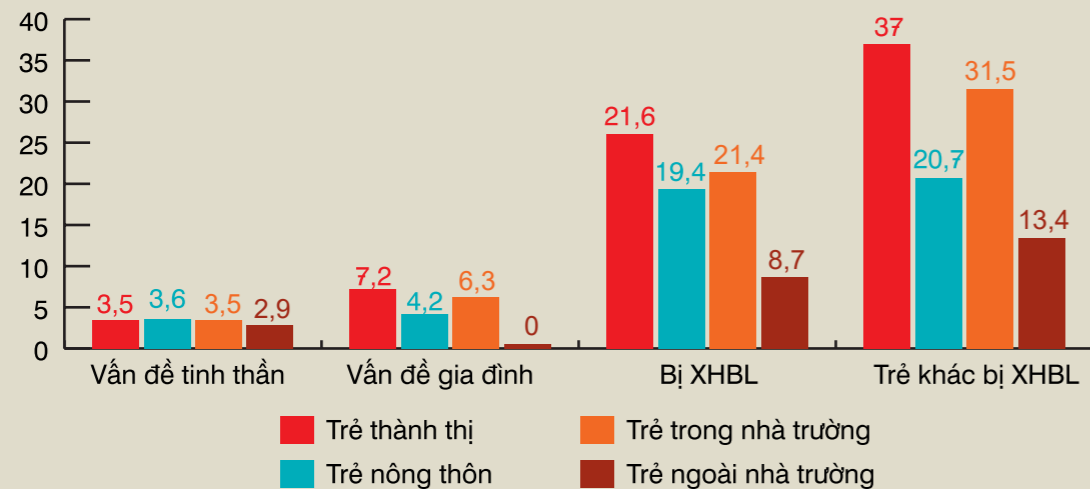
“Chỉ có những vấn đề như mình bị xâm hại hay bị người khác cướp bóc mới phải gọi cảnh sát. Hoặc chỉ trường hợp ảnh hưởng đến tính mạng.”

- Thảo luận nhóm trẻ em tại Hà Nội



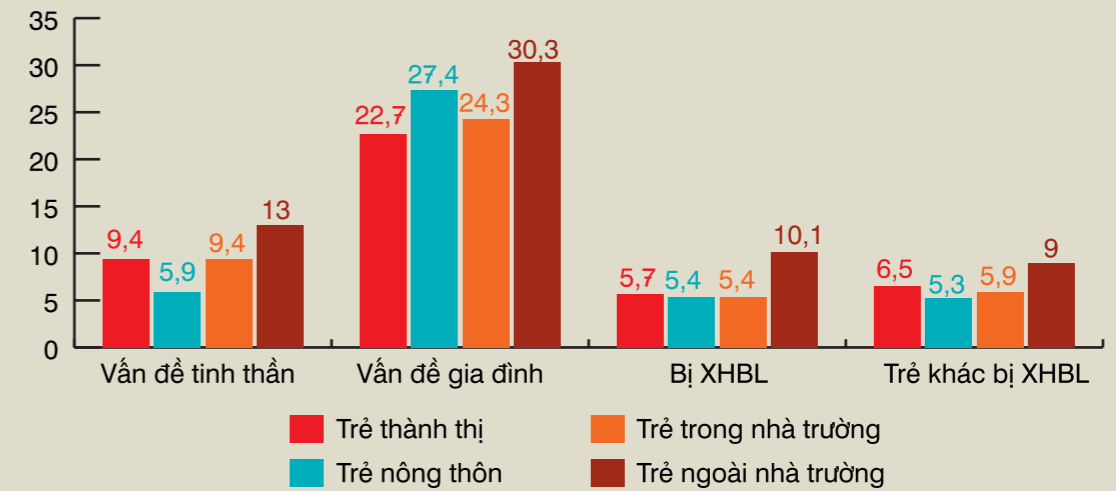
Nhóm trẻ nhỏ tuổi hơn (11 và 12 tuổi) có xu hướng tìm kiếm sự trợ giúp của cha mẹ và thầy cô trong khi nhóm trẻ lớn hơn có xu hướng tìm hỗ trợ từ bạn bè. Nhóm trẻ có giới tính khác cũng tìm đến bạn bè khi có nhu cầu hỗ trợ về tinh thần, trong khi nhóm trẻ nam và trẻ nữ chia sẻ với cha mẹ và thầy cô giáo.

Tỷ lệ trẻ ở nông thôn và trẻ ngoài nhà trường biết tổng đài Quốc gia Bảo vệ Trẻ em 111 ít hơn tỷ lệ này ở thành thị và nhóm trẻ trong nhà trường (Biểu đồ 26 thể hiện khi nào trẻ em lựa chọn gọi điện tới Tổng đài 111).



Biểu đồ 26. Tỷ lệ trẻ em lựa chọn sử dụng Tổng đài 111 khi cần trợ giúp

Bên cạnh đó, có hơn 20% trẻ em trả lời mình không biết tìm trợ giúp từ đâu. Trẻ em không biết tìm nguồn hỗ trợ từ đâu thuộc nhóm trẻ ngoài nhà trường có Tỷ lệ lớn hơn trẻ đang đi học ở tất các vấn đề cần trợ giúp. Tương tự, trẻ thuộc nhóm giới tính khác trả lời “không biết tìm nguồn trợ giúp từ đâu” chiếm Tỷ lệ cao hơn nhóm trẻ nam và trẻ nữ.



Biểu đồ 27. Tỷ lệ trẻ em không biết tìm các nguồn trợ giúp

Những trẻ em chia sẻ là không tìm trợ giúp từ ai thường ghi vào nhật kí, hoặc lên mạng xã hội tìm kiếm sự chia sẻ hoặc không nói ra vì cảm thấy “ngại không nói với người lạ” hoặc là “điều kiện không cho phép, không có điện thoại, sống ở nơi hẻo lánh, không có sóng” (Thảo luận nhóm trẻ em tại Hải Phòng); hoặc đôi khi tại gia đình, thái độ của các bậc phụ huynh cũng khiến trẻ không muốn chia sẻ “Bố mẹ không giáo dục con về tác hại của bạo lực học đường hoặc luôn suy nghĩ một cách bi quan” (Thảo luận nhóm trẻ em tại Hà Nội). Việc không muốn chia sẻ hoặc không có cơ hội chia sẻ có thể sẽ khiến cho trẻ rơi vào trạng thái khủng hoảng kéo dài, lo lắng hoặc buồn bã. Khi được hỏi trẻ “có bao giờ cảm thấy buồn bã và chán nản trong một thời gian dài (khoảng một tháng trở lên)?”, gần một nửa số trẻ em tham gia khảo sát cho biết trẻ thường cảm thấy buồn bã, chán nản.

6. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Phần lớn trẻ em tham gia khảo sát quan tâm đến biến đổi khí hậu (BĐKH). Cụ thể cứ 10 trẻ thì có 8 trẻ bày tỏ sự lo lắng với biến đổi khí hậu và các vấn đề môi trường khác tại Việt Nam mà cụ thể là tại nơi trẻ sinh sống. Trẻ em tại Đắk Lắk và Thừa Thiên Huế có ít lo lắng về BĐKH nhất, so với các trẻ em tại các tỉnh/thành phố khác.



“Môi trường ô nhiễm có thể khiến trẻ em bị bệnh, gây hệ lụy tới việc học tập và sức khỏe của trẻ.”

- Thảo luận nhóm Lào Cai

“Hít phải không khí ô nhiễm sẽ khiến cho chúng ta bị bệnh và gây ra bệnh ung thư.”

- Trẻ nam, 14 tuổi, Thừa Thiên Huế

Trong 12 tháng qua, có 32,2% trẻ tham gia khảo sát nói rằng các em không thể tới trường hoặc tham gia các hoạt động giải trí ngoài trời do BĐKH và các vấn đề về môi trường như ô nhiễm, rác thải, tắc nghẽn giao thông, lũ lụt, bão, nắng nóng gay gắt...

Cứ hai trẻ em thì có một trẻ em tiếp tục lo lắng về ô nhiễm nguồn nước, không khí và đất. Bên cạnh đó, trẻ em quan tâm, lo lắng về “Tiêu thụ quá mức và lãng



phí tài nguyên thiên nhiên”, tiếp đến là “Các động vật hoang dã, thực vật và các khu vực tự nhiên như rừng dần biến mất”, và cuối cùng là “Hiện tượng trái đất nóng lên” (Bảng 7). Một số vấn đề khác về môi trường mà trẻ quan tâm như rác thải nhựa, lũ lụt, rác thải không được thu gom đúng nơi quy định...

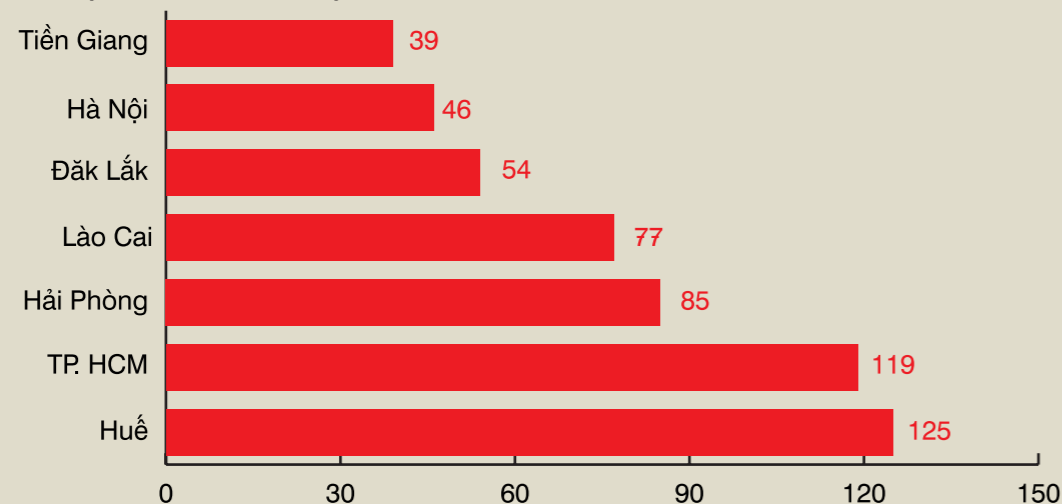
Vấn đề về môi trường	Điểm trung bình	Xếp loại
Ô nhiễm đất, nước, không khí	4,06	1
Tiêu thụ quá mức và phung phí tài nguyên tự nhiên	3,97	2
Động vật hoang dã, thực vật, không gian tự nhiên, như rừng dần biến mất	3,61	3
Nóng lên toàn cầu	3,50	4

Bảng 7. Các vấn đề môi trường mà trẻ em lo lắng nhất

Theo chia sẻ tại các cuộc thảo luận nhóm, trẻ hoàn toàn nhận thức được các tác động của BĐKH và các vấn đề môi trường khác.

“Vi ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại và tương lai của chúng em” và “ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu khiến cuộc sống của chúng ta trở nên khó khăn hơn.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Đắk Lắk

“Vấn đề ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu có quan trọng vì môi trường có thể gây bệnh cho trẻ, ảnh hưởng đến việc học tập của trẻ, giảm sức khỏe của trẻ.” - Thảo luận nhóm trẻ em tại Lào Cai



Biểu đồ 28. Số trẻ em không thể đến trường do ảnh hưởng của môi trường ở các địa phương

Thừa Thiên Huế và thành phố Hồ Chí Minh là hai địa phương có nhiều trẻ em không thể đến trường do ảnh hưởng của môi trường nhất, tiếp đến là Hải Phòng và Lào Cai. Đây cũng là địa phương hàng năm đều có những vấn đề về môi trường như ngập lụt ở thành phố Hồ Chí Minh, mưa lũ ở Thừa Thiên Huế, Hải Phòng và Lào Cai.

Hà Nội, Đắk Lắk và Tiền Giang ít bị ảnh hưởng bởi các sự cố về môi trường hơn.

“Mưa bão sập cầu nên các bạn học sinh không có cầu để sang bờ đi học.”
- Trẻ nam, 16 tuổi, Lào Cai

“Khói bụi, kẹt xe khiến em không muốn ra khỏi nhà vui chơi, nắng nóng đen da.”
- Trẻ nữ, 13 tuổi, TP. HCM

“Mọi người hay xả rác ở cầu trượt, khu vui chơi của chúng em.”
- Thảo luận nhóm trẻ em tại Hải Phòng



“Bão nhiều, mực nước tăng, đường bị ngập nên không đi qua được, mưa nhiều lũ lụt làm hạn chế hoạt động của trường.”

- Trẻ nữ, 16 tuổi, Lào Cai



Đáng chú ý là khoảng 40% trẻ cho biết trẻ tin tưởng rằng các nhà lãnh đạo đất nước hiện nay có thể có hành động thích hợp để ứng phó với biến đổi khí hậu, còn lại là 31,7% trẻ em “không biết” hoặc “không tin tưởng” (28,6%) vào điều đó. Các em cũng đề xuất cách thức giảm bớt ô nhiễm môi trường để trẻ em có thể được sống trong một môi trường an toàn, trong sạch như: Không xả rác bừa bãi, không đốt vàng mã; tuyên truyền đến người dân không dùng rác thải nhựa mà dùng các vật dụng bằng tre hay gỗ như ống hút bằng tre, ly gỗ, túi giấy, hạn chế các nhà máy thải khí độc ra môi trường, trồng nhiều cây xanh, giảm lượng xe cộ, cấm chặt phá rừng.

Gần 50% trẻ tham gia khảo sát cho rằng cuộc sống tương lai của mình sẽ khác với cuộc sống của cha mẹ hiện nay do tác động của biến đổi khí hậu. Những trẻ đó cho rằng cuộc sống sau này của trẻ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu như phải di chuyển tới những nơi khác, trồng trọt các loại cây trồng khác, tìm loại công việc khác, tiêu thụ sản phẩm ít hơn, đi du lịch ít hơn, ăn thực phẩm khác, đối mặt với nhiều thảm họa hơn... Có 22% trẻ nhận định là cuộc sống tương lai của mình không khác với cuộc sống như của cha mẹ hiện nay và 30,6% trẻ không biết cuộc sống của mình trong tương lai có khác bây giờ hay không.

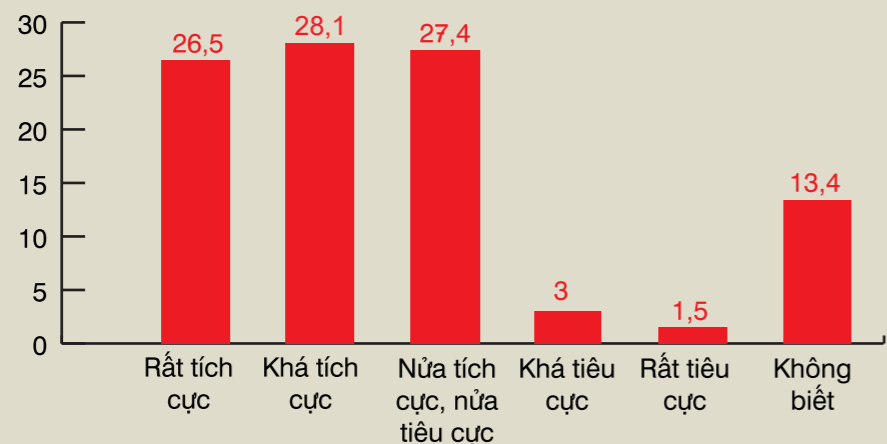
7. TƯƠNG LAI

Suy nghĩ của trẻ về tương lai

Biết trẻ suy nghĩ thế nào về tương lai của mình cũng là một cách để hiểu được phần nào nhận thức và cảm xúc của trẻ em về cuộc sống. Cách trẻ cảm nhận tích cực hay tiêu cực sẽ ảnh hưởng đến thái độ và hành vi ứng xử của các em với mọi người xung quanh, với thiên nhiên, và với các vấn đề chính trị - xã hội.

Hơn một nửa số trẻ em tham gia khảo sát có suy nghĩ tích cực về tương lai của mình (54,6%), 4,5% trẻ có suy nghĩ tiêu cực về tương lai và khoảng 1/4 số trẻ được hỏi cảm thấy tương lai của mình không hẳn tích cực cũng không hẳn tiêu cực (27,4%). Số trẻ không biết tương lai của mình sẽ như thế nào là 13,4%.



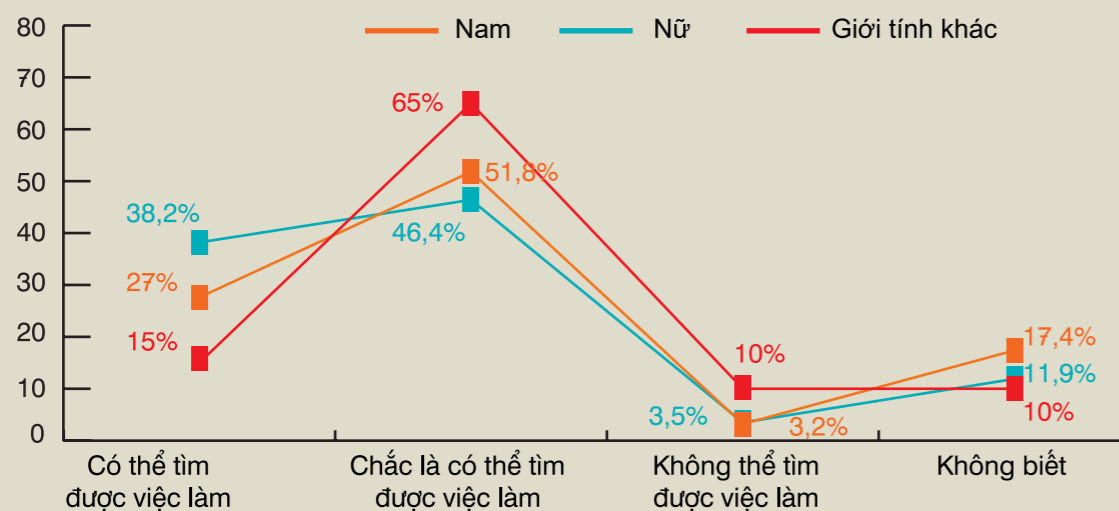


Biểu đồ 29. Tỷ lệ trẻ suy nghĩ về tương lai (%)

Không có sự khác biệt về mức độ suy nghĩ tích cực của trẻ em theo giới tính. Trẻ em ở thành thị có suy nghĩ tích cực hơn về tương lai so với trẻ em ở nông thôn. Tuy nhiên, xét theo tỉnh thành thì trẻ em ở Tiền Giang và Hải Phòng có suy nghĩ tích cực về tương lai nhất trong khi tỷ lệ trẻ em ở Hà Nội và Thừa Thiên Huế có suy nghĩ tích cực thấp nhất.

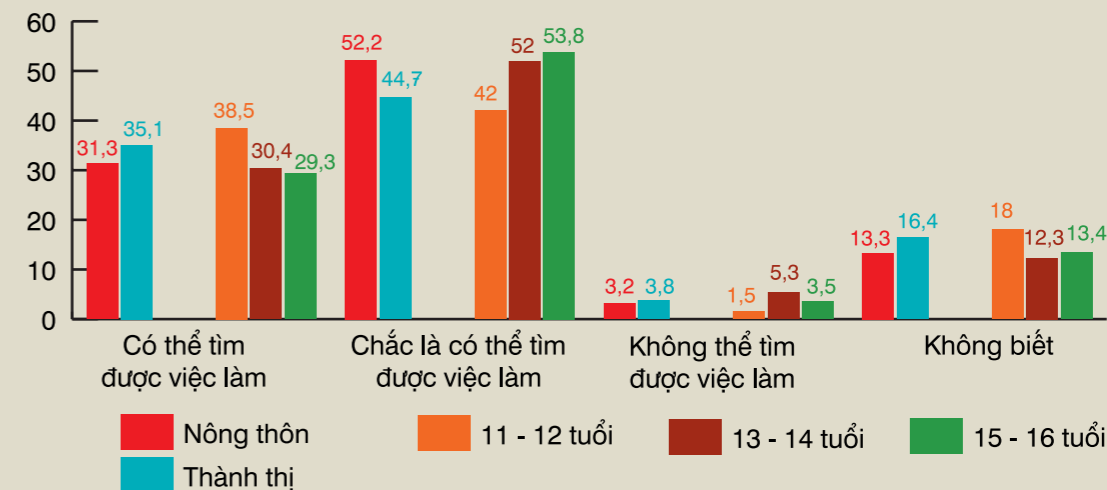
Nhận định của trẻ về việc làm của bản thân trong tương lai

Về vấn đề việc làm trong tương lai, 57,3% trẻ tham gia khảo sát không chắc chắn lắm về việc làm hoặc không nghĩ mình sẽ có việc làm trong tương lai. Chỉ có 32,8% trẻ đang đi học nghĩ rằng sau khi ra trường có thể tìm được việc làm phù hợp, 18% không biết hoặc nghĩ là mình không thể xin được việc làm. Tỷ lệ trẻ em nữ (38,2%) nghĩ mình có thể tìm được việc làm phù hợp nhiều cao các nhóm trẻ khác (trẻ em nam là 27,6% và giới tính khác là 15%). Tuy nhiên, 1/3 số trẻ em tham gia khảo sát cho biết các em rất lo lắng về việc làm trong tương lai.



Biểu đồ 30. Tỷ lệ trẻ nhận định về khả năng tìm được việc làm sau khi ra trường theo giới tính

Khảo sát cho thấy không có sự khác biệt lớn về Tỷ lệ trẻ ở nông thôn và thành thị trong nhận định về khả năng tìm được việc làm trong tương lai. Với trẻ ở các nhóm tuổi khác nhau, nhóm trẻ 13 - 14 tuổi không lạc quan về khả năng tìm được việc làm phù hợp so với trẻ ở các nhóm tuổi khác.



Biểu đồ 31. Tỷ lệ trẻ nhận định về khả năng tìm được việc làm sau khi ra trường theo khu vực và nhóm tuổi

Kết quả thu được từ các cuộc thảo luận nhóm cho thấy những điều mà trẻ mong muốn về cuộc sống tương lai chủ yếu liên quan đến môi trường sống, điều kiện học tập và công việc phù hợp, ổn định để tự lo cho cuộc sống của bản thân sau này.

“Em mong muốn một công việc ổn định, phù hợp với bản thân.”

- Trẻ nam, 16 tuổi, Lào Cai

“Em mong một tương lai tốt đẹp, có công việc ổn định, môi trường không bị ô nhiễm.”

- Trẻ nữ, 15 tuổi, Thừa Thiên Huế

“Em muốn cuộc sống bình thường, đủ điều kiện để trang trải cuộc sống, hàng ngày ăn cơm vui vẻ cùng gia đình và có công việc ổn định.”

- Trẻ nữ, 13 tuổi, Đắk Lắk



KHUYẾN NGHỊ HÀNH ĐỘNG

HÀNH ĐỘNG TỪ CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

- Các cơ quan quản lý nhà nước cần chú ý tới các giải pháp thực hiện chính sách, có các cơ chế thân thiện với trẻ em để đảm bảo trẻ em được tham gia, được bày tỏ ý kiến, được lắng nghe và các ý kiến của trẻ cần được lưu ý trong tất cả các vấn đề liên quan tới trẻ em.
- Các cơ quan quản lý nhà nước cần thúc đẩy truyền thông và nâng cao nhận thức cho các ban ngành, các tổ chức xã hội, nhà trường, gia đình và cộng đồng về sự tham gia của trẻ em, góp phần xóa bỏ những rào cản về sự tham gia của trẻ em.
- Các cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường hợp tác giữa Chính quyền địa phương, tổ chức xã hội, nhà trường và gia đình trong bảo vệ Quyền Trẻ em; đồng thời đặc biệt lưu ý và trợ giúp những nhóm trẻ dễ bị tổn thương như trẻ khuyết tật, trẻ ngoài nhà trường, trẻ ở các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc thiểu số, trẻ có giới tính khác để đảm bảo trẻ có hiểu biết tốt hơn về quyền của mình và có khả năng tiếp cận các dịch vụ sẵn có và thân thiện với trẻ em.
- Các cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường các hoạt động phổ biến Công ước LHQ về QTE và Luật Trẻ em 2016, các dịch vụ hỗ trợ trẻ em, Tổng đài Quốc gia Bảo vệ trẻ em 111 cho trẻ em, cha mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ và cộng đồng. Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở Giáo dục và Đào tạo cấp tỉnh, thành phố cần cải thiện chương trình giáo dục Quyền Trẻ em và Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em trong hệ thống giáo dục. Quyền Trẻ em cần được phổ biến theo nhiều phương pháp khác nhau như thông qua hoạt động ngoại khóa tại trường học, câu lạc bộ trẻ em, phát triển và phổ biến các tài liệu truyền thông về Quyền Trẻ em và Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em.
- Các cơ quan quản lý nhà nước cần ban hành các chính sách, biện pháp và hướng dẫn bảo vệ trẻ em khỏi bạo lực, xâm hại và xoá bỏ mọi hình thức trừng phạt về thể chất và tinh thần đối với trẻ em trong tất cả các môi trường sống của trẻ: ở nhà, trường học và cộng đồng. Cần thúc đẩy việc thi hành các điều luật hiện hành về cấm trừng phạt thể chất, tinh thần đối với trẻ em tại trường học. Đồng thời, nỗ lực nâng cao nhận thức về tác động tiêu cực của trừng phạt thể chất và tinh thần đối với trẻ em, nâng cao văn hóa kỷ luật tích cực và các biện pháp giáo dục thay thế trừng phạt cho cha mẹ, giáo viên và cộng đồng.

- Phát triển các chương trình hướng nghiệp, đào tạo nghề, phù hợp với nhu cầu và năng lực của trẻ em, cũng như xu hướng và nhu cầu thị trường; từ đó đem lại cho trẻ em nhiều cơ hội việc làm ổn định sau khi hoàn thành chương trình học.
- Các cơ quan quản lý nhà nước cần hành động nhiều hơn để đảm bảo việc sử dụng Internet an toàn và sử dụng phương tiện công cộng an toàn cho trẻ em.
- Cơ quan quản lý nhà nước cần chú ý tới quyền được sống trong một môi trường an toàn, trong sạch, lành mạnh cho trẻ em trong các chính sách liên quan về vấn đề môi trường, khí hậu, xây dựng và lao động. Cần chú ý tới tác động nghiêm trọng khác nhau của biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường tới quyền trẻ em cũng như sự tham gia thực chất của trẻ trong các chính sách và hành động bảo vệ môi trường và thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.
- Cần thúc đẩy phương pháp tiếp cận lấy trẻ em làm trung tâm trong các hoạt động ứng phó và giảm thiểu biến đổi khí hậu, đảm bảo quyền tham gia của trẻ em trong các thảo luận cũng như trong các quyết định về môi trường và biến đổi khí hậu.
- Mạng xã hội đang trở thành một kênh thông tin mà nhiều trẻ em đang tiếp cận, do đó, cần phải chú ý với kênh thông tin này và cần nhắc việc sử dụng mạng xã hội trở thành kênh chính thức để thông tin, phổ biến về Quyền Trẻ em. Cần lưu ý tới khả năng tiếp cận mạng xã hội của nhóm trẻ dân tộc thiểu số và trẻ khuyết tật.

HÀNH ĐỘNG TỪ PHÍA NHÀ TRƯỜNG

- Tăng cường sự tham gia có chất lượng của trẻ em trong tất cả các khâu vận hành, các hoạt động của nhà trường có liên quan tới trẻ em, đảm bảo các cơ chế thân thiện, dễ tiếp cận với trẻ em và có trách nhiệm giải trình về sự tham gia với tất cả trẻ em. Ví dụ, trẻ em có cơ hội tham gia xây dựng kế hoạch, thực hiện kế hoạch, giám sát quá trình thực hiện và tham gia quyết định các vấn đề liên quan tới trẻ em ở nhà trường.
- Đảm bảo tất cả các cán bộ, giáo viên, nhân viên làm việc với trẻ em ở trường học phải có hiểu biết về quyền trẻ em và được trang bị các kỹ năng cần thiết về làm việc với trẻ em, thúc đẩy sự tham gia của trẻ em và đảm bảo quyền của trẻ em.



- Đảm bảo trường học cung cấp cho trẻ em môi trường giáo dục tiên tiến, liên tục đổi mới và khuyến khích sự tham gia của trẻ. Các trường học cần có các biện pháp bảo vệ Quyền Trẻ em, đảm bảo quyền được giáo dục của trẻ em không bị gián đoạn thông qua hoạt động phòng ngừa và giảm nhẹ rủi ro với thảm họa.
- Cung cấp kiến thức, kỹ năng cho trẻ em để trẻ em có đủ thông tin, kỹ năng thực hiện quyền của mình cũng như bảo vệ quyền của mình.
- Thực hiện các biện pháp phù hợp để chấm dứt các hình thức trừng phạt thể chất và tinh thần đối với trẻ em trong môi trường học đường, ngăn chặn bắt nạt và phân biệt đối xử, hỗ trợ trẻ em tham gia các hoạt động ngoại khóa và vui chơi giải trí tại trường học miễn phí.
- Cung cấp thông tin về các dịch vụ hỗ trợ trẻ em tại cộng đồng và các nguồn lực khác như Tổng đài Quốc gia Bảo vệ Trẻ em 111, các trung tâm tư vấn và hỗ trợ trẻ em và các chính sách cụ thể về Quyền Trẻ em.

HÀNH ĐỘNG TỪ PHÍA CHA MẸ VÀ NGƯỜI CHĂM SÓC TRẺ

- Nâng cao hiểu biết của cha mẹ và người chăm sóc trẻ về Quyền Trẻ em, Công ước LHQ về QTE và Luật Trẻ em để đảm bảo việc tôn trọng Quyền Trẻ em và thực hiện trách nhiệm của họ đối với quyền trẻ em một cách đúng đắn.
- Cha mẹ và người chăm sóc trẻ cần được trang bị các kỹ năng lắng nghe trẻ em, ghi nhận, phản hồi tích cực các ý kiến hay đề xuất của trẻ em.
- Cha mẹ cần thực hành kỷ luật tích cực và giáo dục không bạo lực, không sử dụng hình phạt để bảo vệ trẻ khỏi bị bạo lực và xâm hại, tiến tới xóa bỏ tất cả các hình thức trừng phạt thể chất và tinh thần đối với trẻ em.

HÀNH ĐỘNG TỪ PHÍA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI

- Xây dựng và thực hiện các chương trình, các sáng kiến thúc đẩy thực hiện quyền trẻ em.
- Truyền thông, nâng cao năng lực cho các bên liên quan và cộng đồng trong việc thực hiện quyền trẻ em.
- Kết nối nguồn lực, huy động sự tham gia của các bên liên quan trong việc thực hiện quyền trẻ em, tích cực tham gia giám sát, đánh giá, tư vấn phản biện và vận động chính sách về thực hiện Công ước LHQ về Quyền Trẻ em và Luật trẻ em, và vận động chính sách với chính phủ, trường học, cộng đồng về các vấn đề trẻ em quan tâm.



Truyền thông, nâng cao năng lực cho các bên liên quan và cộng đồng trong việc thực hiện quyền trẻ em.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo “Phân tích Tình hình Trẻ em Thành phố Hồ Chí Minh năm 2017”, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và UNICEF Việt Nam
2. Báo cáo “Phân tích Tình hình Trẻ em Việt Nam 2016” Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và UNICEF Việt Nam
3. Báo cáo “Trẻ em ngoài nhà trường: Nghiên cứu của Việt Nam 2016”, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UNICEF Việt Nam và Viện Thống kê của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc.
4. Khảo sát Young Voices tại Armenia, năm 2017, <https://resourcecentre.savethechildren.net/document-collections/young-voices-national-surveys-collect-young-peoples-voices>
5. Khảo sát Young Voices tại Jordan, năm 2018, <https://resourcecentre.savethechildren.net/document-collections/young-voices-national-surveys-collect-young-peoples-voices>
6. Khảo sát Young Voices tại Uruguay, năm 2018, <https://resourcecentre.savethechildren.net/library/young-voices-uruguay-2018>
7. Khảo sát Young Voices tại Thụy Điển, năm 2014, https://resourcecentre.savethechildren.net/node/8573/pdf/young_voice_oct_2014_swedish_report_final.pdf



PHỤ LỤC SỐ LIỆU BẢNG HỎI KHẢO SÁT

PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG

Câu 1.1. Giới tính của em là gì?

	Nam	Nữ	Giới tính khác
Trẻ trong nhà trường	48,8	50,0	1,2
Ngoài nhà trường	40,6	59,4	0

Câu 1.2. Em đang học lớp mấy?

Trẻ trong nhà trường	Lớp 6	33,7	Trẻ ngoài nhà trường	Đã từng đi học	94,2
	Lớp 8	32,6		Chưa từng đi học	5,8
	Lớp 10	33,7			

Câu 1.3. Em sinh năm bao nhiêu?

Tuổi	11-12	13-14	15-16
Trẻ trong nhà trường	33,7	32,6	33,7
Ngoài nhà trường	20,3	30,4	49,3

Câu 1.4. Em đang ở cùng với những ai? (Khoanh tròn vào tất cả những người em đang ở cùng)

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường
Bố	84,6%	70,6%
Mẹ	90,1%	85,3%
Ông bà	24,5%	23,5%
Họ hàng	6,8%	8,8%
Bạn	1,5%	
Trung tâm bảo trợ/công tác xã hội	0,9%	
Nhà tạm lánh/nhà mở	0,2%	
Một mình	0,7%	1,5%
Anh/chị/em ruột	52,8%	

Câu 1.5. Em là người dân tộc nào?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường
Kinh (Việt)	91,2%	75,4%
Mường	0,2%	0%
Tày	0,3%	0%
Khơ me	0,2%	1,4%
Thái	0,1%	0%
H mông	1,8%	11,6%
Nùng	0,9%	4,3%
Hoa	1,0%	0%
Ý kiến khác	4,4%	7,2%

Câu 1.6. Em có gặp phải vấn đề khuyết tật nào không?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường
Không có khuyết tật nào	98,5%	98,6%
Khuyết tật vận động (tay, chân)	0,6%	0%
Khuyết tật nghe, nói	0,5%	0%
Khuyết tật nhìn	0,4%	1,4%
Khuyết tật khác	0,1%	0%

Câu 1.7. Hiện nay em đang thuộc những nhóm nào dưới đây? (có thể chọn nhiều phương án)

Cán bộ lớp	Cán bộ đội/đoàn của trường	Cán bộ đội/đoàn của địa phương	Không thuộc các nhóm trên
26,2	5,5	0,7	69,9



PHẦN 2: HIỂU BIẾT VỀ QUYỀN TRẺ EM

Câu 2.1. Em đã biết về Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em như thế nào?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Chưa từng nghe nói đến	53,2	55,1	53,3	53,9	30,0
Đã từng nghe nói đến	27,4	18,8	26,0	27,7	40,0
Đã từng đọc thông tin	5,8	1,4	6,3	4,9	5,0
Đã được học	12,9	24,6	13,9	12,8	20,0
Đã đi chia sẻ/dạy lại	0,7		0,5	0,7	5,0

Câu 2.2. Trong 12 tháng qua, nội dung Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em đã được nói đến tại nhà trường/ nơi em sinh sống như thế nào?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Không được nói đến	17,9	41,9	17,5	20,1	21,4
Có thảo luận/tuyên truyền nhưng em không tham gia	13,7	12,9	10,4	17,0	7,1
Có tham gia thảo luận/lắng nghe	36,0	22,6	40,2	30,8	35,7
Không biết	32,4	16,1	31,3	32,1	35,7

Câu 2.3. Em biết đến Quyền Trẻ em như thế nào?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Chưa từng nghe nói đến	15,1	33,3	12,2	19,6	5,0
Đã từng nghe nói đến	28,4	34,8	27,6	29,8	25,0

Đã từng đọc thông tin	10,5	7,2	11,8	9,0	10,0
Đã từng được học	46,0	23,2	48,4	41,4	60,0

Câu 2.4. Trong 12 tháng qua, nội dung về Quyền Trẻ em đã được nói đến tại nhà trường / cộng đồng nơi em sống như thế nào?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Không được nói đến	20,0	43,5	20,4	20,7	36,8
Có thảo luận/tuyên truyền nhưng em không tham gia	11,3	17,4	8,5	14,6	15,8
Có tham gia thảo luận/lắng nghe	44,7	23,9	48,2	40,0	31,6
Không biết	23,8	15,2	22,8	24,5	15,8

Câu 2.5 Em được tiếp cận thông tin về Quyền Trẻ em từ những nguồn nào khác nữa? (Có thể chọn nhiều phương án)

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Báo/ đài/ tivi	59,5%	35,7%	56,6%	62,2%	57,9%
Mạng xã hội	62,1%	35,7%	63,5%	58,9%	89,5%
Sách	43,8%	31,0%	46,8%	40,3%	36,8%
Các tổ chức hỗ trợ trẻ em	17,1%	33,3%	18,5%	16,2%	10,5%
Gia đình	23,8%	14,3%	26,4%	20,9%	15,8%
Chính quyền địa phương	11,7%	7,1%	10,4%	13,1%	5,3%
Bạn bè	11,0%	7,1%	10,3%	11,4%	21,1%



PHẦN 3: QUYỀN ĐƯỢC LẮNG NGHE VÀ BÀY TỎ Ý KIẾN CỦA TRẺ EM

Câu 3.1 Em có nghĩ rằng những người có quyền ra quyết định (như các bác lãnh đạo Đảng, Nhà nước ở trung ương, tỉnh, huyện, xã; người quản lý trung tâm/câu lạc bộ, bố mẹ,...) lắng nghe ý kiến của trẻ em về các vấn đề của trẻ em là rất quan trọng không?

	Có	Không	Không biết
Trẻ trong nhà trường	87,4	4,0	8,6
Trẻ ngoài nhà trường	68,1	11,6	20,3

Câu 3.2 Em đã bao giờ có cơ hội để bày tỏ ý kiến của mình với những người có thẩm quyền ra quyết định (như các bác lãnh đạo Đảng, Nhà nước ở trung ương, tỉnh, huyện, xã; người quản lý trung tâm/câu lạc bộ, bố mẹ,...) chưa?

	Có nhiều cơ hội	Có ít cơ hội	Không có cơ hội nào
Trẻ trong nhà trường	11,8	46,3	41,8
Trẻ ngoài nhà trường	8,7	49,3	42,0

Câu 3.3 Trong 12 tháng qua, em đã có cơ hội nói lên ý kiến của mình ở những nơi nào? (có thể chọn nhiều phương án)

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Khác
Ở trường học	60,3%		62,2%	57,3%	60,0%
Khi tham gia các hoạt động vui chơi	29,3%	44,4%	28,2%	28,7%	40,0%
Tại khu dân cư	5,8%	11,1%	4,6%	10,6%	0%
Ở nhà	76,8%	55,6%	76,6%	71,5%	80,0%
Tại cơ quan chính quyền địa phương	2,1%	5,6%	0,8%	3,5%	0%
Tại các diễn đàn dành cho trẻ em	0%	0%	0%	0%	0%

Câu 3.4. Em đã bày tỏ ý kiến của mình thông qua những cách thức nào? (có thể chọn nhiều phương án)

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Nói chuyện trực tiếp	81,5%	64,1%	83,2%	78,3%	90,0%
Thông qua hòm thư góp ý	11,9%	2,6%	11,1%	12,1%	10,0%
Viết thư cho người có quyền quyết định	10,7%	7,7%	11,7%	9,5%	10,0%
Gọi điện thoại	18,7%	2,6%	18,0%	18,2%	10,0%
Chia sẻ trên mạng xã hội	28,9%	30,8%	27,3%	29,8%	70,0%
Thuyết trình, chia sẻ tại các diễn đàn	6,2%	2,6%	5,5%	6,5%	10,0%
Tham gia câu lạc bộ trẻ em	7,5%	7,7%	7,2%	7,9%	20,0%
Vẽ tranh	22,5%	12,8%	25,0%	19,4%	90,0%
Gọi đến Tổng đài 111	3,8%	0	1,6%	5,7%	0

Câu 3.5 Nếu có cơ hội bày tỏ ý kiến, em muốn đưa ra ý kiến của mình về những vấn đề nào dưới đây? (có thể chọn nhiều phương án).

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Việc học tập và nhà trường	61,3%		62,5%	60,3%	55,0%
Các hoạt động vui chơi cho trẻ em	41,9%	68,1%	38,4%	48,1%	42,1%
Giao thông công cộng	30,5%	15,9%	28,6%	30,8%	31,6%
Phân biệt đối xử	34,7%	11,6%	40,0%	25,8%	73,7%
Các quyền bình đẳng	45,8%	17,4%	51,9%	36,0%	63,2%
Các vấn đề an toàn	43,4%	43,5%	44,5%	42,8%	26,3%



Không muốn đưa ra ý kiến	7,4%	5,8%	6,0%	8,6%	10,5%
--------------------------	------	------	------	------	-------

Câu 3.6. Ở trường, em có cơ hội để trình bày ý kiến của mình về các vấn đề như bữa ăn ở trường học, giờ giải lao, bài tập ở trường hay các vấn đề khác liên quan tới trường em không?

	11-12 tuổi	13-14 tuổi	15-16 tuổi	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Luôn luôn	4,0	6,0	3,7	4,8	4,4	25,0
Thường xuyên	7,9	11,9	8,6	9,1	9,4	25,0
Thỉnh thoảng	32,9	32,1	36,6	35,1	32,9	30,0
Hiếm khi	21,8	25,7	18,8	21,8	22,1	10,0
Không bao giờ	18,8	17,0	17,0	18,7	16,8	10,0
Không biết	14,6	7,2	15,4	10,5	14,4	25,0

Câu 3.7. Em nghĩ như thế nào về các vấn đề được đưa ra dưới đây:

STT		Rất quan trọng	Quan trọng	Khá quan trọng	Không quan trọng	Không biết
1	Việt Nam cần hành động nhiều hơn để chấm dứt vấn đề bị bắt nạt/bắt nạt trên mạng ở trẻ em.	67,3	22,5	7,8	0,7	1,7
2	Việt Nam cần hành động nhiều hơn để chấm dứt tình trạng người lớn sử dụng các biện pháp phạt gây tổn thương về thể chất, tinh thần của trẻ em khi các em mắc lỗi.	65,3	22,3	9,8	1,4	1,3
3	Việt Nam cần hành động nhiều hơn để giúp đỡ cho những trẻ em cần hỗ trợ về tâm lý (là những trẻ em đang cảm thấy tội tệ, buồn chán, thất vọng, tức giận, bị bạo hành, lạm dụng,... có ảnh hưởng tới cuộc sống của các em)	63,9	24,7	9,0	0,9	1,5

4	Việt Nam cần hành động nhiều hơn để giúp đỡ trẻ em và thanh thiếu niên có hành vi tự hủy hoại bản thân (là hành vi sử dụng một vật sắc nhọn để cắt da, đốt, gãi hoặc đánh vào các bộ phận cơ thể để làm đau mình mà không có ý định tự tử).	52,8	28,7	12,5	3,5	2,5
5	Việt Nam cần hành động nhiều hơn để bảo đảm trẻ em và người trẻ tuổi có thể gặp được chuyên gia tư vấn tâm lý ngay khi có vấn đề cần hỗ trợ.	32,3	36,3	24,1	3,3	4,0
6	Việt Nam cần hành động nhiều hơn để ngăn chặn vấn đề phân biệt đối xử và bất bình đẳng giới.	47,6	29,4	16,6	3,6	2,8
7	Việt Nam cần hành động nhiều hơn để giúp đỡ trẻ em nghèo nhiều hơn.	57,0	30,9	10,3	1,0	0,9
8	Việt Nam cần hành động nhiều hơn để cải thiện tình trạng của trẻ em khuyết tật.	51,5	31,1	14,1	1,1	2,2
9	Việt Nam cần hành động nhiều hơn để bảo đảm có một cán bộ phụ trách về trẻ em tại chính quyền địa phương.	26,8	33,4	27,4	5,9	6,5
10	Việt Nam cần hành động nhiều hơn để chống lại biến đổi khí hậu và thúc đẩy sự phát triển bền vững.	48,1	23,2	18,6	4,7	5,4
11	Việt Nam cần hành động nhiều hơn để bảo vệ trẻ em khỏi các hình thức xâm hại (thể chất, tinh thần, tình dục,...).	85,9	9,4	3,0	,5	1,2



PHẦN 4: HOÀN CẢNH SỐNG CỦA TRẺ EM

Câu 4.1. Em có phòng ngủ riêng ở nhà không?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Có	67,9	34,8	68,7	64,7	60,0
Không	32,1	65,2	31,3	35,3	40,0

Câu 4.2 Em có điện thoại di động riêng không?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Có	66,7	54,2	67,8	63,8	90,0
Không	33,3	47,8	32,2	36,2	10,0

Câu 4.3 Trong 12 tháng qua, có hoạt động nào ở trường em được tổ chức mà em không tham gia vì không có tiền đóng phí không?

	Trẻ nam	Trẻ nữ	Khác	11-12 tuổi	13-14 tuổi	15-16 tuổi
Có	6,4	6,6	20,0	13,7	7,6	7,3
Không	93,6	93,4	80,0	86,3	92,4	92,7

Câu 4.4. Có khi nào em không thể tham gia hoạt động vui chơi ở cộng đồng nơi em sống vì em hoặc gia đình em không đủ tiền để trả các chi phí ví dụ như chi phí đi lại, chi phí mua đồ dùng cần thiết như giấy thể thao, dụng cụ thể thao, đồ bơi... không?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Có	19,5	58,0	18,0	23,8	30,0
Không	80,5	42,0	82,0	76,2	70,0

Câu 4.5. Trong 12 tháng qua, có khi nào em không thể tham gia các hoạt động giải trí ngoài trời do các vấn đề về môi trường không? Ví dụ như nhặt lượm hoặc các thiên tai khác, hoặc do ô nhiễm không khí,...

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Có	31,4	50,7	29,8	34,2	50,0
Không	68,6	49,3	70,2	65,8	50,0

4.6a Em có bao giờ tham gia lao động để giúp gia đình có thêm thu nhập không?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Có	3,3	55,1	4,4	6,6	0
Không	96,7	44,9	95,6	93,4	0

Câu 4.7 Em tiếp cận mạng internet từ đâu? (Có thể chọn nhiều phương án)

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Máy tính ở nhà	46,6%	43,5%	45,7%	45,4%	70,0%
Ở ngoài quán internet	11,9%	0	6,6%	20,2%	15,0%
Máy tính ở trường	23,7%		22,5	24,4	40,0%
Điện thoại di động cá nhân	56,7%	47,8%	63,0%	52,2%	80,0%
Điện thoại di động của người thân	45,2%	20,3%	46,6%	44,1%	45,0%
Không sử dụng mạng internet	2,9%	7,2%	2,9%	3,4%	0

Câu 4.8. Em thường dùng mạng internet cho các mục đích gì? (có thể chọn nhiều phương án)

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Học tập/ tự nghiên cứu	85,7%	16,1%	88,6%	77,6%	90,0%
Xem các chương trình giải trí/ đọc tin tức	71,6%	53,2%	76,6%	64,8%	95,0%
Chơi trò chơi điện tử/ trực tuyến	58,7%	59,7%	47,8%	68,9%	75,0%
Giao lưu, kết nối bạn bè	71,7%	56,5%	73,8%	68,5%	75,0%
Mua sắm trên mạng	31,3%	11,3%	35,2%	25,4%	55,0%



Phát video trực tiếp (Livestream)	6,4%	4,8%	4,2%	8,2%	15,0%
Tải tài liệu	33,0%	3,2%	32,5%	30,3%	70,0%
Chia sẻ ảnh/ clip/ thông tin của bản thân	23,8%	17,7%	26,8%	19,7%	50,0%
Xem phim/ca nhạc	72,5%	46,8%	78,4%	64,3%	95,0%

Câu 4.9. Bố mẹ (hoặc người thân mà em ở cùng) có biết các hoạt động trên mạng của em không? (Chọn 1 phương án)

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	11-12 tuổi	13-14 tuổi	15-16 tuổi
Chia sẻ cho bố mẹ/ người thân	50,0	54,7	52,4	52,3	46,1
Bố mẹ/người thân kiểm soát	30,9	15,6	35,8	32,6	23,1
Bố mẹ/người thân của em không quan tâm.	14,8	26,6	10,5	12,0	22,7
Giấu không cho bố mẹ/người thân biết	4,0	3,1	1,3	2,8	7,6

Câu 4.10. Em có thoải mái khi bố mẹ/người thân biết hoạt động trên mạng của em không?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Có	49,4	64,4	44,4	50,3	27,3
Không	26,6	22,2	27,3	28,7	45,5
Không có ý kiến	24,0	13,3	28,3	21,0	27,3

Câu 4.11. Trung bình, một ngày em dành bao nhiêu thời gian sử dụng mạng Internet?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Ít hơn 1 tiếng	27,8	25,0	27,0	28,8	5,0
Từ 1 đến 3 tiếng	43,2	48,4	41,1	45,9	35,0
Khoảng 3 đến 5 tiếng	18,2	14,1	19,9	15,8	35,0

Khoảng 5 đến 7 tiếng	6,0	6,3	7,4	4,5	15,0
Nhiều hơn 7 tiếng	4,8	6,3	4,7	4,9	10,0

PHẦN 5: TRƯỜNG HỌC VÀ CÁC VẤN ĐỀ VỀ GIÁO DỤC TRẺ EM

Câu 5.1. Em có nhận được sự giúp đỡ (từ thầy cô, bố mẹ, bạn, anh/chị, gia sư,...) mà em cần để hoàn thành các bài tập ở trường không?

	Nam	Nữ	Giới tính khác	11-12 tuổi	13-14 tuổi	15-16 tuổi
Luôn luôn	16,0	18,5	5,0	15,9	17,0	18,5
Thường xuyên	28,3	26,2	40,0	21,4	30,4	30,3
Thỉnh thoảng	40,5	35,1	30,0	40,5	38,0	34,6
Hiếm khi	9,2	10,6	20,0	13,2	8,3	7,9
Không bao giờ	4,3	6,7	5,0	4,8	5,7	6,6
Không biết	1,6	3,0	5,0	4,2	0,6	2,2

Câu 5.2. Nhìn chung, em có hài lòng với việc giảng dạy của thầy cô ở trường không?

	Nam	Nữ	Giới tính khác	11-12 tuổi	13-14 tuổi	15-16 tuổi
Rất hài lòng	33,3	39,9	10,0	59,0	28,0	21,8
Khá hài lòng	28,5	25,8	40,0	15,6	35,9	30,7
Hài lòng	22,2	20,4	10,0	19,0	21,2	23,2
Hơi hài lòng	10,5	8,5	25,0	3,3	11,7	14,1
Không hài lòng	3,3	2,2	10,0	0,5	1,7	6,2
Không biết	2,1	3,2	5,0	2,6	1,5	4,0

Câu 5.3. Em được biết đến kế hoạch/chương trình phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em ở trường/địa phương em như thế nào?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Có kế hoạch/chương trình nhưng không biết nó diễn ra thế nào	25,9	27,5	23	29,1	20,0
Đã được thông báo	33,5	10,1	34	31,6	20,0
Đã được tham gia xây dựng kế hoạch	12,6	1,4	14	10,6	10,0



Được quyết định một phần hoạt động trong kế hoạch này	2,3	1,4	2	2,1	5,0
Chưa từng nghe nói đến	25,2	21,7	25	24,8	45,0

Câu 5.4. Em đã được học về phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em từ những đâu? (có thể chọn nhiều phương án)

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Tự học qua tài liệu, thông tin có sẵn trong sách vở, trên mạng xã hội	63,9%	36,2%	65,8%	60,1%	73,7%
Học từ bạn bè	18,7%	12,8%	16,3%	20,7%	21,1%
Bố mẹ, người thân trong gia đình hướng dẫn	59,2%	17,0%	66,5%	49,9%	36,8%
Được thầy cô giáo ở trường dạy	72,8%	51,1%	74,1%	70,2%	73,7%
Được các tổ chức, đoàn thể hướng dẫn	27,6%	25,5%	29,3%	25,7%	31,6%
Trao đổi qua các diễn đàn trên mạng xã hội	18,7%	6,4%	17,2%	18,8%	47,4%

Câu 5.5. Em đã từng được học những nội dung về An toàn khi sử dụng mạng Internet chưa?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Khác
Đã được học	77,4	60,9	78,2	75,4	75,0
Chưa được học	22,6	39,1	21,8	24,6	25,0

Câu 5.6. Em đã được học những nội dung nào về chủ đề An toàn khi sử dụng mạng internet? (có thể chọn nhiều phương án)

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Cài đặt quyền riêng tư	72,0%	42,9%	72,9%	68,9%	86,7%
Thiết lập và quản lý tài khoản trên mạng	58,3%	28,6%	55,8%	58,8%	60,0%
Sử dụng thư điện tử an toàn	42,1%	21,4%	37,5%	45,3%	46,7%
Cách thức phòng tránh virus, hacker	49,7%	9,5%	40,3%	56,3%	60,0%
Chia sẻ thông tin, hình ảnh cá nhân của bản thân trên mạng	38,6%	38,1%	44,0%	33,0%	46,7%
Chia sẻ thông tin, hình ảnh cá nhân của người khác trên mạng	22,5%	14,3%	23,5%	20,8%	33,3%
Lựa chọn kết bạn trên mạng xã hội	59,6%	33,3%	63,3%	54,2%	60,0%
Phòng tránh bắt nạt trên mạng	53,8%	21,4%	52,7%	52,2%	80,0%
Phòng tránh lừa đảo trên mạng	74,0%	45,2%	74,9%	71,3%	73,3%
Báo cáo sự cố tới nhà cung cấp dịch vụ	27,7%	7,1%	24,0%	29,5%	46,7%
Những rủi ro mà trẻ gặp phải trên mạng	44,0%	7,1%	44,7%	40,8%	46,7%
Sử dụng các phần mềm và các ứng dụng trên mạng	40,4%	9,5%	37,8%	40,9%	40,0%
Cách thức xử lý khi gặp phải những rủi ro trên mạng	36,9%	2,4%	35,9%	35,5%	46,7%
Cách thức phòng tránh xâm hại tình dục trẻ em trên mạng	53,9%	47,6%	60,5%	46,6%	66,7%



Câu 5.7. Em đã được học về An toàn khi sử dụng mạng Internet từ những nguồn thông tin nào? (có thể chọn nhiều phương án)

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Tự học qua tài liệu, thông tin có sẵn trong sách vở, trên mạng xã hội	61,0%	31,0%	61,3%	58,2%	80,0%
Học từ bạn bè	29,9%	33,3%	28,6%	31,4%	33,3%
Bố mẹ, người thân trong gia đình hướng dẫn	57,3%	16,7%	59,3%	52,7%	53,3%
Được thầy cô giáo ở trường dạy	53,6%	47,6%	53,4%	53,0%	66,7%
Được các tổ chức, đoàn thể hướng dẫn	24,0%	31,0%	24,7%	23,2%	46,7%
Trao đổi qua các diễn đàn trên mạng xã hội	19,2%	7,1%	16,4%	20,6%	46,7%

Câu 5.8 Em có cho rằng các thầy cô giáo và các nhân viên khác ở trường đang nỗ lực ngăn chặn vấn đề bắt nạt học đường không?

	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác	11-12 tuổi	13-14 tuổi	15-16 tuổi
Có	72,0	71,0	55,0	66,7	75,4	71,8
Không	8,7	11,5	10,0	9,7	9,3	11,3
Không biết	19,3	17,5	35,0	23,6	15,3	16,8

Câu 5.9. Em có cho rằng trường em đã thực hiện đủ các hoạt động cần thiết nhằm giúp đỡ trẻ em khuyết tật, những trẻ mà cần sự trợ giúp đặc biệt không?

	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác	11-12 tuổi	13-14 tuổi	15-16 tuổi
Có	60,9	63,6	50,0	61,8	68,2	56,5
Không	9,5	12,1	20,0	8,2	12,5	12,1
Không biết	29,7	24,3	30,0	30,0	19,3	31,4

PHẦN 6: QUYỀN ĐƯỢC SỐNG KHỎE MẠNH VÀ AN TOÀN CỦA TRẺ EM

Câu 6.1. Hãy khoanh tròn vào ô tương ứng mức độ cảm nhận của em về các vấn đề được nêu dưới đây:

TT		Luôn luôn	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ	Không biết
1	An toàn trên đường từ trường về nhà	39,7	33,0	16,6	3,2	5,2	2,3
2	An toàn trong lớp học	56,9	26,9	7,9	2,8	3,8	1,8
3	An toàn vào giờ nghỉ giải lao ở trường	53,8	28,3	9,6	2,8	3,0	2,6
4	An toàn ở khu vực nơi em sinh sống vào ban ngày	52,1	27,1	12,5	2,9	3,1	2,4
5	An toàn ở khu vực nơi em sinh sống vào buổi tối	26,4	27,5	23,8	10,4	8,3	3,5
6	An toàn ở câu lạc bộ hay trung tâm dành cho trẻ em	35,9	21,3	10,9	4,0	1,6	26,3
7	An toàn ở khu vực trung tâm thành phố/thị trấn nơi em sống vào ban ngày	33,5	29,8	16,7	5,1	3,6	11,3
8	An toàn ở khu vực trung tâm thành phố vào buổi tối	14,6	26,2	22,6	13,2	9,4	14,0
9	An toàn khi đi phương tiện công cộng vào ban ngày	26,7	28,4	20,9	7,6	5,3	11,2
10	An toàn khi đi phương tiện công cộng vào buổi tối	11,0	19,4	24,8	17,6	14,2	12,9



11	An toàn khi ở nhà	67,9	18,5	7,2	2,5	2,0	1,9
12	An toàn khi sử dụng mạng internet	25,1	34,9	23,2	6,1	4,5	6,2

Câu 6.2. Em hãy khoanh tròn vào 3 phương án mà em cho là 3 nguy cơ cao nhất em có thể gặp phải khi sử dụng mạng internet.

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Bị lộ thông tin cá nhân	66,9%	59,0%	65,9%	67,0%	84,2%
Nghiện mạng xã hội, nghiện game	61,3%	49,2%	60,0%	61,8%	52,6%
Bị bắt nạt trên mạng	36,6%	34,4%	37,5%	36,0%	15,8%
Chia sẻ các thông tin không chính xác	34,5%	29,5%	32,1%	36,3%	42,1%
Bị kết bạn xấu	38,6%	45,9%	38,7%	39,0%	36,8%
Bị nhắn tin hoặc chat quấy rối tình dục	49,7%	37,7%	56,8%	41,9%	52,6%

Câu 6.3. Trong 12 tháng qua, em cảm thấy lo lắng về những vấn đề nào trong những vấn đề dưới đây? (có thể chọn nhiều phương án)

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Trẻ nam	Trẻ nữ	Giới tính khác
Việc học quá khó khăn	49,0%		50,9%	46,4%	85,0%
Bị phân biệt đối xử	24,8%	36,2%	29,7%	21,3%	46,2%
Bị bắt nạt	29,8%	30,4%	28,5%	31,1%	23,1%
Là nạn nhân của các hành vi bạo lực do các bạn trẻ khác gây ra	16,1%	17,4%	15,4%	17,3%	30,8%
Là nạn nhân của các hành vi bạo lực do người lớn gây ra	14,7%	14,5%	15,2%	13,8%	38,5%

Có các hành vi tự làm hại bản thân mình	9,5%	1,4%	10,5%	7,3%	38,5%
Không thể tự quyết định việc sẽ chung sống hoặc kết hôn với ai	11,7%	5,8%	11,0%	11,2%	23,1%
Không nhận được sự giúp đỡ một cách đầy đủ ở trường	8,5%	15,9%	8,3%	9,2%	23,1%
Bố mẹ đuổi ra khỏi nhà	13,1%	27,5%	15,5%	12,2%	7,7%
Gia đình không có đủ tiền để đáp ứng các nhu cầu của gia đình	38,8%	27,5%	36,8%	40,0%	46,2%
Không cảm thấy lo lắng về vấn đề nào cả	24,8%	36,2%	29,7%	21,3%	23,1%

Câu 6.4 Trong 12 tháng qua, em có bao giờ cảm thấy căng thẳng về việc học tập không?

	Nam	Nữ	Giới tính khác	11-12 tuổi	13-14 tuổi	15-16 tuổi
Hoàn toàn không	8,1	12,6	10,0	17,2	8,9	4,9
Hiếm khi	15,3	16,6	5,0	24,3	14,6	8,6
Thỉnh thoảng	38,6	40,6	15,0	39,5	40,3	38,2
Thường xuyên	23,6	18,5	35,0	13,5	21,7	28,3
Luôn luôn	14,4	11,7	35,0	5,5	14,6	19,9

Câu 6.5 Trong 12 tháng qua, em có bao giờ cảm thấy căng thẳng về điểm số ở trường không?

	Nam	Nữ	Khác	11-12 tuổi	13-14 tuổi	15-16 tuổi
Hoàn toàn không	7,7	12,8	10,0	17,4	8,5	4,9
Hiếm khi	15,8	14,2	5,0	21,4	14,6	8,6
Thỉnh thoảng	28,2	30,0	35,0	29,3	28,7	29,4
Thường xuyên	23,1	21,1	10,0	16,5	23,6	25,8
Luôn luôn	25,3	21,9	40,0	15,5	24,6	31,3



Câu 6.6 Trong 12 tháng qua, em có bao giờ cảm thấy buồn bã và chán nản trong một thời gian dài không? (tình trạng đó kéo dài khoảng 1 tháng hoặc hơn)

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Nam	Nữ	Giới tính khác
Hoàn toàn không	29,2	30,4	29,0	29,9	10,0
Hiếm khi	28,4	20,3	27,2	29,6	0,0
Thỉnh thoảng	26,1	34,8	26,3	26,1	45,0
Thường xuyên	10,4	11,6	12,4	8,3	15,0
Luôn luôn	6,0	2,9	5,0	6,1	30,0

Câu 6.7 Trong 12 tháng qua, em có bao giờ trực tiếp chứng kiến trẻ em bị bắt nạt hoặc bị quấy rối không?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Nam	Nữ	Giới tính khác
Hoàn toàn không	50,8	26,1	51,2	48,4	50,0
Hiếm khi	25,8	33,3	27,8	24,5	20,0
Thỉnh thoảng	18,2	36,2	16,7	20,9	30,0
Thường xuyên	3,4	4,3	3,3	3,6	0
Luôn luôn	1,8	26,1	1,0	2,6	0

Câu 6.8. Lý do những trẻ em đó bị bắt nạt hoặc quấy rối là gì? (có thể chọn nhiều phương án)

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Nam	Nữ	Giới tính khác
Vì tôn giáo của bạn ấy khác với các bạn khác	10,6%	17,8%	9,4%	12,7%	0
Vì bạn ấy là người dân tộc thiểu số	16,0%	11,1%	18,5%	13,6%	0
Vì gia đình bạn ấy nghèo	41,3%	37,8%	45,0%	38,0%	22,2%
Vì bạn ấy hoặc bố mẹ bạn ấy đến từ một quốc gia, vùng, miền, địa phương khác	9,5%	13,3%	8,0%	11,4%	0

Vì bạn ấy là người khuyết tật	30,3%	13,3%	34,6%	25,1%	11,1%
Vì ngoại hình của của bạn ấy (Cao, thấp, béo, gầy...)	55,2%	17,8%	57,9%	48,7%	55,6%
Vì bạn ấy bị cho là/ hoặc thuộc nhóm đồng tính, song tính và chuyển giới	38,2%	8,9%	38,1%	34,1%	88,9%
Vì sự khác biệt về giới tính giữa các bạn nam và các bạn nữ	20,2%	8,9%	19,3%	19,2%	44,4%
Vì bạn ấy nhỏ tuổi hơn so với kẻ bắt nạt	48,5%	48,9%	44,2%	52,6%	44,4%

Câu 6.9. Trong 12 tháng qua, em có trực tiếp chứng kiến các bạn và/ hoặc anh, chị, em mình... bị người lớn xử phạt bằng các biện pháp sau đây khi mắc lỗi không? (Có thể chọn nhiều phương án)

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Nam	Nữ	Giới tính khác
Tát vào mặt	28,0%	21,7%	27,7%	27,7%	30,0%
Đánh bằng roi, gậy hoặc các vật dụng khác	35,2%	31,9%	34,9%	34,9%	45,0%
Đá, đập vào người	10,3%	13,0%	9,7%	11,3%	5,0%
Bắt đứng 1 chân	4,8%	2,9%	3,8%	5,7%	5,0%
Bắt quỳ	21,6%	23,2%	21,4%	22,1%	15,0%
Nhốt vào phòng tối	2,9%	1,4%	2,9%	2,9%	
Không cho ăn, uống	2,7%	2,9%	2,2%	3,1%	5,0%
Mắng chửi	62,9%	71,0%	61,5%	64,6%	75,0%
Gọi bằng những từ ngữ khiến trẻ em cảm thấy buồn, tự ti (Ví dụ như “đồ bỏ đi”, “đồ ăn hại”, “đồ vô dụng”, “đồ ngu dốt” ...)	29,5%	15,9%	30,3%	27,2%	50,0%



Dọa nạt (Ví dụ như: “đập chết”, “ăn đòn”, “đuổi ra khỏi nhà”, “ma bắt”, “ông ba bị bắt”...)	30,2%	20,3%	31,5%	27,7%	50,0%
So sánh với đồ vật, con vật	30,7%	20,3%	30,5%	29,7%	45,0%
Bỏ mặc, không chăm sóc	3,2%	5,8%	3,6%	3,2%	
Em chưa từng trực tiếp chứng kiến ai bị người lớn xử phạt bằng các biện pháp như trên khi mắc lỗi	18,3%	8,7%	19,6%	16,4%	15,0%

Câu 6.10 Em thấy các bạn và/hoặc anh, chị, em mình bị phạt bằng những biện pháp trên ở những nơi nào? (Có thể chọn nhiều phương án)

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Nam	Nữ	Giới tính khác
Trực tiếp chứng kiến ở nhà	74,0%	66,1%	73,9%	73,3%	75,0%
Trực tiếp chứng kiến ở trường	20,4%		18,1%	22,8%	11,8
Trực tiếp chứng kiến ở nơi công cộng	22,3%	22,6%	21,3%	22,8%	43,8%
Trực tiếp chứng kiến ở nhà hàng xóm	33,8%	35,5%	36,6%	31,7%	18,8%

Câu 6.11. Ai là người áp dụng các biện pháp xử phạt nêu trên với các bạn em và/hoặc anh, chị, em của em? (có thể chọn nhiều phương án)

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Nam	Nữ	Giới tính khác
Bố	64,8%	41,3%	62,1%	65,0%	78,6%
Mẹ	68,7%	57,1%	68,3%	67,7%	85,7%
Ông	7,6%	6,3%	7,6%	7,7%	7,1%
Bà	8,4%	6,3%	7,9%	8,7%	21,4%
Anh/em trai	9,2%	20,6%	7,6%	11,6%	14,3%

Chị/em gái	6,8%	14,3%	7,1%	7,1%	35,7%
Họ hàng (chú, bác, cô, dì, cậu, mợ, thím...)	15,0%	9,5%	16,3%	12,9%	14,3%
Người chăm sóc/nuôi dưỡng ở trung tâm	3,0%	0	2,9%	2,9%	14,3%
Thầy giáo	16,5%	11,1%	13,5%	19,0%	78,6%
Cô giáo	16,1%	6,3%	13,8%	17,5%	85,7%

Câu 6.12. Với từng vấn đề được nêu ra dưới đây, em sẽ tìm kiếm sự trợ giúp từ ai? (Có thể lựa chọn nhiều nguồn trợ giúp cho cùng một vấn đề)



Không biết tìm sự trợ giúp từ đâu	9,6%	24,5%	5,6%	6,0%
Tổng đài cảnh sát 113	0,8%	1,9%	16,3%	24,4%
Tổng đài bảo vệ trẻ em 111	3,5%	6,0%	23,5%	30,8%
Công an/cảnh sát	1,3%	6,8%	32,6%	50,4%
Bác sĩ	2,9%	1,3%	7,0%	5,2%
Chuyên gia tâm lý	7,5%	11,8%	12,3%	5,7%
Bạn bè	51,9%	40,4%	21,1%	17,6%
Thầy cô, giáo	14,0%	18,7%	28,9%	35,5%
Bố/mẹ/người thân	63,9%	21,1%	68,0%	27,3%
STT	1	2	3	4
	Khi em cảm thấy tồi tệ về mặt tinh thần, em sẽ tìm sự trợ giúp từ...	Khi em gặp những vấn đề ở gia đình em (bị mắng, đánh, bỏ mẹ cãi nhau, bố mẹ li hôn, ...) em sẽ tìm sự trợ giúp từ	Khi em bị bạo lực, xâm hại (bạo lực thân thể, xâm hại tình dục, bắt nạt, lừa gạt,...) em sẽ tìm sự trợ giúp từ	Khi em thấy trẻ khác bị hại (bạo lực, xâm hại, bắt nạt, lừa gạt,...) em sẽ tìm sự trợ giúp từ...

Câu 6.13. Trong 12 tháng qua, em có bao giờ cảm thấy buồn/ lo lắng về các vấn đề môi trường sau đây không?

STT	Các vấn đề về môi trường	Luôn luôn	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
1	Hiện tượng trái đất nóng lên	29,7	23,5	24,8	11,0	10,9
2	Các động vật hoang dã, thực vật và các khu vực tự nhiên như rừng dần biến mất	30,3	29,4	20,3	11,2	8,8
3	Ô nhiễm nước, không khí hoặc đất	47,2	26,8	15,4	6,2	4,3
4	Tiêu thụ quá mức và lãng phí tài nguyên thiên nhiên	40,3	30,9	18,0	6,9	3,9

PHẦN 7: TƯƠNG LAI

Câu 7.1. Em suy nghĩ về tương lai của mình như thế nào?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Nam	Nữ	Giới tính khác
Rất tích cực	26,7	23,2	23,4	30,0	10,0
Khá tích cực	28,5	18,8	26,9	29,5	15,0
Nửa tích cực, nửa tiêu cực	28,0	14,5	32,7	21,8	50,0
Khá tiêu cực	2,7	10,1	3,7	2,4	5,0
Rất tiêu cực	1,5	1,4	1,0	1,8	10,0
Không biết	12,6	31,9	12,4	14,5	10,0

Câu 7.2. Em có nghĩ rằng sau khi em ra trường em có thể tìm được việc làm phù hợp không?

	Nam	Nữ	Khác	11-12 tuổi	13-14 tuổi	15-16 tuổi
Có thể	27,6	38,2	15,0	38,5	30,4	29,3
Chắc là có thể	51,8	46,4	65,0	42,0	52,0	53,8



Không thể	3,2	3,5	10,0	1,5	5,3	3,5
Không biết	17,4	11,9	10,0	18,0	12,3	13,4

Câu 7.3. Em có tin tưởng rằng các nhà lãnh đạo đất nước hiện nay có thể có hành động thích hợp để ứng phó với biến đổi khí hậu không?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Nam	Nữ	Giới tính khác
Có	39,8	40,6	34,9	45,1	15,0
Không	29,0	18,8	28,5	27,7	65,0
Không biết	31,3	40,6	36,6	27,2	20,0

Câu 7.4: Em có nghĩ rằng cuộc sống tương lai của em sẽ khác với cuộc sống của cha mẹ em vì biến đổi khí hậu không? (Rằng em cần di chuyển tới những nơi khác, trồng trọt các loại cây trồng khác, tìm loại công việc khác, tiêu thụ sản phẩm ít hơn, đi du lịch ít hơn, ăn thực phẩm khác, luôn phải sẵn sàng đối mặt với thảm họa, v.v.)

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Nam	Nữ	Giới tính khác
Có	47,6	42,0	45,8	48,6	60,0
Không	21,9	24,6	21,9	22,0	30,0
Không biết	30,5	33,3	32,3	29,4	10,0

Câu 7.5. Em lo lắng, căng thẳng như thế nào về biến đổi khí hậu và/ hoặc các vấn đề môi trường khác ở Việt Nam?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Nam	Nữ	Giới tính khác
Rất căng thẳng/ rất lo lắng	22,1	23,2	19,7	24,6	20,0
Căng thẳng / lo lắng	61,9	49,3	66,7	56,2	65,0
Không căng thẳng / không lo lắng	16,0	27,5	13,6	19,2	15,0

Câu 7.6. Em lo lắng, căng thẳng như thế nào về biến đổi khí hậu và/ hoặc các vấn đề môi trường khác ở địa phương (huyện, tỉnh) của em?

	Trẻ trong nhà trường	Trẻ ngoài nhà trường	Nam	Nữ	Giới tính khác
Rất căng thẳng/ rất lo lắng	20,2	14,5	18,4	21,7	15,0
Căng thẳng / lo lắng	59,6	58,0	64,4	54,9	60,0
Không căng thẳng / không lo lắng	20,1	27,5	17,3	23,4	25,0





Save the Children

Về Tổ chức Cứu trợ Trẻ em (Save the Children)

Là một trong những tổ chức lớn nhất hoạt động vì trẻ em trên thế giới. Tổ chức được thành lập năm 1919 và hiện đang có mặt tại 120 quốc gia. Hoạt động của tổ chức tại Việt Nam bắt đầu từ năm 1990 với dự án dinh dưỡng và từ đó đến nay, chúng tôi đã mở rộng các chương trình bao gồm 6 lĩnh vực chính là Giáo dục, Sức khỏe và Dinh dưỡng, Bảo vệ trẻ em, Quản trị Quyền Trẻ em, Giảm nghèo cho Trẻ em, Giảm nhẹ Rủi ro, Thiên tai và Ứng phó Khẩn cấp. Tại Việt Nam, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em có mặt ở hơn 20 tỉnh thành với văn phòng tại Hà Nội, Lào Cai, Đà Nẵng, Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh. Qua sự cộng tác với các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, khối tư nhân cũng như các viện nghiên cứu, trong các chương trình phát triển và nhân đạo, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em cố gắng mang đến cho mọi trẻ em cơ hội SỐNG CÒN, HỌC TẬP, và ĐƯỢC BẢO VỆ.



MSD

Về Viện Nghiên cứu Quản lý Phát triển bền vững (MSD)

Là một tổ chức phi chính phủ Việt Nam, Viện Nghiên cứu Quản lý Phát triển bền vững (MSD) hành động vì một môi trường thuận lợi cho sự phát triển của khối các tổ chức xã hội, thúc đẩy việc thực hiện quyền của các nhóm cộng đồng bị lề hoá và dễ bị tổn thương, đặc biệt là trẻ em, thanh niên, phụ nữ và người khuyết tật. MSD hướng tới một thế giới công bằng và bình đẳng, nơi các tổ chức xã hội phát huy vai trò độc lập hoạt động hiệu quả, nơi quyền của các tổ chức xã hội và quyền của các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương được bảo đảm và tôn trọng. Chương trình Gia đình Việt của MSD tập trung vào các chủ đề: Giáo dục Quyền trẻ em, Quản trị Quyền trẻ em, Giáo dục công dân toàn cầu, Công dân số chuẩn, Phòng chống bạo lực xâm hại trẻ em đặc biệt là Phòng chống trùng phạt thể chất tinh thần và xâm hại tình dục trẻ em, Thúc đẩy sự tham gia và tiếng nói của trẻ em và thanh niên, v.v.

Báo cáo khảo sát “TIẾNG NÓI TRẺ EM VIỆT NAM”

Bản quyền thuộc Viện Nghiên cứu Quản lý Phát triển bền vững (MSD) & Tổ chức Cứu trợ Trẻ em (Save the Children)

Tài liệu/sản phẩm này được hỗ trợ tài chính bởi Chính phủ Thụy Điển. Nội dung của tài liệu/sản phẩm hoàn toàn thuộc trách nhiệm của tác giả. SIDA không nhất thiết phải chia sẻ quan điểm hay giải thích về tài liệu/sản phẩm này.

Hoàn thiện Báo cáo:

ThS. Nguyễn Phương Linh (Chủ biên)
TS. Lưu Thị Lịch
TS. Phạm Thị Hồng Phương

Hiệu đính & kiểm soát chất lượng:

Hoàng Thị Tây Ninh
Nguyễn Thị Tú Nga
Nguyễn Thị Minh An
ThS. Trần Văn Anh

Nhóm điều phối:

ThS. An Bích Vân
Trần Thu Thủy
Đặng Thị Lan Anh

Thiết kế

Trần Thị Dịu
Bách Đình

LIÊN HỆ

Viện Nghiên cứu Quản lý Phát triển bền vững (MSD)

Địa chỉ: Tầng 6, Số 15 Yên Lãng, P. Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (024) 62769056

Email: contact@msdvietnam.org | Facebook: Msd Vietnam



